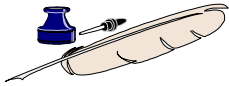


THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



Xã luận

ISSN 1145-9557 Số 174 - Năm thứ 16, tháng 10-2003

Lê Chí Quang trong tình trạng nguy kịch

Trong tháng 9 vừa qua tình hình sức khỏe của Lê Chí Quang đã sút kém một cách nguy ngập. Ban giám thị nhà tù Ba Sao đã cho bác sĩ khám nghiệm theo lời yêu cầu của gia đình, kết luận của bác sĩ là bệnh thận bẩm sinh của Lê Chí Quang sau một thời gian dị xuống đã tái phát một cách trầm trọng. Trọng lượng của Lê Chí Quang thay đổi một cách đột ngột, tháng trước phù thũng, tháng sau gầy như da bọc xương.

Đây là hậu quả của điều kiện giam cầm thiếu thực phẩm, thuốc men và săn sóc. Lê Chí Quang hoàn toàn không có lý do gì để phải bị giam cầm như thế. Bản án bốn năm tù và ba năm quản chế chỉ nói lên sự nhảm tâm vô lý của chế độ cộng sản. Họ buộc tội anh là đã liên lạc bằng điện thư với các thân hữu ở nước ngoài, trong khi chính quyền không ngừng kêu gọi tăng cường liên hệ giữa trong nước và cộng đồng người Việt hải ngoại được gọi một cách ưu ái là khúc ruột ngàn dặm của tổ quốc. Họ buộc tội anh là đã tuyên truyền chống nhà nước trong khi anh chỉ sử dụng quyền phát biểu ý kiến, một quyền được chính hiến pháp của nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam nhìn nhận. Trớ trêu hơn nữa, họ buộc tội anh đã viết bài góp ý sửa đổi hiến pháp hưởng ứng lời kêu gọi của chính phủ. Và họ cũng buộc tội anh là đã phê phán nhà nước cộng sản dùng nhà tù để đàn áp những người khác chính kiến.

Mọi người có lương tâm trên thế giới đều phải phần nộ trước một bản án thô bạo như vậy. Chính vì thế mà tất cả các tổ chức nhân quyền trên thế giới đã lên tiếng bênh vực anh. Người Việt Nam trên thế giới, nhất là những người Việt Nam quan tâm đến đất nước, còn có lý do thôi thúc hơn để bảo vệ Lê Chí Quang. Đất nước Việt Nam còn được bao nhiêu thanh niên như Lê Chí Quang? Tương lai đất nước sẽ ra sao nếu những người trẻ lương thiện và nhiệt tình như Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình và Phạm Hồng Sơn bị bách hại hết?

Một nghịch lý khó tưởng tượng nhất là đợt đàn áp tuổi trẻ này diễn ra vào giữa lúc ban văn hóa tư tưởng

của Đảng Cộng Sản Việt Nam than phiền rằng tuổi trẻ Việt Nam không quan tâm tới đất nước. Sự thực họ không muốn tuổi trẻ nghĩ về đất nước, họ không muốn một thế hệ trẻ có ý thức và phẩm giá. Họ chỉ muốn tuổi trẻ cúi đầu, nói vuốt đuôi.

Họ chỉ muốn một thế hệ trẻ giống như một đàn cừu ngoan ngoãn. Bởi vì chỉ có một tuổi trẻ như thế mới không nổi loạn trong xã hội băng hoại hiện nay: công an toa rập và ăn chia với các băng đảng xã hội đen, thứ trưởng bộ nội vụ đánh bài và dâm ô miễn phí trong các nhà chứa, chủ tịch nước, thủ tướng, đại đa số các bộ trưởng bao che cho họ hàng, con cái, thân nhân tư sản đồ xâu xé tài nguyên của đất nước. Và một phần nào họ đã thành công, thanh thiếu niên Việt Nam nghiện ngập như chưa bao giờ thấy, hàng trăm ngàn người chen chúc nhau đi đón cầu thủ bóng đá David Beckham, trong khi ít ai quan tâm đến tên Phạm Quế Dương, Trần Khuê, Nguyễn Đan Quế, Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình.

Xã hội Việt Nam đã sa đọa ở mức khó cứu chữa. Đó là một xã hội trong đó sự hèn nhát và bất lương được coi là tốt, trong khi sự dũng cảm và lòng yêu nước là tội, một xã hội trong đó bọn lưu manh dùng pháp luật để trừng trị người lương thiện. Điều mà đất nước cần không phải chỉ là những cải tổ mà là cả một cuộc cách mạng, một chính quyền mới, một đạo đức, những giá trị mới.

Nhưng trong trường hợp nguy ngập hiện nay của Lê Chí Quang, vấn đề không còn là chính trị mà chỉ đơn giản là vấn đề nhân đạo, nhân đạo hiểu theo nghĩa đen là đạo làm người. Chúng ta đòi nhà cầm quyền cộng sản phải cư xử như những con người và trả Lê Chí Quang về cho gia đình để được săn sóc và chữa chạy.

Mọi người Việt Nam trong cương vị của mình đều có thể đóng góp bảo vệ Lê Chí Quang. Đặc biệt là cộng đồng người Việt hải ngoại. Số tiền gần ba tỷ USD gửi về Việt Nam mỗi năm có tầm quan trọng quyết định đối với chế độ. Đã đến lúc cần suy nghĩ về cách sử dụng vũ khí này.

Thông Luận

Cứu nguy phong trào toàn cầu hóa

Nguyễn Gia Kiểng

Việc kỷ niệm rầm rộ hai năm cuộc tấn công ghê rợn của tổ chức khủng bố Al Qaeda đã khiến dư luận ít chú ý tới một biến cố quan trọng khác : sự thất bại hoàn toàn của hội nghị Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế (WTO) tại Cancun, Mexico. Các đại biểu đã chia tay nhau mà không thỏa thuận về một điểm nào cả, ngoài việc duy trì quyết định sẽ gặp lại nhau vào cuối năm 2004. Và họ chia tay nhau một cách bình thản, không tiếc.

Nạn nhân đầu tiên của thất bại này là các nước xuất cảng bông gòn tại châu Phi, đặc biệt là Nigeria và Mali. Họ hy vọng Mỹ sẽ hủy bỏ, hay ít nhất giảm bớt, tài trợ cho ngành trồng bông tại Mỹ để có thể cạnh tranh được với bông của Mỹ, đang bán dưới giá thành nhờ được tài trợ. Nông dân châu Phi sẽ phải sống những ngày rất điều đứng. Các nạn nhân sau đó là toàn bộ các nước chưa phát triển xuất khẩu nông phẩm, trong đó có Việt Nam. Các nước giàu có sẽ tiếp tục tài trợ cho nông dân họ, cho phép nông phẩm của họ bán với giá rẻ và buộc các nước nghèo khác cũng phải hạ giá. Việt Nam là một trong những nước thiệt hại nhiều nhất. Giá café sụp đổ, các vườn café của ta phá sản vì giá bán không đủ để trang trải chi phí thu hoạch. Nhiều người đã phải bỏ vườn ra đi.

Sự thất bại của hội nghị WTO tại Cancun lần này không phải do các cuộc biểu tình chống toàn cầu hóa như tại Seattle năm 1999. Sự động viên của phe chống toàn cầu hóa đã rất yếu. Lý do thất bại lần này là các nước chưa phát triển đã rất mù quáng. Một khối 22 nước, được gọi là Nhóm 22, hay G22, đã liên kết với nhau, với bốn đầu tàu là Brazil, Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia, quyết tâm đặt những yêu sách gay go với các nước phát triển. Họ đã thành công làm hội nghị tan vỡ. Nhưng quả là một thắng lợi cay đắng. Mỗi người ra về, không có gì thay đổi, và nông dân các nước nghèo hy vọng ở một số thay đổi trở lại với tình trạng bi đát như trước. Họ không biết rằng Hoa Kỳ và châu Âu không còn tha thiết gì với trào lưu toàn cầu hóa nữa và không mong gì hơn là hội nghị WTO lần này thất bại hoàn toàn. Cần nhấn mạnh *lần này* vì tương lai có thể khác.

Hội nghị này làm người ta nhớ lại tình hình Tiệp Khắc (Czechslovakia) tháng 6 năm 1992. Tiệp Khắc là một liên bang được thành lập sau thế chiến I với hai nước Tiệp (Czech) và Khắc (Slovakia). Hai nước cộng hòa ở hai mức độ phát triển khác nhau, người Slovak có cảm tưởng mình bị lép vế trong liên bang, trong khi người Czech, ngược lại, nghĩ rằng Slovakia là một gánh nặng đối với họ. Sau khi khối cộng sản sụp đổ, viễn ảnh tham gia Liên Hiệp Châu Âu khiến người Czech muốn trút bỏ gánh nặng này để tham gia Liên Hiệp Châu Âu với tư cách Cộng Hòa Czech. Người Slovak cần người Czech nhưng lại đưa ra nhiều yêu sách đòi được thỏa mãn mới chịu ở lại liên bang. Phía

Czech chỉ đợi có thể nên bèn nắm cơ hội giải tán liên bang để đường ai nấy đi. Phía Slovakia kêu trời nhưng đã muộn.

Nhưng tại sao Hoa Kỳ và Liên Hiệp Châu Âu lại không tha thiết với toàn cầu hóa và WTO nữa ? Lý do cơ bản là phong trào toàn cầu hóa chủ yếu chỉ có lợi cho các nước chưa hoặc kém phát triển. Nó mở thị trường các nước phát triển cho các nước kém mở mang, nó cũng bỏ hay hạ giá biểu quan thuế. Mặt khác WTO đặt ra những qui luật chung cho thương mại quốc tế áp dụng cho mọi quốc gia, mà qui luật nhắm trước hết bảo vệ kẻ yếu, kẻ mạnh không cần luật vì đã có sức mạnh.

Trước khi đến hội nghị, nhiều nước thuộc khối G22 đã không đọc kỹ và nghiền ngẫm phúc trình của Ngân Hàng Thế Giới (WB). Theo phúc trình này thì hiện tượng toàn cầu hóa đã đặc biệt có lợi cho các nước chưa phát triển. Các con rồng châu Á sỏ dĩ đã đạt được những thành quả ngoạn mục trong hai thập niên 1980 và 1990 là nhờ sự gia tăng ngoại thương và trao đổi quốc tế. Cũng theo phúc trình này thì trong thời gian mười hai (12) năm sắp tới nếu những dự định hạ giá biểu quan thuế của WTO được thực hiện thì sẽ làm tổng sản lượng thế giới tăng 500 tỷ USD và kẻ hưởng lợi chính là các nước đang phát triển. Không cần phải đọc phúc trình này cũng hiểu là phong trào toàn cầu hóa có lợi cho các nước đang phát triển : trong hai thập niên 1980 và 1990 các nước châu Á tăng trưởng xấp xỉ 10% mỗi năm trong khi Hoa Kỳ và châu Âu sẽ rất vui mừng nếu vượt quá được 3%. Các nước tư bản phát triển dần dần nhận ra rằng phong trào toàn cầu hóa này không có lợi cho họ bằng cho các nước đang phát triển và họ không chấp nhận để bị lên án là những kẻ trục lợi nữa.

Nếu không có một luật thương mại chung cho cả thế giới thì sẽ chỉ còn những thỏa ước thương mại khu vực hay song phương mà thôi, và trong các thảo luận song phương này một nước như Mali sẽ không có một trọng lượng nào để đặt điều kiện với Hoa Kỳ. Khối G22 quả là rất dại khi muốn làm khó dễ một đối tác chỉ tìm lý do để bỏ cuộc.

Cũng có những lý do ngắn hạn. Còn một năm nữa là đến cuộc bầu cử tổng thống Mỹ. Từ đây tới đó ê-kíp Bush không thể nào dám hủy bỏ khoản trợ cấp 3,5 tỷ USD cho giới trồng bông mà không mất phiếu ở một số tiểu bang miền Nam. Hoa Kỳ không phải không nhìn thấy những hậu quả bi đát của khoản tài trợ này đối với một số nước châu Phi, nhưng trong ngắn hạn điều tối đa mà Hoa Kỳ có thể làm chỉ là giảm một phần khoản tài trợ này. Nhưng cùng với việc cắt giảm này Hoa Kỳ cũng muốn trả đũa nước Pháp đã gây phiền nhiễu khá nhiều cho Hoa Kỳ từ khi có cuộc chiến Iraq. Hoa Kỳ phải đặt vấn đề một cách qui mô hơn, nghĩa là thảo luận về tài trợ nông nghiệp nói chung chứ không thể tách riêng vấn đề trồng bông. Đòi hỏi này hoàn toàn chính đáng, nhưng cũng là đòi hỏi mà Pháp

không thể chấp nhận trong lúc này. Các cải tổ an sinh xã hội, chế độ hưu trí và giáo dục đang khiến các cuộc biểu tình rầm rộ có thể nổ ra bất cứ lúc nào tại Pháp. Nếu lại thêm nông dân xuống đường nữa thì chính phủ Raffarin rất khó sống. Châu Âu cũng chưa có tiếng nói đồng nhất và không thể để nổ ra một cuộc khủng hoảng mới do việc cắt giảm hay xóa bỏ khoản tài trợ nông nghiệp mà Pháp là nước hưởng thụ chính.

Thất bại của hội nghị Cancun thực ra chỉ là dấu hiệu của một cuộc khủng hoảng mới của thế giới, mới không phải chỉ vừa mới bắt đầu mà còn mới về bản chất và nội dung.

Nói chung thì từ sau thế chiến II thế giới được tổ chức chung quanh cuộc tranh hùng giữa khối dân chủ tư bản và khối cộng sản, do Hoa Kỳ và Liên Xô lãnh đạo. Sự hiện diện của vũ khí nguyên tử với khả năng tiêu diệt cả kẻ thắng lẫn người bại đã khiến cho thế chiến không xảy ra, vì không thể hình dung được. Thay vào đó là những cuộc chiến địa phương giữa các phe đàn em. Việt Nam là một thí dụ. Mỹ và Liên Xô chấp nhận tranh đua với nhau bằng tuyên truyền, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, và dĩ nhiên bằng cuộc tranh đua vũ trang.

Ngày nay cuộc tranh hùng đã ngã ngũ. Khối cộng sản đã thất bại và sụp đổ (nhưng tại Việt Nam phe thắng bại trên thế giới lại thắng, điều này chứng tỏ chúng ta là một quốc gia không bình thường). Thay vào đó là một cuộc thế chiến khác, cuộc thế chiến chống khủng bố với những dữ kiện khác hẳn. Một nhóm người rất nhỏ có thể gây những thiệt hại vô cùng lớn về tài sản và nhân mạng như người ta đã thấy ngày 11-9-2001 tại Hoa Kỳ. Điều rất mới là bọn khủng bố không còn nhắm vào các căn cứ quân sự hay các lực lượng vũ trang mà nhắm vào các mục tiêu không quân sự, nhắm vào thường dân với mục đích giết thật nhiều người, ngay cả và trước hết là những người vô tội nhất. Bọn khủng bố không hy vọng lật đổ các chính quyền và thống trị các dân tộc. Chúng chỉ nhắm gây thiệt hại. Nạn nhân chính là các hoạt động kinh tế. Và sự trì trệ kinh tế sẽ kéo theo sự nghèo khổ các dân tộc. Đây là cuộc chiến của những kẻ giấu mặt chống lại nền văn minh và sự phồn vinh.


Chống lại bọn khủng bố sức mạnh quân sự không đủ. Chiến tranh qui ước cũng bất lực. Máy bay phản lực tối tân nào tiêu diệt một tên khủng bố giả làm thường dân cho nổ bom làm tan xác mình và làm chết theo một số lớn thường dân ? Hàng ngàn cảnh sát và quân đội cũng khó ngăn ngừa một quyết tử quân cuồng tín và giấu mặt như vậy. Các nước văn minh không thể chờ đợi bị tấn công rồi mới trả đũa. Trễ quá và cũng vô ích. Cần phải thay đổi quan niệm về chiến tranh, phải ra tay trước khi bị tấn công, ngay khi cảm thấy có nguy cơ, phải tiêu diệt lực lượng khủng bố ở ngay sào huyệt và hậu cần của chúng. Nói cách khác, phải chấp nhận nguyên tắc *chiến tranh phòng ngừa* và đánh gục, hay ít nhất trừng phạt, các nước côn đồ có triển vọng bao che bọn khủng bố. Nhưng chiến tranh phòng ngừa không nằm trong triết lý chính trị vẫn được tôn trọng từ

trước đến nay và do đó không dễ được chấp nhận. Như vậy bế tắc vẫn còn kéo dài khá lâu. Trong khi chờ đợi Hoa Kỳ có thể vẫn còn phải lấy những quyết định đơn phương và tiếp tục bị phản đối.

Định chế có thể cho phép giải quyết sớm bế tắc này là Liên Hiệp Quốc. Nhưng muốn như thế thì Liên Hiệp Quốc phải hội đủ ít nhất ba điều kiện : một là phải có uy tín đạo đức, hai là phải thực sự đại diện cho cộng đồng thế giới, và ba là phải có khả năng lấy quyết định khi cần. Cả ba điều kiện đó Liên Hiệp Quốc đều chưa có. Liên Hiệp Quốc hiện nay chấp nhận làm thành viên ngay cả những nước chà đạp nhân quyền như Việt Nam, Cuba và Libya. Tính đại diện của Liên Hiệp Quốc cũng rất tương đối. Một nước không đông và cũng không mạnh như Pháp lại là một trong năm thành viên thường trực của Hội Đồng Bảo An, trong khi gần một tỷ người Ấn Độ không có tiếng nói. Liên Hiệp Quốc cũng khó lấy quyết định vì bất cứ thành viên thường trực nào của Hội Đồng Bảo An cũng có quyền phủ quyết, nghĩa là đơn phương bác bỏ một quyết định được tuyệt đại đa số chấp nhận. Lại một khó khăn khác, vấn đề cải tổ Liên Hiệp Quốc, trên đó không thể có giải pháp nhanh chóng. Cuộc khủng hoảng này sẽ còn kéo dài và sự phục hồi kinh tế, nếu thực sự có, cũng sẽ chỉ ở mức độ giới hạn.

Còn một lý do khác nữa khiến cuộc khủng hoảng này có thể kéo dài : đây chủ yếu là cuộc chiến tranh giữa phe Hồi Giáo toàn nguyên và phương Tây. Lịch sử đã chứng tỏ Hồi Giáo toàn nguyên có sức đề kháng rất dai dẳng. Cuộc chạm trán đầu tiên phương Tây và Hồi Giáo đã kéo dài gần bảy thế kỷ. Hồi Giáo ngày nay không còn mạnh nữa và trong đại bộ phận không còn là toàn nguyên và cũng không chống văn minh phương Tây, nhưng bài học lịch sử này cũng rất đáng quan tâm. Không nên quên là chính quyền Hồi Giáo đã phát minh ra chiến tranh nhân dân, chiến tranh ý thức hệ và khái niệm tử đạo có lợi trên một qui mô lớn.

Sau cùng, trong thế dằng co có thể kéo dài này các quốc gia lại còn gặp một khó khăn khác. Đó là tuy một trật tự thế giới mới chưa thành hình nhưng lô-gích cạnh tranh thương mại của nó đã bắt đầu chế ngự. Trong sự thiếu vắng một luật thương mại quốc tế đầy đủ, mà hội nghị Cancun đáng lẽ phải là một bước tiến lớn, các nước lớn sẽ tranh cãi gay go để áp đặt những nhượng bộ qua các đàm phán song phương. Hoa Kỳ và châu Âu sẽ đòi Trung Quốc tăng giá đồng Nhân Dân Tệ. Châu Âu sẽ đòi Hoa Kỳ thực hiện lời cam kết giữ cho đồng đô-la mạnh trong khi Hoa Kỳ muốn một đồng đô-la yếu để giảm bớt thâm hụt ngoại thương. Vả lại Hoa Kỳ cũng không có giải pháp nào khác ngoài chiết giảm thâm hụt ngoại thương vào lúc mà họ phải chi 87 tỷ USD cho việc tái thiết Iraq trong khi Châu Âu cho biết chỉ có thể đóng góp 200 triệu USD với nhiều điều kiện. Nhật sẽ phải cản rặng hỗ trợ nhỏ giọt đồng đô-la, v.v. Tất cả những tranh chấp này càng khiến cho hy vọng phục hồi kinh tế của thế giới và một đồng thuận cải tổ Liên Hiệp Quốc thêm khó khăn.

Trong khi chờ đợi các nước chưa phát triển hoặc 

Pháp và Mỹ tiếp tục kinh địch ?

Cuộc gặp gỡ giữa tổng thống Mỹ George W. Bush và tổng thống Pháp Jacques Chirac trước ngày khai mạc Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc cuối tháng 9 vừa qua đã không giúp Pháp và Mỹ sáp lại gần nhau hơn sau biến cố Iraq.

Vẫn còn những tiếng bắc tiếng chì.

Tiếng bắc là của Chirac. Ông này không nhắc đến nước Mỹ nhưng đã kích chính sách đơn phương, nói rằng không một nước nào dù mạnh đến đâu có thể bắt chấp Liên Hiệp Quốc trong các quyết định lớn cho thế giới. Không nêu đích danh nhưng rõ ràng là nhắm vào Mỹ.

Tiếng chì là của Bush. Ông này nói thẳng thừng vài ngày trước cuộc gặp gỡ là Pháp đã chống Mỹ và cố lôi kéo các nước khác chống Mỹ.

Nếu nhìn vào những gì mà chính phủ Pháp nói và làm thì phải nhìn nhận ông Bush đã nói thực. Vụ Iraq chỉ là một sự kiện trong một loạt sự kiện nằm trong một tâm lý chống Mỹ nói chung của nước Pháp. Trong chiến tranh Việt Nam, giữa lúc Mỹ đang vất vả và giúp miền Nam chống lại cuộc tiến công từ miền Bắc, tổng thống De Gaulle đã tuyên bố tại Phnom Penh (tháng 1-1965) rằng Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam là một mặt trận "kháng chiến quốc gia" và đã làm cho Washington giận dữ vì Mỹ chỉ coi Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam là một sản phẩm của Hà Nội. Ít lâu sau, Pháp tuyên bố rút khỏi NATO do Mỹ lãnh đạo và nói thẳng là không muốn bị vướng mắc vào những quyết định quốc tế của Mỹ. Trước khi chế độ Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ, tổng thống Pháp Giscard d'Estaing đã ra một tuyên bố làm Mỹ rất khó chịu, theo đó chính quyền Sài Gòn phải được trao cho phe chủ trương thỏa hiệp với miền Bắc, điển hình là tướng Dương Văn Minh. Đó là những sự kiện cụ thể, nhưng nói chung các chính khách cánh hữu của Pháp không bỏ lỡ một cơ hội nào để bày tỏ thái độ không tán thành Mỹ. Điểm đặc biệt trong thái độ chống Mỹ của Pháp là nó không có tính ý thức hệ vì, nói chung, phe hữu De Gaulle chống Mỹ trong khi Đảng Xã Hội thuộc phe tả lại thân Mỹ.


Có hai lý do đặc biệt có thể giải thích thái độ chống Mỹ của Pháp. Một là mặc cảm thua kém đua tới sự ghen tức

và đố kỵ. Trước thế kỷ 19, Pháp được xem là nước mạnh nhất thế giới, tiếng Pháp là ngôn ngữ được quý trọng nhất thế giới. Ngày nay Pháp đứng sau nhiều nước và ảnh hưởng của Pháp ngày càng suy giảm, tiếng Pháp nói chung cũng chỉ còn được sử dụng tại Pháp và một số ít quốc gia, tổng số người nói tiếng Pháp chỉ khoảng 150 triệu, chưa tới 2% dân số thế giới, trong khi đó Mỹ đã trở thành siêu cường vượt trội và tiếng Mỹ đã được sử dụng trên toàn cầu. Lý do thứ hai là trong Thế chiến II, Mỹ đã có thái độ thiếu thiện cảm đối với De Gaulle và đã muốn loại Pháp ra khỏi nhóm các quốc gia siêu cường, Pháp chỉ được Mỹ chấp nhận nhờ sự ủng hộ nồng nhiệt của Anh. Có lẽ từ đó phe De Gaulle có thái độ "thù dai" với Mỹ.

Ở một mức độ nào đó, Pháp muốn là phát ngôn viên của những quốc gia không phục tùng Mỹ đồng thời là tiếng nói của cộng đồng châu Âu, mà ảnh hưởng ngày nay suy giảm hẳn so với Mỹ, một quốc gia do chính những người Tây Âu bị khinh thường và xua đuổi thành lập ra. Châu Âu do đó có nhu cầu tìm lại vai trò chủ đạo của mình trong cộng đồng thế giới bằng cách tìm cho mình một hướng đi riêng biệt, với hy vọng lôi kéo một số đồng các quốc gia khác. Đó là cuộc chạy đua tranh giành chỗ đứng mà châu Âu đang gặp rất nhiều khó khăn, vì đã tỏ ra yếu kém về quân sự và kinh tế, và đặc biệt là thiếu sự đồng thuận ngay trong nội Liên Hiệp Châu Âu. Ngoài ra, những sai lầm trong quá khứ về tư tưởng chính trị như các chủ thuyết phát-xít, quốc xã, cộng sản cũng đã làm châu Âu mất đi rất nhiều uy tín. Thêm vào đó châu Âu đã tỏ ra bất lực trong việc giải quyết các cuộc khủng hoảng ngay trên chính lục địa của mình tại vùng Balkan.

Thái độ bất bí của Pháp đối với Mỹ : đòi Mỹ phải trao quyền lại cho chính quyền Iraq trong thời hạn 9 tháng chẳng qua chỉ là một sách lược nhằm áp đặt một giải pháp khác biệt của châu Âu để lấy lại phần nào uy tín và ảnh hưởng đã mất. Trong cuộc chạy đua này ai thắng ai thua thời gian sẽ trả lời. Hai đầu thủ có thể thi đấu một sống một còn với nhau trên võ đài nhưng không vì thế mà không thể bắt tay nhau.

Nguyễn Sơn Bá (Paris)

 đang phát triển sẽ phải rất tỉnh táo. Một mặt phải nhanh chóng chấp nhận các giá trị dân chủ và nhân quyền để nhanh chóng hội nhập vào sinh hoạt chung của thế giới. Phải ý thức rằng trong lúc này mọi lý do đều tốt để trừng phạt kinh tế, và nhân quyền là lý do sáng giá nhất. Mặc khác cũng đừng dại dột để bị lôi cuốn vào những liên minh quá khích ngăn cản khuynh hướng toàn cầu hóa, nhất là những nước chủ xướng các liên minh này thường có chủ ý riêng. Một thí dụ : Việc hội nghị Cancun vừa qua thất bại trong một đồng thuận về cắt giảm tài trợ nông nghiệp tại Hoa Kỳ và châu Âu đã rất thiệt hại cho các nước nông nghiệp châu Phi và Việt Nam, nhưng đã có lợi cho Trung Quốc. Giá nông phẩm sẽ tiếp tục rẻ và Trung Quốc là nước nhập cảng nông phẩm nhiều nhất.

Cần phải hiểu bản chất của phong trào chống toàn cầu hóa. Đó là một liên minh giữa những kẻ ích kỷ và những

kẻ giả dối. Những kẻ ích kỷ, như lãnh tụ tiểu nông José Bové, không nhắm một lý tưởng nhân đạo nào mà chỉ đòi giữ nguyên tài trợ nông nghiệp và đóng cửa thị trường quốc gia để ngăn chặn hàng hóa từ các nước chưa mở mang. Những kẻ giả dối là các lực lượng khuynh tả. Trước đây họ là những lực lượng chủ trương quốc tế hóa theo quan điểm marxist. Ngày nay họ chống toàn cầu hóa vì nó là trào lưu toàn cầu hóa theo trường phái tự do. Một thành phần khác của liên minh ô hợp này là các thế lực theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, kể cả bọn kỳ thị chủng tộc và những tàn dư của phát-xít, nazi và cộng sản.

Các nước chưa phát triển hoặc chưa đủ phát triển cần ý thức rõ ràng rằng họ cần những qui định quốc tế, họ cần mở thị trường các nước phát triển, họ cần toàn cầu hóa. Trước mắt họ cần cứu nguy phong trào toàn cầu hóa.

Nguyễn Gia Kiểng

25-9-2002 / 25-9-2003

Nguyễn Vũ Bình tròn một năm biệt giam !

Lâm Thu Vân

Hôm nay là đúng một năm, nhà báo Nguyễn Vũ Bình bị bắt giam, chưa hề có một phiên tòa xét xử. Gia đình của anh chưa có một lần được gặp mặt anh.

Những gì xảy ra cho Nguyễn Vũ Bình trong suốt 365 ngày, sau mấy lần cửa ngục ? Tình trạng này sẽ kéo dài trong bao lâu nữa ? Ý định của những người cố tình kéo dài thời kỳ "tạm giam" này là gì ? Có phải Nguyễn Vũ Bình bị "bỏ quên" bởi một hệ thống tư pháp bê bối hay không?

Bao nhiêu câu hỏi được đặt ra trong ngày hôm nay, 25-9-2003, vì từ ngày Nguyễn Vũ Bình lên tiếng đòi dân chủ, tự do trong nước, những gì xảy đến cho anh đều rất được chú ý. Những gì anh đòi hỏi cho đất nước và dân tộc là những thách thức đối với nhà cầm quyền hiện tại. Giấc mơ dân chủ tự do của Nguyễn Vũ Bình là giấc mơ chung của cả dân tộc. Bắt giam để bóp nghẹt tiếng nói của anh tức là chặn đứng cuộc tiến của dân tộc đến một tương lai tươi sáng hơn.

Thực vậy, trường hợp của công dân Nguyễn Vũ Bình không phải là một trường hợp riêng lẻ. Cùng một lúc với Nguyễn Vũ Bình còn có Lê Chí Quang, trẻ hơn 2 tuổi, hiện đang đau nặng nhưng vẫn phải ngồi tù tại trại Ba Sao với bản án 4 năm vì đã kêu gọi dân chủ hóa đất nước và bảo vệ lãnh thổ. Còn có Phạm Hồng Sơn, trí thức trẻ, từ bỏ cuộc sống sung túc để dấn thân đòi dân chủ cho Việt Nam, đã trải qua hai phiên tòa lố bịch để rồi vẫn phải giữ bản án 5 năm tù không có tội danh. Còn có Nguyễn Khắc Toàn vì trợ giúp những nạn nhân của tham nhũng và cưỡng hào ác bá mà đang bị giam tại trại Ba Sao với bản án 12 năm vì tội "gián điệp".

Còn nhiều nữa, những trường hợp như Nguyễn Vũ Bình, vì trong hệ thống pháp lý mờ ám của Việt Nam công lý không có, làm sao kể hết những người bị sa vào vòng lao lý chỉ vì phát biểu ý kiến xây dựng một cách ôn hòa.

Xin trích đăng ở đây bức thư của chị Bùi Thị Kim Ngân, vợ của Nguyễn Vũ Bình, đã viết ngày 19 tháng 5, 2003, tức 8 tháng sau ngày Nguyễn Vũ Bình bị bắt.

"Kính gửi :

Các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Các ban ngành, các cấp có thẩm quyền

Tôi là : Bùi Thị Kim Ngân

Địa chỉ : số nhà 26 tổ 67B - phường Vĩnh Tuy - Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Chồng tôi là : Nguyễn Vũ Bình, bị bắt ngày 25 tháng 9 năm 2002, lý do : gián điệp

"[...] Sau này tôi có tìm hiểu và biết chồng tôi đã viết một số bài như :

- Đơn xin thành lập Đảng Tự Do Dân Chủ.
- Việt Nam và con đường phục hưng đất nước.
- Bản điều trần về vấn đề nhân quyền ở Việt Nam.

Ngoài ra còn ký tên vào một số đơn xin thành lập Hội nhân dân chống tham nhũng gì đó, đòi xóa bỏ nghị quyết 31/CP [...] Đó chỉ là ý kiến, quan điểm, chồng tôi không thể là gián điệp [...]

Dù sao trong thời gian chờ đợi sự phán xét của các ông, tôi cũng xin phép các ông cho tôi được gặp chồng tôi, được gửi thư cho chồng tôi để tôi cũng như chồng tôi biết về tình hình sức khỏe của chồng tôi, của tôi, của các con tôi. Tôi rất mong các ông cho phép.

Tôi cũng xin mạn phép được hỏi các ông một điều làm tôi băn khoăn : Luật pháp của Việt Nam đã ban hành thì toàn bộ lãnh thổ Việt Nam đều thực hiện như nhau. Tại sao chồng tôi và một số người khác đều vi phạm điều 80, mà chồng tôi bị đối xử khác biệt ? Mọi người vẫn được nhận sách, báo, thư từ của gia đình. Trong khi đó chồng tôi bị cấm không được nhận những thứ trên ? Mặc dù đã mấy lần tôi làm đơn xin phép được gửi sách, báo, tạp chí của Việt Nam xuất bản, nhưng các ông đều trả lời hiện tại thì không được gửi. Không biết đến bao giờ tôi mới được các ông cho phép gửi những thứ đó cho chồng tôi ?

Chồng tôi đã 9 năm làm biên tập viên, vì thế, đọc sách, báo, tạp chí... đối với chồng tôi như thể buổi ăn chính không thể thay thế được. Nếu chồng tôi không được các ông cho phép nhận sách báo, tạp chí, thì đó chính là nỗi đau lớn nhất mà chồng tôi phải gánh chịu. Nếu các ông sợ trong đó có những ký hiệu, thông tin gì, theo tôi nghĩ các ông có đầy đủ các biện pháp để kiểm tra những trang sách, báo, tạp chí đó. Chỉ phiền các ông bớt chút thời gian.

Một lần nữa tôi cầu xin các ông cho phép tôi được gặp, gửi thư, sách báo, tạp chí cho chồng tôi.

Tôi rất mong sớm nhận được thư hồi âm của các cấp có thẩm quyền...

Người làm đơn : Bùi Thị Kim Ngân".

Và đây xin trích dịch lá thư của tổ chức Human Rights Watch gửi cho ông chủ tịch nhà nước Việt Nam Trần Đức Lương ngày 4 tháng 10, 2002 để phản đối việc bắt giữ nhà báo Nguyễn Vũ Bình :

"Kính gửi Chủ tịch nhà nước Việt Nam Trần Đức Lương Thưa Ngài,

Chúng tôi viết thư này để nói lên sự quan ngại của chúng tôi đối với việc nhà nước Việt Nam không tôn trọng tự do ngôn luận, một điều khoản trong Công Ước quốc tế mà Việt Nam đã cam kết thực thi.

Ngày 25 tháng 9, 2002, công an đã xét nhà của ký giả Nguyễn Vũ Bình tại Hà Nội và sau đó giam giữ ông. Hiện nay không ai biết tình trạng của ký giả này ra sao. Cũng không ai biết Nguyễn Vũ Bình bị buộc tội gì. Chỉ biết rằng ông Bình đã viết nhiều bài với nội dung kêu gọi chính quyền phải thực hiện những cải tổ chính trị vì có nhiều điều cần sửa sai trong chính sách nhà nước.

Trước đây Nguyễn Vũ Bình có bị giữ vài ngày để công an điều tra, vào tháng 7, 2002, sau khi ông gửi một bài viết về tình trạng nhân quyền Việt Nam cho Quốc Hội Hoa Kỳ và cũng có ký tên vào một thỉnh nguyện thư của các công dân Việt Nam gửi chính quyền Việt Nam để đòi dân chủ hóa đất nước.

Human Rights Watch đòi chính quyền Việt Nam trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho ký giả Nguyễn Vũ Bình. Sự giam cầm Nguyễn Vũ Bình vi phạm quyền tự do ngôn luận tại Việt Nam.

Là một thành viên của Liên Hiệp Quốc, Việt Nam đã cam kết thực thi Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị. Như thế Việt Nam phải bảo vệ các quyền căn bản của các công dân Việt Nam.

Chúng tôi tin tưởng rằng ngài sẽ tìm đủ mọi cách để nhà nước Việt Nam theo đúng những điều đã cam kết với Liên Hiệp Quốc.

Ký tên : M.J., Giám Đốc Phân Bộ Á Châu, Human Rights Watch".

Đến đây tưởng cũng nên nhắc vài điểm chính trong tiểu sử của nhà báo trẻ Nguyễn Vũ Bình :

Nguyễn Vũ Bình sinh năm 1968. Ông có vợ và 2 con (3 tuổi và 1 tuổi), nhà ở 26, T67, P. Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tốt nghiệp Đại Học tổng hợp Hà Nội năm 1990, ông làm phóng viên kinh tế cho Tạp Chí Cộng Sản từ 1992 đến 2000. Cuối năm 2000 ông từ chức Tạp Chí Cộng Sản và tham gia tích cực vào các hoạt động đấu tranh dân chủ hóa Việt Nam.

Tháng 2, 2000, Nguyễn Vũ Bình gửi đơn xin thành lập "Đảng Tự Do Dân Chủ" sau khi phổ biến bài viết "Việt Nam và con đường phục hưng đất nước".

Ngày 2 tháng 9 năm 2001, Nguyễn Vũ Bình ký tên gia nhập "Hội nhân dân Việt Nam ủng hộ nhà nước chống tham nhũng" do ông Phạm Quế Dương và ông Trần Khuê thành lập.

Từ ngày 5 tháng 9, 2001, Nguyễn Vũ Bình nhiều lần bị công an xét nhà và bị buộc trình diện sở công an để điều tra.

Ngày 15 tháng 9, 2001, Nguyễn Vũ Bình trả lời đài BBC phỏng vấn, ông xác định quyết tâm tranh đấu dân chủ hóa Việt Nam.

Ngày 6 tháng 7, 2002, Nguyễn Vũ Bình ký vào bản kiến nghị tập thể để phản đối các vụ đàn áp nhân quyền trong vòng một năm qua.

Ngày 19 tháng 9, 2002, Nguyễn Vũ Bình được mời điều trần trước Ủy Ban nhân quyền của Quốc Hội Hoa Kỳ. Không đi được, trước ngày điều trần, ông có gửi một bài trong đó ông kê khai những trường hợp cụ thể vi phạm quyền tự do ngôn luận và tự do tư tưởng tại Việt Nam. Vì bài điều trần này, Nguyễn Vũ Bình bị công an Hà Nội bắt trình diện hằng ngày để chất vấn.

Ngày 25 tháng 9, 2002, Nguyễn Vũ Bình bị công an bắt giữ luôn và cho đến nay còn bị biệt giam, không hề đưa ra xét xử.

Tổ chức Human Rights Watch đã tặng giải Hellman/

Hammett cho Nguyễn Vũ Bình vào năm 2002 cùng với 4 nhà tranh đấu Việt Nam khác là Lê Chí Quang, Trần Khuê, Nguyễn Đan Quế, hòa thượng Thích Quảng Độ, để vinh danh sự đóng góp cho nhân quyền trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn.

Khi nộp đơn xin thành lập đảng Tự Do Dân Chủ, Nguyễn Vũ Bình đã phổ biến bài viết "Việt Nam và con đường phục hưng đất nước" mà sau đây là vài đoạn trích:

"[...] Đến thời điểm này, tôi cho rằng Việt Nam đang đứng trước một cuộc tổng khủng hoảng lớn nhất của chế độ hiện hành. Có thể khái quát trạng thái hiện nay của tình hình đất nước là : Bế tắc về đường lối, đình trệ về kinh tế và dồn nén về xã hội.

[...] Đảng Tự Do-Dân Chủ có mục đích tự thân là đấu tranh cho Tự do cá nhân và Dân Chủ xã hội. Trong bất kỳ thời điểm nào, hoàn cảnh nào, nếu Đảng không còn đấu tranh cho Tự Do và Dân Chủ, thì Đảng sẽ không còn là đảng Tự Do - Dân Chủ. Mục tiêu cơ bản và lâu dài của đảng Tự Do - Dân Chủ là xây dựng một xã hội : Nhân dân tự do - giàu có, Quốc gia hùng mạnh, Xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Để thực hiện được mục tiêu cao đẹp trên, cần xây dựng tiền đề, nội dung và điều kiện cho sự phát triển đất nước. Đó là : Dân chủ hóa xã hội, Xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và phát triển. Quốc tế hóa mọi hoạt động, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội...".

Sau đây là những đoạn trích trong Bản Điều Trần của Nguyễn Vũ Bình về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam :

"[...] Về tình trạng quyền con người bị vi phạm, chúng tôi, những người đấu tranh cho dân chủ và thân nhân của những người bị bắt giam, đã cùng ký vào một bản kiến nghị tập thể ngày 6 tháng 7 năm 2002 để nêu lên nhiều vụ đàn áp nhân quyền điển hình như sau :

- Tháng 1 năm 2002, thứ trưởng Bộ Văn Hóa Thông Tin Phan Khắc Hải ký quyết định truy tầm và tiêu hủy một số sách của những người dân chủ. Quyết định này là một sự chà đạp trắng trợn quyền tự do tư tưởng và ngôn luận.

- Trong mấy tháng qua, nhà cầm quyền đã bắt giam hàng loạt anh em trẻ với những lý do không xác đáng, như Nguyễn Khắc Toàn, Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn.

- Cắt điện thoại cả gia đình của các ông Hoàng Minh Chính, Phạm Quế Dương, Hoàng Tiến, Trần Khuê, Trần Dũng Tiến, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Đan Quế, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Vũ Bình...

- Sách nhiễu, giam cầm hàng loạt tín đồ và các chức sắc tôn giáo...

[...] Tôi luôn luôn quan niệm, chỉ có thể ngăn chặn và xóa bỏ tận gốc tình trạng vi phạm nhân quyền tại Việt Nam khi thực hiện được điều đó trên phạm vi quốc gia, tức là thành công trong công cuộc dân chủ hóa đất nước. Vì vậy, tất cả những giải pháp đấu tranh bảo vệ nhân quyền cần hướng tới mục tiêu cao nhất mà nhân dân Việt Nam hằng mong ước : tự do cá nhân và dân chủ cho toàn xã hội".

Nguyễn Vũ Bình không đơn độc khi anh lên tiếng đòi dân chủ hóa đất nước. Anh có rất nhiều bạn đồng hành trong nước - những thanh thiếu niên, những sinh viên yêu

nước - mặc dù không công khai lên tiếng như Nguyễn Vũ Bình, nhưng vẫn truyền cho nhau những tư tưởng tiến bộ và chia sẻ tinh thần trách nhiệm đối với dân tộc của Nguyễn Vũ Bình. Ngoài ra, bên cạnh những bạn trẻ trầm lặng đó, còn có những bạn trẻ khác đã cất cao tiếng nói đòi dân chủ như Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Khắc Toàn.

Thật tủi nhục và đau lòng cho dân tộc ta khi thấy tinh hoa của đất nước bị chính quyền hiện tại vùi dập bằng cách giam cầm hành hạ trong ngục tù.

Một chính quyền tự cho là "dân chủ" và "vì dân" mà tỏ ra nhạy cảm với hai chữ "dân chủ" đến độ ra tay trừng trị một cách thô bạo người dân nào dám nêu lên hai tiếng Dân Chủ !

Đến đây xin nhấn vài lời với Nguyễn Vũ Bình, dù anh đang ở trong tù, còn sống hay chết. Dù sao, sẽ có một ngày anh đọc được mấy giòng này.

"Bạn Nguyễn Vũ Bình !

Bạn đã can đảm chọn con đường chông gai nguy hiểm nhất để góp tay xây dựng một tương lai tươi sáng hơn cho đồng bào của bạn. Xin bạn vững tin nơi những gì bạn đã mơ ước cho dân tộc. Vì không phải chỉ một mình bạn mơ ước như thế, một mình bạn chọn con đường đấu tranh ôn hòa và kiên trì cho dân chủ và tự do. Trên đây tôi đã kể tên các bạn trẻ Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Khắc Toàn. Bây giờ xin kể đến những bạn đồng hành ở lứa tuổi khác như Nguyễn Đan Quế, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Trần Khuê, Phạm Quế Dương, Trần Dũng Tiến... và còn nhiều nữa.

Bạn chỉ mới ngồi trong ngục biệt giam có một năm thôi. Nhưng Nguyễn Đan Quế bây giờ trở vô tù lần thứ ba, ngày 17 tháng 3, 2003 vì tiếp tục gửi bài qua internet để phản đối tình trạng bưng bít thông tin trong nước. Nguyễn Đan Quế đã từng bị biệt giam 6 năm rông rã trong ngục tù cộng sản và tổng cộng hai lần tù trước là 18 năm. Mặc dù đã trải qua bao nhiêu thử thách của ngục tù, nhưng bác sĩ Quế vẫn tiếp tục đấu tranh bất bạo động.

Một chiến sĩ kiên cường khác trong cuộc đấu tranh cho dân chủ là ông Hoàng Minh Chính. Từ "vụ án xét lại" cho đến nay ông đã trải qua bao nhiêu lần tù đầy, và bây giờ, mặc dù bị sách nhiễu hằng ngày bởi công an, ông vẫn can đảm công khai ủng hộ các bạn dân chủ, thí dụ như đến đứng trước tòa án đang xử kín Phạm Hồng Sơn và khi về nhà ông viết bài gửi các lãnh đạo nhà nước với những lời sau đây : "*Dư luận quốc tế đánh giá Việt Nam là một trong số các nước vi phạm nhân quyền nặng nhất trên thế giới... Đã có một số chính quyền đề xuất dự án hình phạt chế tài đối với Việt Nam vì vấn đề nhân quyền ở nước ta. Rất mong rằng trong lãnh đạo Nhà Nước còn có người tỉnh táo, dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật mà kịp thời đáp ứng đòi hỏi chính đáng của dư luận quốc tế và nhất là của toàn thể 80 triệu đồng bào trong nước và hải ngoại. Cụ thể là :*

1. trả tự do cho tất cả các tù nhân chính trị, tôn giáo, sắc tộc bị kết tội duy nhất là đòi tự do dân chủ.

2. quyền tự do báo chí tư nhân là quyền sống còn số 1 của con người. Không có quyền tự do báo chí là không có bất kỳ quyền tự do nào cả.

3. tự do đa nguyên đa đảng là quyền làm chủ đích thực của nhân dân...".

Ngày hôm qua 24 tháng 9, 2003, tổ chức Ân xá Quốc Tế và tổ chức Ký Giả Không Biên Giới đã loan báo khắp thế giới tin Lê Chí Quang đang bị bệnh nặng, có thể chết nếu tiếp tục bị giam trong tù.

Ngày hôm nay, 25 tháng 9, 2003, tổ chức Ký Giả Không Biên Giới chất vấn chính quyền Việt Nam về việc giam cầm nhà báo Nguyễn Vũ Bình đến một năm rông rã mà không cho biết tội danh, không định ngày đưa ra tòa xử.

Bạn Nguyễn Vũ Bình !

Thực ra nhà cầm quyền không quên "xử lý" bạn đâu ! Theo kinh nghiệm của những người từng bị tù cộng sản, thì việc kéo dài thời gian "tạm giam" là để khủng bố tinh thần "đối tượng", làm hao mòn ý chí đấu tranh, xoáy mòn lòng tự tin vì bị cô lập hoàn toàn.

"Tù không án" là loại tù khủng khiếp nhất mà Hà Nội dành cho những công dân nào có can đảm suy nghĩ và lý luận trong khi nhà nước muốn người dân chỉ là cái máy răm rắp tuân theo chỉ thị của nhà nước mà thôi.

Không ai biết bây giờ thân bạn ra sao, trí bạn ra sao. Nhưng điều đó chẳng quan trọng lắm. Vì bạn đã chấp nhận ngay từ đầu những gian nguy, coi như cái giá phải trả để thực hiện lý tưởng của bạn.

Đối với chúng tôi, lòng chúng tôi ngưỡng mộ bạn không gì lay chuyển. Bằng tấm lòng yêu nước trong sáng, bạn đã làm gương cho chúng tôi, cho các thế hệ bây giờ và mai sau. Chúng tôi xin phép được nhắc lại đây mấy giòng tâm huyết mà bạn đã viết ra khi quyết định thành lập đảng Tự Do Dân Chủ (năm 2000) : "*Bài viết này tập hợp tất cả trí tuệ và tâm huyết của bản thân tôi. Với tâm niệm rằng : cần phải có một đảng chân chính và trung thực ngay buổi đầu thành lập, bằng phương thức đấu tranh công khai và hòa bình cho tự do và dân chủ ở Việt Nam. Tôi biết rằng có thể tôi sẽ phải hi sinh nhưng vẫn tin tưởng tuyệt đối là : Lịch sử sẽ sang trang, nhân dân Việt Nam nhất định sẽ được hưởng tự do và dân chủ trong một tương lai không xa nữa.*"

Bạn đã viết những lời này như một lời hứa, và bạn đã giữ lời hứa, đem hết tâm lực để thực hiện, dù phải hi sinh.

Lúc quyết định dấn thân như thế, bạn vừa bước vào tuổi 32, có vợ, con mới 1 tuổi, có việc làm tốt. Nhìn lại những gì xảy ra cho bạn hiện nay, ai cũng nhận thấy bạn đã hi sinh tất cả... chỉ vì muốn mưu cầu một tương lai tốt đẹp hơn cho dân tộc.

Điều đáng buồn và bối rối cho chính quyền Việt Nam hiện nay là trong nước không phải chỉ có một Nguyễn Vũ Bình. Ngoài Nguyễn Vũ Bình, Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Khắc Toàn, còn hàng hàng lớp lớp những người trẻ khác cũng sẽ đòi tự do và dân chủ. Không có sự đàn áp thô bạo nào có thể ngăn chặn bước tiến của dân tộc về phía văn minh tiến bộ, giống như cây cỏ tìm về ánh sáng mặt trời vậy.

Montréal, 25 tháng 9, 2003.

Lâm Thu Vân

Trung Tâm Dân Chủ cho Việt Nam / Montréal

40 năm ngày đảo chính chế độ Ngô Đình Diệm - 1-11-1963 :

Cái nhìn từ Hà Nội

Bài Tin

I. Ngô Đình Diệm với tư cách nhân vật lịch sử

Ngô Đình Diệm xuất hiện trong chế độ chính trị Sài Gòn giữa lúc Hội nghị Genève về Đông dương đang diễn ra, khi việc chỉ đạo và chi phí của cuộc chiến tranh Đông Dương đang chuyển hẳn từ Paris sang Washington.

Ngô Đình Diệm được dư luận thế giới cho rằng là người của Mỹ, do chính giới Mỹ chọn và bồi dưỡng từ lâu.

Bộ máy tuyên truyền của Hà Nội và cả phe xã hội chủ nghĩa miêu tả khác : Ngô Đình Diệm vốn là tay sai của thực dân Pháp, bỏ quan do kèn cựa với Phạm Quỳnh (cùng là thượng thư triều đình Huế), sau đó theo phát xít Nhật, sau đó được CIA Mỹ tuyển chọn, do ông Hồng y Mỹ Spellman đào tạo và bồi dưỡng trong thời gian thế chiến II trên đất Mỹ để trở thành "tay sai tin cậy và trung thành" của Hoa Kỳ. Hiện nay người trong nước phần lớn tin vào những lời tuyên truyền chính thức rất tùy tiện ấy.

Cùng với thời gian và sự tìm hiểu những tư liệu lịch sử, tôi thấy rằng cần phải trả lại lẽ công bằng cho nhân vật lịch sử này : ngay từ khi còn trẻ Ngô Đình Diệm đã tỏ ra có tư chất thông minh xuất sắc ; ông vào học trường hậu bổ rất sớm, làm tri huyện Hải Lăng khi 28 tuổi, làm tuần phủ Phan Thiết (đứng đầu tỉnh) khi mới 30 tuổi, làm thượng thư bộ Lại (trên thực tế là đứng đầu nội các Nam triều) khi mới 32 tuổi (1933), trong khi trước đó các vị thượng thư như Nguyễn Hữu Bài, Tôn Thất Hân đều trên 60, 70 tuổi cả.

Ngô Đình Diệm làm thượng thư có bốn tháng, đột nhiên treo ấn từ quan. Vì sao ? Đây vẫn còn là điều bí ẩn. Nhiều người giải thích rằng đó là do mâu thuẫn với ông Phạm Quỳnh, thượng thư bộ Học. Năm 1945, tôi được nghe cha tôi (Bùi Bằng Đoàn, cùng dịp ấy được cử làm thượng thư bộ Tư pháp) kể lại trong cuộc nói chuyện với hai ông anh ruột là Bùi Bằng Phấn và Bùi Bằng Thuận rằng : hồi ấy ông Diệm có ngõ ý với vua Bảo Đại và khâm sứ Trung kỳ (người Pháp) là nước Pháp nên trao lại cho Nam triều các quyền nội trị ở Bắc kỳ y như ở Trung kỳ, và giao thêm cho cho các Hội đồng Dân biểu Trung kỳ và Bắc kỳ một số thực quyền (vì thật ra hai cơ quan này chỉ có chút quyền tư vấn rất hình thức, hiểu hỷ). Theo Hòa ước Patenôtre 1884 (điều 16), vua Việt Nam trực tiếp giữ mọi quyền nội trị ở Trung kỳ và Bắc kỳ, nhưng đến năm 1887 toàn quyền Pháp Paul Doumer thay đổi cách cai trị ba kỳ với ba chế độ khác nhau, Nam kỳ là thuộc địa, trực trị (colonie), Trung kỳ là bảo hộ (protectorat), còn Bắc kỳ thì tuy mang tên bảo hộ nhưng thực tế lại không do Nam triều trực tiếp thực hiện quyền nội trị, mọi quyền thuộc về viên thống sứ Pháp ! Hai ý kiến của ông Diệm đều bị Pháp từ chối, ông quyết định từ chức.

Năm 1975, tôi được ông Vũ Ngọc Nhạ, cán bộ tình báo Bắc Việt Nam từng làm cố vấn cho ông Ngô Đình Diệm, kể rằng ông Ngô Đình Diệm có lần cho ông biết: khi ông xin từ chức thượng thư bộ Lại vào tháng 7 năm 1933, những người anh em

của ông là Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Thực, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Luyện đều can ngăn, nhưng ông Diệm nhất định giữ cách xử sự của mình : khi người Pháp tỏ ra cố chấp và không nhích khỏi lập trường thực dân thì không thể hợp tác với họ được !

Cũng theo ông Nhạ thuật lại theo lời kể của ông Diệm thì khi người Nhật làm đảo chính (9-3-1945) gạt bỏ người Pháp, họ đã tìm ông, nhưng ông lánh mặt vì cho rằng thế của Nhật không vững và họ không thật lòng trao độc lập cho Việt Nam. Ông Nhạ còn cho tôi biết người Mỹ cũng từng ngõ ý yêu cầu tổng thống Diệm nhượng cho Hoa Kỳ quyền sử dụng Cảng quân sự Cam Ranh trong 10 hay 20 năm gì đó, nhưng ông Diệm đã từ chối ngay. Ông nói với ông Nhạ : "Không thể được, lỡ ra sau này có quan hệ Nam - Bắc thì ta ăn nói với đồng bào miền Bắc ra sao về chuyện này !".

Tôi cho rằng ông Diệm là một **nhân vật chính trị đặc sắc**, có lòng **yêu nước** sâu sắc, có tính cách **cương trực thanh liêm**, nếp sống đạm bạc giản dị. Giờ đây chúng ta đã có những bằng chứng về lập trường của ông Ngô Đình Diệm : chống thực dân Pháp, giành lại quyền nội trị đầy đủ, không muốn Hoa kỳ can thiệp sâu, chống lại việc ô ạt đưa quân chiến đấu Mỹ và nước ngoài vào.

Ông đã phải trả giá bằng cả sinh mạng mình cho lập trường dân tộc ấy. Ngành tuyên truyền của Hà Nội thường hay so sánh ông Ngô Đình Diệm với ông Hồ Chí Minh theo kiểu yêu nên tốt, ghét nên xấu. Sự thù ghét cuộc đời Hồ Chí Minh như một nhà hiền triết đạm bạc, đạo đức mẫu mực, khắc khổ tu luyện, tận diệt mọi lạc thú cá nhân trên đời vì lợi ích của dân tộc đến mức gần đây họ khuyến dụ giới Phật giáo quốc doanh phong ông là Bồ Tát Hồ Chí Minh. Trái ngược với hình ảnh Hồ Chí Minh một lòng vì dân vì nước, hy sinh cuộc sống cá nhân để sống cô độc suốt đời, bây giờ người ta đã biết (qua những chứng cứ lịch sử) rằng ông từng cưới vợ ở Hongkong, một thời gian sống chung với Nguyễn Thị Minh Khai, có nhiều người tình ở những nơi ông sống qua, có cả con riêng ; thậm chí vợ chính thức cũ Tăng Tuyết Minh cố công đi tìm kiếm người chồng đã trở thành chủ tịch một nước, nhưng ông bỏ mặc... Trong sự so sánh ấy, ông Hồ Chí Minh tỏ ra không bằng ông Ngô Đình Diệm.

Về tinh thần dân tộc, ông Ngô Đình Diệm cũng tỏ ra hơn hẳn ông Hồ Chí Minh. Ông Diệm không bao giờ ôm vội một học thuyết xa lạ vào lòng để khóc và hét toáng lên: "Chân lý đây rồi !", hoặc dạy bảo các đồng chí của mình rằng : "Bác bảo đảm hai vị lãnh tụ Staline và Mao Trạch Đông không bao giờ phạm sai lầm !", hay là viết cả một cuốn sách dày ký tên Trần Lực để bảo mọi người phải học kinh nghiệm những "bước nhảy vọt" chết người của Mao Trạch Đông !

Từ khi nhận chức thủ tướng, rồi tổng thống, từ tháng 6-1954 đến cuối năm 1960, trong hơn 5 năm, ông Diệm đã đạt **khá nhiều thành tích** nổi bật :

- đón tiếp và ổn định cuộc sống cho khoảng một triệu đồng bào di cư từ Bắc vào ;
- thực hiện gọn cuộc trưng cầu dân ý nhằm phế truất quốc trưởng Bảo Đại, mở ra nền Đệ nhất Cộng Hòa ; dẹp bỏ Ngân Hàng Đông Dương, lập Ngân Hàng Quốc Gia và đồng tiền quốc gia ;
- dẹp các giáo phái có vũ trang được một số thực dân người Pháp tiếp sức ;
- đóng cửa sông bạc Tân Thế Giới của cánh Bình Xuyên ;
- mở rộng trường Đại Học Sài Gòn và xây dựng Đại Học Huế...

Nhưng cũng trong thời gian chấp chính, ông Ngô Đình Diệm cũng đã phạm những **sai lầm nặng nề** : để cho người trong gia đình tham gia ngày càng sâu vào việc nước, từ anh ông là giám mục Ngô Đình Thục, đến em ông là Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn và đặc biệt là cô em dâu ngổ ngáo Trần Lệ Xuân, tạo nên hình ảnh gia đình trị độc đoán kiểu phong kiến.

Có thể nói sau hơn 5 năm ổn định, có một số thành tích nổi sau khi kết thúc thời kỳ Bảo Đại - thuộc Pháp, từ năm 1960, chế độ Ngô Đình Diệm bước vào thời kỳ khủng hoảng. Lẽ ra phải tỉnh táo đối phó, sửa chữa sai lầm, bổ khuyết những thiếu sót thì chính quyền Ngô Đình Diệm lại trở nên **kiêu ngạo, tự phụ và chủ quan, độc đoán hơn**.

Một bằng chứng mà ai cũng thấy được là vào tháng 11-1960, sau khi dẹp được cuộc đảo chính của một số sĩ quan dù, đáng lẽ phải xem xét lại những khiếm khuyết trong cách quản trị xã hội và những chính sách đối nội và đối ngoại thì gia đình Ngô Đình Diệm lại chủ quan, tự đắc hơn nữa và thế là để đến giữa năm 1963 nổ bùng ra cuộc khủng hoảng nghiêm trọng cả đối nội và đối ngoại, dẫn đến kết liễu bi đát của chế độ Ngô Đình Diệm.

Trong thời kỳ khủng hoảng nói trên, Ngô Đình Diệm vẫn một mực giữ niềm tin ở **sứ mệnh thiêng liêng** trong vai trò lãnh tụ trời sai xuống để cứu dân, ông sống trong hoang tưởng mình là một **vĩ nhân châu Á**, tự cho Việt Nam dưới quyền ông đang làm mẫu mực về chiến đấu chống cộng sản vô thần và xây dựng xã hội mới ở châu Á... Ông **phạm thêm sai lầm liên tiếp** : bỏ ngoài tai những khuyến can và yêu cầu từ bỏ vai trò cố vấn của Ngô Đình Nhu, nhất là từ bỏ sự can thiệp nhố nhăng của cô em dâu Lệ Xuân, tự cô lập mình, gây thù oán với giới Phật giáo chiếm đa số dân cư, còn nể nang ông anh Ngô Đình Thục khi ông này được đưa về làm giám mục địa phận Huế, và tổ chức quá lộ liễu "Ngân khánh 25 năm phong giám mục" của ông Thục như một quốc lễ, còn ra lệnh cấm cấm cờ Phật giáo, làm nổ ra cuộc chống đối quy mô rộng và cuộc tự thiêu của Thích Quảng Đức, làm chấn động dư luận trong, ngoài nước.

Ngay sau khi cuộc tổng tuyển cử do Hiệp định Genève đề xướng cho tháng 7-1956 không diễn ra, trước chủ trương tố cộng và diệt cộng của những năm 1957-1959 ở khắp

miền Nam, chính quyền Hà Nội đã gấp rút khôi phục, xây dựng cơ sở chính trị, bán vũ trang và vũ trang, ra **Nghị quyết 15** (đầu năm 1959) chủ trương **bạo lực cách mạng nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước**. Một số cuộc "**đông khởi**" ở Bến Tre, Bình Định, Quảng Ngãi... nổ ra.

Kịch bản của cuộc chiến tranh đã được viết.

Sau khi cuộc đảo chính 1-11-1960 nổ ra ở Sài Gòn và thất bại, Hà Nội đã nhận ra những **triệu chứng suy yếu và khủng hoảng** của chính quyền Ngô Đình Diệm. Cuối 1960 Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng, rồi Quân Giải Phóng được thành lập, một số sĩ quan và quân nhân từ miền Nam tập kết ra miền Bắc năm 1954 được tuyển chọn, huấn luyện, đưa về qua giới tuyến 17, theo từng đơn vị nhóm nhỏ vũ trang nhẹ 30, 40 người theo đường mòn 559. Trong hai năm 1961, 1962 sự thâm nhập được thực hiện từ từ, vững chắc, quy mô nhỏ, hoạt động chính trị, xây dựng cơ sở, chiến đấu kiểu du kích, vũ trang tuyên truyền, cho đến đầu năm 1963 thì bắt đầu thâm nhập nhiều hơn, lớn hơn, với quy mô từng đại đội hoàn chỉnh. Đó là vì tháng giêng 1963 **trận Ấp Bắc** diễn ra, Hà Nội coi đó là một sự kiện tiêu biểu, có ý nghĩa cả về quân sự và chính trị, nói lên sự chuyển biến đi lên của tình hình và sự sa sút của quân lực Sài Gòn được quân Mỹ trực tiếp yểm trợ. Trận Ấp Bắc xảy ra rất xa giới tuyến 17, ở phía Nam Sài Gòn, sát vùng đồng bằng sông Cửu Long, giữa vùng đông dân, vùng giao thông lớn. Báo *Nhân Dân*, *Quân Đội Nhân Dân* đăng liền hàng chục bài tường thuật, sơ đồ, nhận định, thống kê, thành tích, khen thưởng, dư luận các nước về trận đánh này, làm nổi bật nhận định : cuộc **chiến tranh đặc biệt** của Mỹ ở miền Nam theo công thức "quân đội Sài Gòn + cố vấn và yểm trợ của Mỹ" đã thất bại, đây là thời cơ để đẩy mạnh chiến đấu buộc đối phương phải chịu thất bại trong chiến tranh đặc biệt, đồng thời chủ động chuẩn bị đối phó nếu đối phương chuyển lên **chiến tranh cục bộ** (với sự cấp cứu, tham chiến của quân chiến đấu Mỹ).

Cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm diễn ra trong tình hình chính trị và quân sự chung như vậy.

II. Hậu quả của cuộc đảo chính 1-11-1963

Ngay sau khi cuộc đảo chính xảy ra dẫn đến cái chết của Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu, Hà Nội triệu tập ngay cuộc **Hội nghị trung ương đảng lần thứ 9** (khóa III); cuộc họp kéo dài đến hai tuần lễ, từ 7 đến 20 tháng 12, chia làm hai phần : "cách mạng miền Nam" và "nhiệm vụ quốc tế của đảng". Nghị quyết này rất quan trọng, thường được gọi tắt là "Nghị quyết 9".

Nghị quyết nhấn mạnh : cuộc **khủng hoảng trầm trọng** của Mỹ và chế độ Sài Gòn qua cuộc đảo chính "thay ngựa giữa dòng" chắc chắn sẽ còn trầm trọng hơn nữa ; áp chiến lược đã và đang bị phá trên quy mô lớn ; đấu tranh chính trị ở nông thôn và thành thị đều mở rộng, sôi nổi ; cần **tranh thủ thời cơ**, tập trung lực lượng, chi viện mạnh mẽ miền Nam, giành cho được **thắng lợi có ý nghĩa quyết định trong mấy năm tới**.

Quân ủy trung ương cũng họp ngay mấy ngày sau đó để quyết định những công việc cụ thể cấp bách : chọn một số trung đoàn chuẩn bị gấp lên đường vào Quân khu V và Tây Nguyên ; mở rộng gấp đường vận chuyển chiến lược 559; đưa gấp vào chiến trường những vũ khí chống thiết vận xa M113 và trực thăng, đặc biệt là B40 và các loại súng máy... Về mặt tổ chức, tướng Chu Huy Mân chính ủy Quân khu 4 (gồm các tỉnh từ Thanh Hóa vào đến giới tuyến) nhận nhiệm vụ tư lệnh kiêm chính ủy Quân khu 5 (gồm các tỉnh nam Trung bộ và Tây Nguyên ; sau này, đến 1969 sẽ tách ra Tây Nguyên dưới sự chỉ huy của tướng Hoàng Minh Thảo) ; quan trọng hơn cả là việc cử đại tướng Nguyễn Chí Thanh, ủy viên bộ chính trị, chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị, đang được biệt phái đặc trách về củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, trở ngay lại quân đội để vào Nam nhận nhiệm vụ : đại diện bộ chính trị, lãnh đạo và chỉ huy cuộc cách mạng và chiến đấu toàn miền Nam. Ông Thanh liền lựa chọn một số cán bộ cấp cao như tướng Lê Trọng Tấn, tướng Trần Độ làm phụ tá về quân sự và chính trị, và cử ngay một đoàn cán bộ đi nghiên cứu toàn diện tình hình trong Nam, gồm cán bộ các tổng cục của bộ Quốc phòng-Tổng tư lệnh, lên đường ngay cuối tháng 12-1963. Đoàn có 24 cán bộ chính trị, tham mưu, kỹ thuật, hậu cần, quân khí, vận tải, tổ chức, tuyên huấn, dân vận... Tôi được chỉ định tham gia đoàn, được phân công phổ biến nội dung của Nghị quyết 9, nghiên cứu về tinh thần chiến đấu, các tài liệu giáo dục, tinh thần nhân dân, phong trào đấu tranh chính trị, việc phá ấp chiến lược, tác dụng của báo chí, đài phát thanh cũng như việc tuyển mộ quân nhân tại chỗ cho quân giải phóng... Để bảo mật, đoàn không được mang tài liệu loại tối mật, phải ghi bằng ký hiệu riêng, nhiều đoạn quan trọng phải viết tắt, theo lối mật mã, chỉ để riêng mình đọc và hiểu, phải học gần như thuộc lòng, nhập tâm nhiều nội dung...

Về phần "nghĩa vụ quốc tế của đảng", Nghị quyết 9 chỉ rõ đặc điểm của tình hình thế giới, tính chất thời đại, chiến lược và sách lược..., Đảng Cộng Sản Việt Nam luôn bảo vệ sự trong sáng (!) của chủ nghĩa Mác-Lênin, chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa giáo điều, tăng cường đoàn kết, chống chia rẽ trong phong trào cộng sản quốc tế...

Trên thực tế, vào tháng 12 năm 1963, sự chia rẽ giữa Đảng Cộng Sản Liên Xô và Đảng Cộng Sản Trung Quốc lên đến độ cao nhất ; ở Hà Nội, hai sứ quán Liên Xô và Trung Quốc đua nhau tán phát mỗi ngày những bản tin và tập tài liệu dày chữ bởi nhau thậm tệ, kết tội nhau là phản bội, là cơ hội hữu khuynh và cơ hội tả khuynh, là tự biến mình thành tai sai, đầu hàng đế quốc hèn hạ nhất. Hai đài phát thanh tiếng Việt từ Moscova và Bắc Kinh qua hệ thống loa lớn đua nhau lớn tiếng mạt sát nhau, ra rả mỗi sáng và mỗi tối. Đảng Cộng Sản Việt Nam một mực giữ vững lập trường "trung gian hòa giải", "đi trên dây", "ba phải", không ngã hẳn về bên nào, vì trước hết là do thái độ thực dụng, Liên Xô và Trung Quốc đều là nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, vũ khí lớn nhỏ, quân trang quân dụng, xe cộ, thuốc men, hàng tiêu dùng, ngoại tệ, đều là nơi đào tạo cán bộ chính trị, kinh tế, giáo dục, văn hóa,

ngoại giao, nhân viên và công nhân chuyên nghiệp cho Việt Nam. Tuy vậy trên thực tế Hà Nội vẫn tỏ ra nghiêng về phía Trung Quốc, vì nhiều nguyên nhân : cùng gốc gác xã hội phong kiến, nho giáo, sản xuất nhỏ ; láng giềng gần; số lượng và giá trị viện trợ, cho đến lúc ấy, nhiều hơn ; sức ép cũng mạnh hơn.

Thêm nữa, năm 1962, sau khi tổng thống Kennedy tuyên bố **cam kết bảo vệ Việt Nam bằng mọi giá**, cho phép phi công quân sự Mỹ tham gia chiến trận ở Việt Nam, cho quân chiến đấu Mỹ được nổ súng trước khi giáp trận ở Việt Nam, Hà Nội đã ký với Bắc Kinh một **hiệp định bí mật** giữa hai bộ tổng tham mưu quân sự : nếu Mỹ dùng không quân, hay dùng hải quân, hay là dùng đến bộ binh xâm phạm vùng trời, vùng biển hay lãnh thổ miền Bắc xã hội chủ nghĩa thì lập tức Trung Quốc sẽ tham chiến với mức độ tương ứng. Trong năm 1963, nguyên soái Diệp Kiếm Anh, tổng tham mưu trưởng La Thụy Khanh cùng đoàn cán bộ các quân chủng lục, không, hải quân sang Hà Nội, vào Quân khu 4 là quân khu giáp giới tuyến để nghiên cứu địa hình, xác định các phương án chiến đấu và phối hợp...

Đoàn chúng tôi vượt qua giới tuyến vào miền Nam Việt Nam. Chúng tôi vào Bình Trị Thiên, ghé qua Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, lên Kontum, Pleiku, làm việc hai tuần ở bộ tư lệnh Quân khu 5 đóng ở vùng Lê Xá gần ngọn dòng sông Ba, gặp một trận càn của quân lực Việt Nam Cộng Hòa đúng vào dịp Tết âm lịch... Qua trận càn càng nhận ra nhiều thuận lợi vì các đơn vị đi càn chỉ lướt qua theo lệnh trên. Trong khi đó thì các đơn vị du kích, bộ đội huyện, tỉnh do miền Bắc xây dựng đều vô sự, có nhiều thành tích tiêu hao địch, quân chủ lực miền Bắc đưa vào được huấn luyện khá tốt, thích ứng nhanh với tình hình, B40, súng máy phát huy tốt tác dụng chống M113 và trực thăng vận...

Tôi biết rõ tình hình này là do tự mình xuống vùng Tam quan và huyện Đức phổ, xuống tận các xã, vào tận huyện lỵ vào ban đêm, vào cả hai ấp chiến lược (vượt qua ba sông, ba núi là những tường, rào, ụ, hào rãnh, cầu quanh ấp), họp anh chị em ngay trong ấp để nắm tình hình, nhiều bảo an dân vệ do chính quyền miền Nam lập ra ban đêm lại là du kích...

Đúng là tình hình sau 1-11-1963 **ngày càng thuận** cho phía quân giải phóng. Khi trở ra, tôi thấy đường vận chuyển được mở rộng thêm, nhiều con đường đang được mở thêm nữa cho vận chuyển cơ giới thay dần xe đạp thồ. Mỹ ném bom dữ dội nhưng đường vẫn thông.

Tháng 4, đoàn chúng tôi ra Hà Nội và báo cáo với Bộ Quốc phòng và Quân ủy trung ương. Đích thân đại tướng Nguyễn Chí Thanh nghe báo cáo và sau đó lên đường. Ngay sau đó ba trung đoàn bộ binh hoàn chỉnh thuộc các Sư đoàn 305, 324, 325, hai tiểu đoàn công binh, năm tiểu đoàn đặc công được đưa vào miền Nam... Chủ trương **tận dụng thời cơ mới**, tăng mạnh chi viện cho miền Nam được thực hiện khẩn trương và mang lại hiệu quả tích cực, trong khi cuộc khủng hoảng chính trị sau 1-11-1963 ở Sài Gòn ngày càng nặng nề với các ông tướng thay thế nhau tranh quyền, từ tướng Minh đến tướng Khánh, rồi các tướng Thiệu, Kỳ...

III. Vài nhận xét về thời kỳ hậu Ngô Đình Diệm

- Tình hình suốt năm 1964 chứng minh **việc lật đổ Ngô Đình Diệm tạo nên nhiều khó khăn mới** cho chế độ miền Nam, áp chiến lược bị phá thêm trên qui mô lớn, quân Sài Gòn bỏ ngũ nhiều hơn, đến cuối năm trận Bình Giả đánh dấu sự sa sút mới của tình hình quân sự ; các nhân vật thay thế Ngô Đình Diệm đều thiếu uy tín và khả năng cầm quyền. Các tướng lĩnh thay Ngô Đình Diệm đều là sĩ quan do thực dân Pháp đào tạo trong cuộc chiến tranh Pháp-Việt ; các tướng trẻ và sĩ quan cao cấp do Mỹ, do phương Tây hay do trong nước đào tạo chưa kịp tự khẳng định. Đây là nhược điểm, lỗ hổng lớn của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Các nhà chính trị hiếm hoi và không ai có vượt lên so với ông Diệm trước đó !

- Hậu quả của sự sa sút ấy là **quân chiến đấu Mỹ phải vào tham chiến**. Từ vài ngàn, lên vài chục ngàn, rồi vài trăm ngàn, lên đến nửa triệu, cùng với việc ném bom miền Bắc. Việc sử dụng quân lính và bom không được cân nhắc, tính toán kỹ từ đầu nên **hiệu quả thấp, còn gây nên tâm lý ỷ lại rất tai hại** cho các đơn vị quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Nếu biết sử dụng quân Mỹ đúng nơi, đúng chỗ, đúng cách thì tình hình sẽ khác (như tập trung ở sát giới tuyến và dọc đường 9 trên đất Lào để chặn xâm nhập ; như chiếm một khu vực nhỏ ở vùng cán xoong miền Bắc, sát giới tuyến ; như chiếm bằng bộ binh một đoạn nhỏ đường 559... ; tổn rất ít quân Mỹ mà hiệu quả cao) (về sau, khi ném bom bằng b52 đường 559 cũng chỉ có 0,18% số bom trúng vào mặt đường và gây tổn thất không đáng kể, theo báo cáo của tướng Đồng Sĩ Nguyên cho đại tướng Giáp) ;

- Bộ quốc phòng và bộ tổng tham mưu Hà Nội rất e ngại đến lo sợ **Mỹ cho bộ binh chiếm một đoạn dù nhỏ của đường 559**, sẽ làm đảo lộn cuộc vận chuyển, trở ngại lớn cho toàn chiến trường, vì tổ chức con đường phức tạp, các đơn vị vận tải, kho, quân y, thanh niên xung phong, công binh... không quen chiến đấu ;

- Hồi 1964, Hà Nội rất lo Mỹ biết sự tráo trở của Bắckinh rồi đưa bộ binh **đánh vào vùng cán xoong sát giới tuyến**, do đó đề ra chủ định "buộc Mỹ xuống thang trên cả hai miền, không để chiến tranh trên bộ lan ra miền Bắc", vì nếu điều ấy xảy ra, chiến lược quân sự của Hà Nội trên hai miền đều phải thay đổi rất bất lợi ;

- Mỹ thường **đánh giá sai, dự đoán quá cao phản ứng của Bắc Kinh** ; tuy có cam kết bảo vệ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa thật, nhưng Bắc Kinh đã nuốt lời hứa tham chiến từ đầu năm 1964 (người không đụng đến ta, ta không đụng đến người) ; Mỹ không hiểu thâm ý của Bắc Kinh là luôn kiếm chế, không muốn người "anh em thù địch" Việt Nam sớm thống nhất.

- Mỹ không hiểu thái độ "**trung lập**" của Cambốt, và đặc biệt của Lào. Sihanouk và Phouma đều nghiêng về phía Hà Nội. Hiệp định Genève năm 1962 về nền trung lập của Lào không hề ngăn Bắc Việt Nam để nhiều quân ở Lào và dùng Lào để thâm nhập. Mỹ làm rất ít để tác động đến Vientiane và Pnom Penh trong khi Hà Nội tranh thủ cao và tận dụng rất khôn khéo "nền trung lập" ngả + nghiêng ấy.

Thơ

Mẹ

(Cho mùa Vu Lan không còn mẹ)

*Khi tiếng khóc chào đời
Và lệ mừng vượt qua lần tròn trên má
Thế gian này thêm một lời ru
Thêm một tình thương bao la cần cù
Lai láng sông hồ, mệnh mỏng biển cả
Tiếng khóc trong khuya tu...oa... đời sữa
Hay giữa giấc giật mình đời bình an một lời ru
Cái tiếng à... ời...
Hiện hiện trong con như tấu khúc tuyệt vời
Hoành tráng, nguy nga, yêu kiều, diễm lệ
Mà sao lại ị tha tựa lời kinh thánh giá
Mà sao lại từ bi tựa chuông mõ nhà chùa
Trong vòng tay che chở nhiệm màu
Mẹ áp ủ, mẹ thương yêu chiều chuộng
Chỉ có cho mà không đòi hưởng
Một đời tre củi xuống đời măng
Và cứ thế cho con đất thêm rộng trời thêm xanh
Và cứ thế tóc mẹ dày thêm sợi bạc
Con lớn lên theo bước đường phía trước
Mẹ thì cứ ngoài nhìn thường con phía sau
Đường con đi đâu đến bạc đầu
Tình của mẹ cứ cho con đầy ắp
Mẹ nhận đắng nhận cay để con được bùi được ngọt
Mẹ nhận nhọc nhằn để con được sung sướng phần thân
Khi bước con xa mẹ là người chín ngóng mười mong
Khi bước con về mẹ là người đầu tiên lệ mừng lệ tủi
Mẹ !
Chỉ một tiếng mà thôi sao bao hàm nhiều ý nghĩa
Mẹ !
Chỉ một tiếng mà thôi sao lòng rộng cả một trời
Là ánh sáng trong đêm soi lối rạn người
Là sức sống, là tin yêu, là nguồn lành, là hạnh phúc
Là hiển nhiên như trời với đất
Như đêm, như ngày, như nắng, như mưa
Chiều hôm nay thương tiếc mấy cho vữa
Trời lưu lạc âm thầm riêng con khóc
Những giọt lệ mờ côi đọng đầy lên mắt
Và lần tròn trên má của con
Có nghĩa là mẹ đã không còn
Trên thế gian này con mất đi một kỷ quan tuyệt hảo
Bóng hồng thôi cài lên áo
Mất mẹ rồi con mất cả trời thương.*

Sông Lô (Hanover, Đức)

Nếu phía Washington sớm nhìn thật rõ được những điều trên để có chủ trương thích hợp thì tình hình đã có thể đổi khác và sự kết thúc chiến tranh cũng không phải như chúng ta đã thấy.

Tôi đã có dịp nói rõ hơn các vấn đề này trong cuốn "From Enemy to Friend".

Bùi Tín (Paris, tháng 10-2003)

Đọc báo nước ngoài :

Độc quyền và hủ bại

Hà Thanh Liên

LTS : Bà Hà Thanh Liên là một người Trung Quốc tị nạn tại Hoa Kỳ, hiện là giảng sư tại Đại học Princeton. Bà được dư luận quốc tế biết tới qua tác phẩm "Các lỗ hổng trong hiện đại hóa của Trung Quốc", theo đó những mâu thuẫn của xã hội Trung Quốc đã đạt đến mức không thể nào sửa đổi được nữa. Đó cũng là lời cảnh cáo cho những chính quyền lấy Trung Quốc làm mẫu mực.

Về chủ đề "Thoát khỏi Trung Quốc" của báo *Sapio* (phát hành tại Nhật Bản), số ra ngày 23-7-2003, tôi vốn là người tự bản thân mình đã trốn thoát khỏi Trung Quốc nên được bắt đầu từ "kịch thoát nạn" của mình.

Vào tháng 7-1998, ngay sau khi xuất bản quyển "Các lỗ hổng trong hiện đại hóa", thân tôi lúc nào cũng bị đặt dưới sự giám sát của cảnh sát, công an Trung Quốc. Từ năm 1999, khi quyển sách trên bị cấm xuất bản ở Trung Quốc, ở cạnh văn phòng ở tầng thứ 15 trong cao ốc 32 tầng tôi thuê để sống, có phòng của công an chìm lúc nào cũng có 14, 15 người thay nhau nghe lén điện thoại nhà, thư điện tử, điện thoại cầm tay của tôi. Không những thế, đôi lúc tôi vắng nhà, họ đã vào lục lọi phòng tôi ít nhất ba lần. Rõ ràng không phải loại ăn trộm thường. Vì tiền bạc không mất, chỉ biến đâu mất tiết bản thảo, tư liệu và các bức thư tôi viết ! Còn trần của phòng tắm nhà tôi có lẽ vì gắn máy nghe lén bị thất bại làm tôi ngạc nhiên nhìn thấy tám các tông và vôi rất loang lổ.

Ngoài cách xét nhà bằng cách xâm phạm bất hợp pháp đó, từ mấy năm nay chính quyền Trung Quốc bắt đầu liên tục câu thúc những người trí thức "vi phạm luật về cơ mật quốc gia". Tôi cũng được đưa vào danh sách này gần đây. Nhưng vào thời điểm 1999, tôi chưa hề có ý định thoát khỏi Trung Quốc để lưu vong chính trị. Nếu có thể được tôi muốn tiếp tục hành động ngôn luận để phát hiện chi tiết những chỗ đen tối, những phần đáng mắc cỡ của xã hội Trung Quốc.

Tuy nhiên, một sự kiện quyết định đã xảy ra khiến tôi quyết tâm chọn đường lưu vong. Ngày đó, lúc tôi đang cùng con trai lên 8 bách bộ trên đường thì bị chiếc xe ô tô theo đuổi tông vào sau lưng làm hai mẹ con tôi bị hất văng 3 mét và bị thương ở chân. Lúc đó tôi mới cảm thấy rõ nỗi sợ "ngay cả mạng sống của các người cũng bị đe dọa bất cứ lúc nào".

Vào hạ tuần tháng 5-2001, tôi nhận được thư của trường Đại Học Chicago ở Mỹ mời làm giảng sư. Việc này nằm trong chương trình *Mời học giả đang bị các chính phủ đàn áp* được các trường đại học Mỹ bảo vệ với những biện pháp khẩn nhằm cấp cứu những học giả đang bị lâm nguy (scholar at risk). Tôi đã xin sẵn visa cấp cho việc này. cũng khoảng thời gian này, các cơ quan truyền thông có uy tín của thế giới như *Financial Times*, *New York Times* đã bắt

đầu đưa nhiều tin về các hoạt động ngôn luận của tôi.

Từ lúc ấy hoàn cảnh tôi ngày càng hiểm nghèo. Tất cả ký sự và bài viết của tôi đều bị nhà đương cuộc tịch thu, họ cũng tăng cường áp lực lên tòa báo nơi tôi làm việc. Họ bắt buộc ông chủ biên và những người lãnh đạo tòa báo đã đăng các bài báo của tôi từ chức. Tôi mất ngủ nhiều đêm vì ám ức với những sức ép hữu hình và vô hình đó.

"Họ đang chuẩn bị bắt giam chị đó !". Sáng 14 tháng 6 năm 2001, khi được một người bạn rành về hành động của công an cho biết tin trên, tôi quyết định ngay. Hầu như không mang hành lý nào khác ngoài bộ áo vét đi làm và xách tay nhỏ, tôi rời khỏi căn phòng trong khu chung cư. Thiếu nữ công an canh chừng tôi cùng đi cùng thang máy theo tôi đến tận xe buýt. Quay lại nhìn kỹ, tôi còn thấy vài chú công an đứng rình sau miếng bảng gỗ. Tim tôi đập thình thịch. Xe buýt đến, tôi leo lên đi như thường lệ. Khi đến chỗ làm, tôi không lên phòng làm việc của mình mà đến thẳng phòng của bạn đồng nghiệp. Ở đó tôi mượn điện thoại cầm tay của bạn để liên lạc qua Mỹ. "Từ bây giờ tôi sẽ đi Mỹ". Sau đó, từ trạm điện thoại công cộng tôi liên lạc lại chỗ làm : "Hôm nay tôi mệt, xin nghỉ làm". Điện thoại sau này tôi nhắm mục đích để cho các công an nghe lén điện thoại bỏ ý định theo dõi tôi.

Sau khi rút hết tiền để dành ở ngân hàng, tôi đến Tòa lãnh sự Mỹ để lấy hộ chiếu và giấy thông hành. Sau đó tôi đi thẳng đến phi trường ở Quảng Châu. Vì ở địa phương Thẩm Quyến, nhà đương cuộc đều biết mặt tôi. Ở đó tôi đã mua vé máy bay đi Mỹ giá 26.000 nguyên. Vì là vé mua gấp nên giá khá cao. Nhưng tôi không thể nào chần chừ. Nếu ở lại tôi sẽ bị bắt. Tới phi trường quốc tế Bắc Kinh, tôi đáp chuyến máy bay lúc 23 giờ 50, ghé qua Singapore, Tokyo, Los Angeles để cuối cùng xuống phi trường New Azk ở New Jersey.

Từ đó đến nay đã hai năm. Hiện nay tôi đang làm việc ở Đại Học Princeton với tư cách giảng sư, đang viết luận văn về cơ cấu tham nhũng của Trung Quốc và cách kiểm soát các cơ quan truyền thông (Media control in China). Trong các cuộc phỏng vấn trước đây tôi thường nói rằng "ở các nước dân chủ, các cơ quan truyền thông giám sát hoạt động của chính phủ nhưng ở Trung Quốc thì chính phủ giám sát các cơ quan truyền thông". Với kinh nghiệm ký giả đó và học giả ngày nay, tôi định làm rõ một cách có lý luận về sự thật tại Trung Quốc.

Hiện nay loại học giả xuất thân từ ký giả như tôi ở Trung Quốc rất nhiều. Các nghiên cứu của họ bị giới hạn không cho phát biểu khiến nhiều nhà trí thức Trung Quốc đã lần lượt bỏ đi Mỹ, Châu Âu, Nhật tạo nên một hiện tượng lưu xuất chất xám. Đồng thời nhiều nhà trí thức có lương tâm khác bị bắt trong nước. Trong lúc phát triển kinh tế của Trung Quốc được tuyên truyền rầm rộ trên thế giới, môi trường tự do ngôn luận của các cơ quan truyền thông ngày càng xấu đi.

Nhiều nhà đầu tư Âu Mỹ và các nhà nghiên cứu về Trung Quốc đã có tiếng nói nhiều kỳ vọng về một sự "thay đổi lớn" do sự thay đổi người lãnh đạo Đảng Cộng Sản Trung Quốc từ Giang Trạch Dân qua Hồ Cẩm Đào. Nhưng

tôi có thể quả quyết rằng : "Không có gì thay đổi !". Sự phồn vinh của Thượng Hải, kinh tế thị trường hóa, các vận động dân chủ hóa và tự do hóa ở địa phương chỉ là chiến thuật tuyên truyền đối ngoại !

Thực ra nhiều vấn đề giấu sau sự tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc từ giữa thập niên 1990 bắt đầu bộc lộ. Sự độc chiếm của cải xã hội và quyền lực của một thiểu số, vấn đề khoảng cách giàu nghèo, tham nhũng, phạm tội, sự cấu kết giữa cán bộ cầm quyền và băng đảng xã hội đen, v.v... nhiều không kể xiết. Kết quả là bất mãn của dân chúng ngày càng tăng lên vì chẳng được hưởng lợi lộc gì trong sự phát triển kinh tế. Tức nước sẽ vỡ bờ.

Kinh tế thị trường thực sự là sinh hoạt kinh tế được phát triển theo cơ cấu tự do cạnh tranh chứ chẳng phải do những nghị quyết, quyết định ép buộc do chính phủ trung ương kiểm soát. Chính quyền cộng sản Trung Quốc về mặt "phân phối của cải và tài nguyên" từ xưa đến nay cũng không thay đổi cơ bản "độc chiếm" để duy trì sự lãnh đạo của mình và đó là nguyên nhân chính để yên tình trạng hủ bại trong xã hội. Tôi gọi đó là "thị trường hóa độc quyền".

Chuyện gì sẽ xảy ra tới đây có thể nói gọn trong một từ để chỉ hiện tượng cực kỳ sẽ diễn ra ở Trung Quốc trong thời kỳ chuyển biến lịch sử sắp diễn ra. Đó là "sụp đổ lớn" (collapse). Sụp đổ lớn cỡ sự băng hoại của nhà Thanh (cách mạng Tân Hợi) hoặc cách mạng văn hóa. Những người lo lắng cho sự sụp đổ lớn này không chỉ những xí nghiệp Nhật, Âu Mỹ đang đầu tư hay xây dựng các công trường lớn ở Trung Quốc mà thôi.

Thực ra những người lo sợ nhất về sự sụp đổ lớn này là chính chính quyền Bắc Kinh. Nên gần đây họ tung ra các cuộc vận động chống tham nhũng với khẩu hiệu "Bãi trừ gian lận, tham nhũng để tránh sụp đổ !". Tuy nhiên những cán bộ hiện tại miệng thì hô hào chính sách đó nhưng tay lại tha hồ tham nhũng nên không thể nào thay đổi được gì.

Nếu muốn thay đổi thực sự Trung Quốc phải có đảng đối lập lành mạnh, cơ quan truyền thông khách quan, có khả năng giám sát, làm áp lực để các cán bộ trên phải thay đổi thực sự. Nhưng hiện nay ở Trung Quốc chỉ có vài "đảng vệ tinh" nhận tiền từ đảng cộng sản và các học giả tay sai, cơ quan truyền thông lưỡi gươm chỉ phát triển những điều có lợi cho nhà cầm quyền.

Ở đây chúng tôi thử xếp hạng trình độ các ổ tham nhũng là các cơ quan hành chính của Trung Quốc để đào sâu vấn đề : một là cấp trung ương ; hai là cấp tỉnh ; ba là cấp vùng hành chính ; bốn là cấp thị trấn ; năm là cấp huyện ; sáu là cấp hương xã và bảy là cấp thôn ấp. Trong bảy cấp hành chính này, cấp nào tham nhũng hơn cả ?

Trong các tác phẩm của tôi, ba cấp dưới là huyện, hương và thôn được tôi điều tra kỹ về tệ nạn hối lộ, tham nhũng. Chẳng hạn sự kết bè giữa các cán bộ và băng đảng đen để xóa bỏ các tội phạm máu dâm, thuốc phiện, việc giấu nhẹm những vụ ám sát lãnh đạo của các băng đảng, xí nghiệp cạnh tranh nhau.

Xin lấy một thí dụ để hiểu về "chính sách một con". Thực ra ở nông thôn Trung Quốc hầu như không có gia đình nào "một con" cả. Thông thường là hai, ba hoặc bốn con

là phổ biến. Nhưng nếu đăng ký thật sẽ bị liệt vào hạng đối tượng xử phạt. Cho nên khi nông dân sinh con thứ hai, hoặc thứ ba, họ liên lạc với cán bộ phụ trách hộ tịch, trả cho một đứa con khoảng 2.000 nguyên là thói quen thông thường. Ở các tỉnh giàu có như Quảng Đông, người ta hối lộ cho mỗi đứa con thêm từ một vạn đến ba vạn nguyên. Cán bộ đều mờ mắt vì các món tiền hối lộ béo bở này nên "chính sách một con" đã bị từ bỏ từ cơ sở đầu tiên !

Sự tham nhũng của cán bộ này sẽ đẻ ra cái gì ? Cùng với đạo đức xuống cấp là vấn đề nhân khẩu trầm trọng. Trung Quốc có dân số chiếm 12% dân số thế giới nhưng diện tích canh tác chỉ 7% diện tích canh tác của loài người. Đất đai của Trung Quốc 37% đang bị sa mạc hóa do đó tỷ lệ diện tích canh tác trên mỗi hộ, mỗi đầu người tiếp tục giảm dần. Theo các chuyên viên về vấn đề dân số, cứ đà này vào giữa thế kỷ 21 sẽ đạt đến mức 1,7 tỷ, 1,8 tỷ dân. Nghĩa là con số vượt xa trị biên tế tối đa của môi trường tự nhiên của Trung Quốc có thể chấp nhận được theo con số thống kê của Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế thuộc Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc công bố. Với các cán bộ và các cấp hành chính đầy tham nhũng như hiện nay, khả năng thực hiện được chính sách hạn chế đẻ rất là thấp.

Với tư cách ký giả, tôi chỉ có khả năng điều tra các cấp thấp nhất và đã phát hiện được cơ cấu tham nhũng rõ ràng như trên. Những cấp cao hơn mức độ tham nhũng, theo tôi suy luận, vượt quá sức tưởng tượng của mọi người. Các cán bộ ưu tú cấp trên còn giải quyết nhiều vấn đề hơn cán bộ địa phương, họ lợi dụng các cuộc vận động chống tham nhũng để làm "công cụ" cho quyền lợi chính trị của mình.

Trong nền kinh tế Trung Quốc, cơ cấu cốt lõi là tiền sẽ chạy vào túi những người nào gần quyền lực nhất. Để làm giàu, nếu không hối lộ cho người ở vị trí chính trị cao hơn mình, người giàu cũng không bảo đảm được sự an toàn. Tôi nghĩ ở Trung Quốc hiện nay có ba loại người trong hệ lụy tham nhũng :

Loại một : loại mảnh mung. Có làm giàu đi nữa cũng không trả tiền cho các trùm băng đảng xã hội đen. Trong trường hợp này dù có bị băng đảng đen ghét đi nữa họ vẫn giữ được thân thể an toàn vì họ đã hối lộ trước cho hơn ba cấp "thôn", "hương" và "huyện" rồi.

Loại hai : những người xấu số. Từ năm 1995 chính quyền trung ương Trung Quốc cứ vài năm lại thực hiện chiến dịch chống tham nhũng dù đó chỉ là một biểu hiện làm dáng. Nhưng vì có những người có thẩm quyền biết lợi dụng các cuộc vận động này cho nhu cầu riêng nên một số người bị thất sủng vì bất chính trong quá khứ và bị đầu tố. Đó là "những con dê tế thần".

Loại ba : những người trong sạch ghét tham nhũng. Đó là những người đáng kính, đáng thương nhất. Họ chỉ làm những điều bình thường, chính đáng nhưng rút cuộc chỉ tạo ra những địch thủ chính trị, cuộc sống khó khăn. Kết cuộc là những kẻ đầu nậu trong đảng cộng sản phần lớn đều dính tới tham nhũng lo sợ những người này nên đã tìm đủ cách để loại trừ, hay hãm hại.

Rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài mới đầu đi vào Trung Quốc với sự sôi nổi, tràn đầy ước mơ và hy vọng, khi lần

Đọc báo trong nước :

Báo công an biểu riêu ĐẢNG VÀ CHẾ ĐỘ !

Nhiều quý vị ở hải ngoại và vài quý vị ở trong nước nhiều khi cứ ồn ào đòi dân chủ cho Việt Nam, một trong những lý do của quý vị là cáo buộc ở ta không có tự do ngôn luận, báo chí quốc nội từ lớn tới nhỏ cứ rậm rạp "nói theo chỉ thị". Nhưng nhìn kỹ, quý vị đã nhầm to. Xin lấy báo *An Ninh Thế Giới* (ANTG) ra làm ví dụ !

Nói đến tờ ANTG, có người bảo : "Ối giời ơi, đừng có chấp - nó đặc sệt là một tờ lá cải !". Rõ là vội vã. Đường đường là một "cơ quan của Bộ công an", tổng biên tập đóng hàm tướng, các phó tổng biên tập đều là sĩ quan cấp tá, ANTG rõ ràng là một cơ cấu quan trọng, đăng tải những ý kiến quan trọng - chí ít cũng là của một cột trụ chuyên chính đầy quyền lực. Nhìn những bức ảnh, đại diện báo ANTG béo tốt, mặt tươi như hoa khi thăm hỏi và ủy lạo những đồng bào gầy gò, đau khổ ; người ta thấy rõ tờ báo này là nơi tụ hội của toàn những bậc được "ơn vua" rất đầy, được "lộc nước" rất cả. Mà đúng thế : vừa là cán bộ công an ăn lương quân hàm quân hiệu, vừa là nhà báo kinh doanh mỗi tháng thu vài triệu, các nhà báo ANTG thật là "nhất cử vạn tiện", làm gì mà ông phó tổng biên tập Đặng Vương Hưng chẳng hảo tâm bỏ ra 13 triệu tặng 30 trẻ em nghèo. Tưởng rằng uy nghiêm như vậy, chịu "ơn mưa móc" như vậy thì ANTG phải nghiêng ngửa với *Nhân Dân* hay *Quân Đội Nhân Dân* trong việc ngợi ca chế độ, nhưng nếu xem kỹ báo này người ta có quyền ngỡ rằng không phải như vậy, tờ báo này "chẳng có ý tốt gì với Đảng ta".

Cụ thể nhất là tờ số 343, ra ngày 14-8-2003. Trên trang đầu của tờ báo, như mọi tờ báo chính thống khác, trang trọng đi tít bài "Cách mạng Tháng Tám và con đường chúng ta đi..." của ông Trần Bạch Đằng (TBD), một trong những nhà lý luận số một của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Ngay từ đầu, hàng chữ : "*Cách mạng Tháng Tám 1945 đi vào lịch sử thế giới như mũi xung kích của phong trào giành độc lập của một nước thuộc địa, nằm ở vị trí khá hẻo lánh của Trái Đất...*" đã làm cho người đọc tá hỏa. Sau lúc tỉnh táo, những người am hiểu thời thế có thể cười đến vỡ bụng khi nghe lại bài ca cũ "ta đi vào lịch sử nhân quần" ; đến bậc Thánh bóp nát óc ra cũng không thể tìm thấy sự liên quan "thần bí" về ngữ nghĩa của câu viết tối như hũ nút trên. Tiếp theo phần "chuông mõ" ban đầu, tác giả viện dẫn ra công lao to lớn của "Đảng và Bác". Điều kỳ lạ là tại đây

lần hiểu được thực tế ê chề cuối cùng đã phải cuốn gói ra đi. Tôi chỉ muốn nhấn với họ rằng phải bình tĩnh đợi đến khi ở Trung Quốc giải quyết được nạn hối lộ và tham nhũng từ địa phương đến trung ương, hay cho đến khi Trung Quốc có được một hệ thống truyền thông lành mạnh lúc đó mới có thể đầu tư vào Trung Quốc.

Từ Mỹ nhìn về Trung Quốc, gần đây tôi cảm thấy lo lắng khi nhìn cách Trung Quốc công bố thông tin về tình trạng SARS. Ở Âu Mỹ có lúc có nhà học giả tuyên bố đầy hy vọng : "SARS ở Trung Quốc có thể trở thành Chernobyl ở Liên Xô ?". Ý là muốn so sánh với trường hợp Liên Xô khi Gorbachev vừa lên cầm quyền, sự cố tai nạn xảy ra ở lò phát điện nguyên tử Chernobyl năm 1985 đã là cơ hội

khá nhiều điều ngộ nghĩnh. Khi lên án thủ đoạn "chia để trị" của thực dân Pháp, ông TBD nhận định : "*Một dân tộc chung tiếng nói, chung nền văn hóa, chung lịch sử nhiều nghìn năm đầu thế tồn tại như những mảnh rời rạc*". Vậy nhà nghiên cứu này nghĩ sao về quan hệ Áo-Đức ngày nay ? Khi có ép "giai cấp công nhân Việt Nam" (một thứ mà sau nhiều nghiên cứu thật kỹ lưỡng, tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang đã khẳng định là chưa bao giờ tồn tại) đóng vai trò "tiền thân" đảng cộng sản. Tác giả bài báo đưa ra một câu xanh rờn : "*Đã là thợ thì hệ tư tưởng đương nhiên mang tính quốc tế*". Có nghĩa là trí thức và thương gia thì chỉ biết luẩn quẩn sân nhà, và vài ba tháng cao su cao su là đã đủ chín muối cho một hệ tư tưởng. Khi giải thích sự sống sót của chế độ hiện nay "sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa (XHCN) Đông Âu sụp đổ (tức là thế giới có nhiều hệ thống XHCN khác nhau, trong đó "hệ thống XHCN Châu Á" vẫn đang đâm hoa kết trái ?), nhà lý luận này thở phào : "*Điều hết sức may mắn là chúng ta được trang bị một hệ thống tư tưởng tiên tiến của thời đại được đúc kết từ thực tiễn Việt Nam qua tư tưởng Hồ Chí Minh*". Thật là vĩ đại, mảnh đất đang đứng vào hạng nghèo khổ của chúng ta, với "tư tưởng Hồ Chí Minh" đã tạo ra được cả một "hệ thống tư tưởng" có thể cứu dất nhân loại !

Thực ra, ý của nhà lý luận cộng sản chỉ muốn ca ngợi Cách Mạng Tháng Tám, ca ngợi sự lãnh đạo "sáng suốt và tài tình" của Đảng Cộng Sản Việt Nam, vậy mà đến cuối bài, ông lại kết luận : "*Cách mạng Tháng Tám... đang hỗ trợ cho một nước Việt Nam giàu mạnh - về mặt này, Việt Nam có nhiều tấm gương lớn để soi rọi ở Châu Á và ngay ở Đông Nam Á*". Ở Châu Á là "thiên triều Trung Quốc", còn "ngay ở Đông Nam Á thì chắc là Singapo, Malayxia. Nhưng ở Singapo và Malayxia người ta đâu có "hệ tư tưởng tiên tiến" của ta, đâu có "Đảng vĩ đại" để dẫn dắt dân chúng làm cách mạng. Nay phải dùng họ làm gương lớn để soi, thì cái "ý nghĩa thiêng liêng của Cách Mạng Tháng Tám" đã bị nhà lý luận này giấu đi đâu ? Về "thành quả" của cuộc cách mạng dưới sự lãnh đạo của "Đảng và Bác" thì không phải tìm đâu xa, nó đã phần nào được mô tả một cách cụ thể trong những bài phóng sự Việt Nam cũng ở số báo trên.

Trong bài "Máu đã chảy trong rừng cao su ở Kontum", tác giả Trần Văn Nhiên đã cho thấy điều kiện làm việc khổ nhọc, nguy hiểm và vô vọng của công nhân một nông trường cao su. Một trong những nguyên do là bọn trộm cướp mủ cao su (được gọi là cao tặc). Ông tổ trưởng tổ bảo vệ nông trường cho biết "*nơi nào có cao su khai thác là có cao tặc. Bọn chúng rất hung hăng, đã trộm mủ lại còn không chể, tấn công cả* (lực lượng)

để chính quyền Gorbachev thực hiện chính sách cải cách (perestroika) và công khai thông tin (glasnostika). Người ta chờ đợi chính quyền mới ở Trung Quốc phải công khai tin tức để đối đầu với dịch SARS, tạo cơ hội cho thông tin tự do, tự do ngôn luận, dân chủ thực sự. Tuy nhiên, tôi có thể nói rằng lối suy nghĩ đầy hy vọng và lạc quan này của các nhà học giả trên rất sai lầm trong hiện tại.

Chính quyền Bắc Kinh tuy có tích cực hơn trước trong việc "đề xuất thông tin" nhưng họ vẫn chưa cải thiện được bản chất giấu đuôi khi thế giới đòi hỏi "thông tin trong suốt". Trong lúc chính phủ Mỹ công bố dữ kiện rằng bệnh SARS có thể lại hoành hành trên thế giới từ mùa Đông tới cho đến năm tới, sự thật này ở "nguồn phát bệnh SARS"

bảo vệ". Một nữ công nhân than thở : "Bọn nó còn bóc lột cao su ngay cả trước mặt công nhân, mà chúng em sợ không dám nói". Một người khác thì thở dài : "Lương mủ tạt mắt ước khoảng 30%. Vì vậy, mức lương của vợ chồng em bình quân trên 500 ngàn đồng/người/tháng". Cuối cùng, bài báo năn nỉ "xin các cơ quan chức năng tăng cường phối hợp với nông trường, kiên quyết với bọn cao tặc, đừng để dưới tán rừng cao su xanh tươi, im ắng kia, máu và nước mắt của những người công nhân chảy theo dòng nhựa trắng".

Theo lời Đảng Cộng Sản Việt Nam thì động lực đã đưa những người phu cao su năm xưa đến với cách mạng là tình cảnh bần cùng của họ dưới ách thực dân : "Bán thân đổi mấy đồng xu. Thịt xương vùi gốc cao su mấy tầng". Ngày nay, cuộc "cách mạng" mà ông Trần Bạch Đằng ca ngợi đã thành công, thực dân đã rút, "nhà nước là của dân" mà máu và nước mắt vẫn hòa lẫn mủ cao su, thì liệu rằng nỗi khổ của dân có phải chỉ do chính người dân ? Và những công nhân cao su liệu có được thấm nhuần "công ơn" một cuộc cách mạng mà chẳng mấy đổi đời - khi mà cuộc sống dân đen vẫn leo lắt, lung lay?

Đương nhiên, hoàn toàn có thể lý giải hiện tượng trên rằng dân trí mình còn thấp, rằng trong xã hội nào cũng tồn tại tội ác. Vấn đề còn lại là xã hội đó, và nhất là các cơ quan hành pháp, tư pháp tại đó chống tội ác ra sao. Bài "Chuyện không mới ở trạm cảnh sát giao thông Dầu Giây (Đồng Nai)" của Nguyễn Như Phong - phó tổng biên tập của tờ báo đang nêu, đã phần nào hé mở ra cái bùng nhùng giữa "tội ác" và "trừng phạt" của xã hội Việt Nam hiện tại.


Chuyện thuật lại chuyện công tác "tìm hiểu thực tế" của tác giả tại trạm cảnh sát giao thông (CSGT) số 1 - một nơi "tờ rất lâu đã nổi tiếng về tình trạng CSGT nhận tiền mãi lộ, nổi tiếng về sự sách nhiễu lái xe và vô vàn những chuyện tiêu cực khác". Khi sự vụ bị báo chí nêu ra, cách xử lý ở ta cũng khá là đặc sắc : ban giám đốc công an tỉnh Đồng Nai đã thành lập đoàn kiểm tra ! Có nghĩa là "vừa đá bóng vừa thổi còi", công an bị tố cáo trấn lột thì công an đi điều tra, viện kiểm sát và thanh tra nhà nước (có chi nhánh tại các tỉnh) cứ như không hề tồn tại. Điều tra "công minh" như thế nên chẳng có gì là lạ khi "Đoàn công tác đã xuống gặp tất cả những người lái xe đã đứng tên tố cáo CSGT được đăng trên báo" (lại còn mời cả phóng viên đi quay phim chụp ảnh nhân chứng nữa !), thì trong 11 người được "thăm" đã có tới 9 người chối đây đẩy là "chưa đưa tiền mãi lộ" (cũng chẳng khác gì tiền hối lộ), chỉ còn hai người nhận là đã đưa nhưng "không hề nhớ nổi là vào lúc nào và đưa cho ai". Với kết quả điều tra "rực rỡ" như vậy, "quân ta"

quay về "xử lý nội bộ" và được "cán bộ, chiến sĩ của trạm đồng loạt làm cam kết chịu mọi hình thức kỷ luật nếu như điều tra phát hiện ra được việc anh em làm bảo kê, nhận tiền đóng "hụi chết" của lái xe". Thật là những cam kết đầy trách nhiệm, đáng khâm phục của một nghi can hứa sẽ có mặt ở tòa nếu chẳng may bị rơi vào tay pháp luật. Cuối cùng, "sau khi có kết luận của Đoàn kiểm tra, Ban giám đốc công an tỉnh và Hội đồng khen thưởng-kỷ luật quyết định : cảnh cáo cấp ủy và tập thể ban chỉ huy đội CSGT số 1 ; cách chức bí thư chi bộ, đội trưởng của đại úy Võ Đình Thường và đội phó Trần Vũ Khanh ; cảnh cáo hai đồng chí tổ trưởng hai đội tuần tra ; khiển trách 7 cán bộ, chiến sĩ còn lại và cuối cùng là điều chuyển cả 11 người ra khỏi lực lượng CSGT". Có nghĩa là "các đồng chí" công tác ở đây đủ rồi, nay mời "các đồng chí" đi "phục vụ" nhân dân trên lĩnh vực khác ! "Trừng phạt" như vậy thì trách gì mà "tội ác" chẳng mọc lên như nấm ?

Một điều khá "lý thú" trong bài viết là thái độ của tác giả bài báo đối với hành vi phạm tội. Anh ta kể : "Trong một lần đi theo xe khách chạy Bắc-Nam để viết phóng sự về CSGT, tôi đã dừng lại ở trạm Dầu Giây và được chứng kiến cảnh lái xe "tự giác" nhảy xuống nộp tiền cho cảnh sát mà ngạc nhiên quá". Trời đất, xin nhớ tác giả vừa là nhà báo, vừa là sĩ quan khá cao của cảnh sát, vậy mà khi mục thị những người đại diện nhà nước, "bảo vệ trị an cho xã hội" đang công khai phạm pháp, anh ta lại chỉ phản ứng bằng cách "ngạc nhiên". Rồi tới đoạn cuối bài viết, tác giả kết luận : "Muốn làm giảm đến mức thấp nhất hiện tượng tiêu cực của CSGT, vấn đề đặt ra chính là từ người sử dụng phương tiện giao thông". Tức là bà mất cắp chính là do bà không cất tiền cho khéo. Vậy cơ sao còn trách móc kẻ gian? Nghe cứ như đùa, nhưng đó là chuyện thật !

Và tất cả đã được gói gọn lại trong một ngày ra báo. Trần trọng đăng tải ý kiến của một nhà lý luận hàng đầu ca ngợi Cách Mạng Tháng Tám, ca ngợi chế độ với những nhận định chọc cười và mê ngủ, rõ ràng báo ANTG đã chủ tâm nhào báng cách mạng và những người cầm lái ! Kể lại sự khốn khổ, bất an đương đại của nhân dân lao động, báo ANTG đã cố tình phơi bày những "thành quả" đáng xấu hổ của hơn nửa thế kỷ đi theo "Đảng Bác"! Thuật lại chuyện công an hầu như tự do những nhiều xã hội, báo ANTG đã lột tả sự nhùng lọa, gian manh và bất lực kể cả từ ý thức đến hành động của một bộ phận chính quyền quan trọng nói riêng và của cả một chế độ nói chung. Là một cơ quan ngôn luận của Bộ công an, mang nặng công ơn của "Đảng", của "Cách mạng", báo ANTG không những đã không hoàn thành nhiệm vụ là "vũ khí văn hóa" mà "Đảng" đã giao phó lại còn đưa ra những sự thật bêu rếu, phỉ báng chế độ. Thực chất, phải thay tên "an ninh thế giới" của báo bằng tên "bất an quê nhà". Hơn nữa, để ngăn chặn tình trạng "chưa tự do ngôn luận" mà đã "phản tuyên truyền" như trên, có lẽ "Đảng" phải đóng cửa tờ báo này, hoặc bắt sát nhập ngay với báo Nhân Dân là tiện nhất ! Vấn đề là tờ Nhân Dân liệu có hơn gì tờ báo yếu kém này không ?

Hà Linh (Berlin, tháng 9-2003)

 là Trung Quốc vẫn bị giấu nhẹm. Những người làm nhiệm vụ truyền thông ở Trung Quốc, dù biết sự thật quan trọng cần đề phòng họa lớn hơn nữa cũng không làm gì được vì không có quyền công bố cho dân chúng biết để đề phòng. Trung Quốc và các nước tương tự có chịu thay đổi để không bước vào con đường sụp đổ lớn hay không đó là điều mà người ta có thể chứng kiến vào mùa Đông sắp tới. Hãy chờ xem cách Trung Quốc và các nước tương tự đối phó với dịch bệnh SARS như thế nào để biết được tương lai. Họ có dám dân chủ hóa thực sự hay không hay đành chịu sụp đổ lớn ?

Hà Thanh Liên

Nguyễn Minh dịch (Tokyo, 23-7-2003)

Tìm đọc Thông Luận và nhiều tiết mục khác trên internet : <http://www.thongluan.org>

Cố gắng tồn tại trong khó khăn

Nguyễn Văn Huy

Đối với nhiều sử gia và học giả phương Tây, biến cố 1471 đánh dấu sự giải thể vương quốc Chiêm Thành, không một biên khảo lịch sử hay niên giám triều đình Chiêm Thành nào được phổ biến từ sau ngày đó. Trong thực tế, sinh hoạt triều chính của các dòng vương tôn Chiêm Thành vẫn tiếp tục, với một qui mô tuy nhỏ hẹp nhưng không kém phần xúc tích. Tuy vậy tìm hiểu lịch sử người Chăm trong giai đoạn này rất là khó khăn vì thiếu chứng liệu, người viết đã dựa vào các nguồn sử liệu Việt Nam, đối chiếu với nhiều nguồn sử liệu khác của nước ngoài để phác họa lại giai đoạn thiếu sót này.

Nam Chiêm Thành trong thế kỷ 16

Sau 1471, nhóm hoàng tộc Chăm từ Nam Bàn (từ Quảng Nam đến Đồ Bàn) chạy về Giao Nam (Bình Thuận) lánh nạn và tranh chấp quyền bính với các dòng vương tôn địa phương tại Phan Rang (Virapura). Nhóm người này tự nhận là truyền nhân đích tôn của vương triều cũ (vương triều Vijaya) và kêu gọi dân chúng địa phương không thừa nhận dòng họ Bồ Trì Tri (Jayavarman Mafoungnan) vì chỉ là cấp thừa hành của các dòng tiên vương. Tuy âm thầm nhưng rất mãnh liệt, các dòng vương tôn Nam Bắc Chiêm Thành kết thành từng phe nhóm tranh chấp lẫn nhau. Với thời gian, dòng dõi vương tôn Nam Bàn được dân chúng mến chuộng và tôn lên làm vua cai trị lãnh thổ Nam Chiêm Thành. Yếu tố bộ tộc truyền thống Cau và Dừa phai dần trong ký ức tập thể dân gian và kể từ thế kỷ 15 trở về sau huyền thoại này không còn được nhắc tới nữa. Dân chúng Panduranga (Nam Chiêm Thành), quá mệt mỏi trước các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm và nội chiến, muốn quên đi quá khứ để chỉ chăm lo cuộc sống hằng ngày.

Dòng họ Bồ Trì Tri không trị vì lâu. Năm 1478 Bồ Trì Tri mất, em là Koulai lên thay nhưng năm 1505 bị ám sát tại Champassak (Nam Lào), con là Chakou Poulo kế nghiệp và trị vì đến 1530 thì mất. Kể từ sau ngày đó con cháu dòng vương tôn Nam Bàn được hoàng triều và dân chúng tôn lên làm vua. Con Trà Toại là hoàng thân Po Karutdrak được tôn lên làm vua, kế nghiệp Chakou Poulo cai quản xứ Panduranga. Con Karutdrak, thái tử Maresarak làm vua năm 1536. Po Kanarai lên ngôi năm 1541, hiệu Chế Bãi. Năm 1553 Chế Bãi mất, Po Ất (Po At) lên thay.

Trong thời Trịnh-Nguyễn phân tranh, người Chăm phía Bắc vẫn thỉnh thoảng nổi lên quấy phá Thuận Hóa (châu Ô và châu Rí). Nhân cơ hội này, Nguyễn Hoàng xin Trịnh Kiểm cho vào trấn thủ Thuận Hóa năm 1558, rồi bí mật xây dựng cho mình và con cháu cơ nghiệp riêng. Mỗi lần các chúa Nguyễn bị các chúa Trịnh làm áp lực, vương quốc Chiêm Thành lãnh nhận những hậu quả.

Năm 1560, Nguyễn Hoàng bị Trịnh Kiểm buộc phải

nộp hàng năm 400 cân bạc, 500 tấm lụa nếu muốn được yên. Không sao tìm đủ phẩm vật dâng nộp, Nguyễn Hoàng cử người xuống Aryaru (Tuy Hòa) thông báo cho vua Po Ất cung cấp số lượng phẩm vật nói trên, nhưng bị từ chối. Liền tức thì, Nguyễn Hoàng xua quân tiến chiếm Phan Rang, quân Chăm rã hàng, hàng ngàn người chạy theo Po Ất lên Tây Nguyên lánh nạn. Sau khi cướp phá các đền đài và tịch thu hết tài sản của hoàng gia Chiêm, Nguyễn Hoàng rút quân về nước nhưng để lại số binh sĩ trấn giữ Tuy Hòa. Năm 1579, lợi dụng sự yếu kém của quân Chăm, một hoàng thân Khmer trấn thủ lãnh thổ đông-bắc Chân Lạp (Mondolkiri và Rattanakiri) dẫn đại quân tiến vào Phan Rang giết Po Ất rồi tự xưng vương, hiệu Po Klong Halau (Po Klău Haluv).

Nam Chiêm Thành trong thời Nguyễn sơ

Sau khi làm chủ toàn bộ lãnh thổ Panduranga, Po Klong Halau (1579-1603) mở rộng giao thương với phương Tây, nhà vua tìm mua súng hiệu thương và những khẩu đại pháo phòng thủ bờ biển và kinh thành. Không bao lâu sau, vương quốc Panduranga trở nên hùng mạnh, Po Klong Halau tổ chức nhiều cuộc tấn công vào lãnh thổ Đại Việt, chiếm Thành Hồ (Tuy Hòa) trên sông Đà Rằng năm 1579 và thách đố các thế lực khác trong vùng, nhất là Chân Lạp.

Trước sự đánh phá của quân Chiêm phía nam và áp lực quân sự của chúa Trịnh phía bắc, Nguyễn Hoàng không những bỏ qua việc mất Thành Hồ mà còn đề nghị thành lập một liên minh quân sự với Chiêm Thành. Po Klong Harau cũng muốn được yên với Đại Việt để chống trả những cuộc tiến quân của Chân Lạp nên đã chấp thuận. Năm 1594, nhà vua gửi quân sang tiếp cứu tiểu vương Johore, đất Madjapahit (bán đảo nam Mã Lai, gần Singapore), chống lại sự tấn công của quân Bồ Đào Nha.

Năm 1597, vua Khmer Chetta I (tiếng Chăm là Cau Bana Tan, hiệu Paramaraja V) mang quân đánh Chiêm Thành viện cớ Po Klong Harau làm phản không chịu sát nhập Panduranga vào lãnh thổ Chân Lạp. Nhờ được trang bị những loại vũ khí mới, quân Chăm đánh bại quân Khmer trong những trận đầu và còn tiến sâu vào nội địa Chân Lạp. Về sau, được người Chăm tị nạn tại Chân Lạp ủng hộ, quân Khmer phản công trở lại và cuộc chiến trở nên ngang ngửa. Khi quân Chăm rút lui về nước, quân Khmer do tướng Ukana Tejo và hai tướng gốc Chăm, Po Rat và Laksmana chỉ huy, tiến vào Panduranga cướp các khẩu trọng pháo do người Bồ Đào Nha cung cấp.

Liên minh giữa Đàng Trong và Panduranga cũng không bền lâu. Năm 1603 khi Po Klong Halau qua đời, con là Po Thikdhik lên thay, hiệu Po Nit. Po Nit không những không chịu thông sứ với xứ Đàng Trong mà còn xây kho lương, tuyển mộ binh sĩ đánh phá phủ Hoài Nhơn, đạo Quảng Nam. Nguyễn Hoàng liền thành lập dinh Phú Yên và đưa một số di dân gan dạ vào lập các "lân" (làng biên giới) để canh tác và dò xét tình hình.

Năm 1611, sau khi củng cố xong thế lực ở phía bắc đèo Ngang, Nguyễn Hoàng sai một người Chăm không rõ tên,

gọi là Văn Phong (Văn Phong là tên một chức chủ sự) dẫn quân qua đèo Cù Mông chiếm thành Phú Yên (Aryaru), tổ chức dinh điền và đưa dân từ các tỉnh Quảng Nam đến Bình Định vào định cư, lập ra hai xã Đồng Xuân và Tuy Hòa. Quân Chăm tấn công liên tục hai xã mới này, nhưng không thành công. Po Nit mất năm 1613, em là Po Chai Păran kế nghiệp. Po Chai Păran dời đô từ Virapura (Phan Rang) về Bal Canar (thôn Tịnh Mỹ, Phan Rí) để phòng chúa Nguyễn tấn công bất ngờ. Năm 1618 Po Chai Păran mất, con là Po Ehklang lên ngôi.

Năm 1622 nội bộ triều chính Panduranga có loạn, một vương tôn đạo Bani tên Po Klong Menai (Po Klâu Manai) giết Po Ehklang rồi tự xưng vương, hiệu Po Mahtaha. Dưới thời Po Klong Menai, xung đột với người da trắng và tôn giáo trở nên trầm trọng. Trong những năm 1622-1630, thuyền buôn của các thương nhân Hòa Lan qua lại trên Biển Đông bị

quân "Mã Lai" (thực ra là người Chăm) cướp bóc và thương điểm của người phương Tây tại Côn Sơn thường xuyên bị đập phá, những cơ sở truyền đạo của các giáo sĩ phương Tây trên lãnh thổ Panduranga đều bị đốt. Những vị lãnh đạo các tôn giáo Bà La Môn và Bani cũng nhân cơ hội xúi giục giáo dân chống phá lẫn nhau trong những dịp lễ lạc. Đất nước trở nên loạn lạc, dân chúng sống trong cảnh lầm than, tại mỗi nơi các lãnh chúa và tù trưởng địa phương tùy theo sức mạnh của mình tổ chức đánh phá các nơi khác để cướp bóc lương thực.

Trước cảnh loạn lạc này, năm 1627, một tù trưởng người Thượng gốc Churu tên Thốt được dân chúng Chăm và người Thượng tôn lên làm lãnh tụ đứng ra dẹp loạn. Dẹp loạn xong, tù trưởng Thốt được dân chúng tôn lên làm vua, hiệu Po Romé (Pô Rômê). Việc đầu tiên của tân vương là buộc các lãnh tụ tôn giáo Bà La Môn và Bani (các thầy Paseh và thầy Char) phải sinh hoạt chung với nhau, phân chia những ngày lễ lớn như các lễ nghi về nông nghiệp (lễ dựng chòi, lễ mừng cây lúa, lễ cúng chúa lửa, lễ cúng sân lúa, lễ cúng cơm mới...) cho hợp lý để các thầy tế lễ và giáo dân đạo kia có thể tham dự. Po Romé (1627-1651) là một vị vua sáng suốt, biết tổ chức, chăm lo đời sống dân chúng, đất nước sống trong thái hòa. Gần như tất cả các vương quốc địa phương đều giao thương với Chiêm Thành : Xiêm La, Chân Lạp, Ai Lao, Ấn Độ, Mã Lai và Đại Việt, kể cả với các quốc gia phương Tây. Nhiều đập nước lớn dẫn thủy nhập điền (như đập Marên) được thành lập tại những nơi khô cằn và triền núi để dân chúng canh tác. Nhà vua chọn Krong Laa (làng Palai Bachong, xã Hòa Trinh, thị xã Phan Rang, trên quốc lộ 1, cách Sài Gòn 310 cây số) làm kinh đô, cạnh sông Krong Binh (sông Viêu). Nơi này trước kia là kinh đô cũ (Virapura) của vua Satyavarman, được trồng nhiều cây Kraik tượng trưng cho uy quyền của vua.

Năm 1629, một chủ sự người Chăm, gọi là Văn Phong, nổi lên đánh phá các làng di dân người Việt tại Phú Yên. Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên sai Nguyễn Phúc Vinh

mang quân xuống đánh dẹp và thành lập Trấn Biên Dinh, lấn sâu vào lãnh thổ Chiêm Thành tới chân núi Thạch Bi (đèo Cả) để bảo vệ di dân. Sau thất bại này, Po Romé làm hòa và xin cưới con gái thứ ba của Sãi Vương là công chúa Ngọc Khoa (em của Ngọc Liên và Ngọc Vạn, đã gả cho vua Chân Lạp Chetta II năm 1620, và là chị của Ngọc Đĩnh), gọi là Po Bia Út, tức hiệu hoàng hậu Akaran.

Cũng nên biết Po Romé có rất nhiều vợ. Vợ thứ nhất



Tháp Po Romé

tên Po Bia Suthi (hay Po Bia Suchi), con vua Po Ehklang, không có con. Po Romé lên cao nguyên Đắc Lắc cưới người vợ thứ hai, con một tù trưởng Rhadé, tên Po Bia Thanh Chan (hay Po Bia Suncan) và sinh hạ được nhiều con. Sau cùng nhà vua xin cưới công chúa Ngọc Khoa, vợ thứ ba và cũng là vợ út của Po Romé (không tài liệu nào nhắc đến con cái của bà Ngọc Khoa). Tuy là sui gia với chúa Nguyễn, quân Chăm vẫn thỉnh thoảng tấn công

quân Việt tại Phú Yên. Năm 1651, trong một trận giáp chiến với quân Việt, Po Romé bị tử thương. Dân chúng Chăm rất thương tiếc và xây cho ông một tháp lớn tại Phan Rí để thờ, gọi là tháp Po Romé (thôn Hậu Sanh, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước).

Năm 1652, Po Nraup, người con cùng mẹ khác cha với Po Romé, lên ngôi, hiệu Bà Thâm (còn gọi là Bà Tấm hay Bà Bì). Bà Thâm là một người Chăm lai Thượng (Chăm Pal), cha là người Chăm, mẹ là người Churu. Vừa lên ngôi Bà Thâm dẫn quân tấn công Trấn Biên Dinh, chiếm lại thành Phú Yên. Hiền vương Nguyễn Phúc Tần sai tướng Hùng Lộc (một người gốc Chăm theo chúa Nguyễn) mang 3.000 binh sĩ vượt đèo Hồ Dương (đèo Cả, núi Thạch Bi), đánh bọc hậu, chiếm Aya Tră (Nha Trang), bắt được Bà Thâm. Để cầu hòa, Bà Thâm dâng đất Kauthara và chấp nhận lấy xã Kamran (Cam Ranh) làm ranh giới : phần đất phía nam sông Phan Rang thuộc vua Chiêm Thành, phần đất phía bắc thuộc về chúa Nguyễn (lãnh thổ Kauthara) và đổi tên thành phủ Thái Ninh (gồm Thái Khang và Diên Ninh), sau là phủ Diên Khánh (Khánh Hòa). Tướng Hùng Lộc được phong làm thái thú. Nhiều đoàn người Chăm, lo sợ bị trả thù, vượt cao nguyên Đắc Lắc sang Xiêm La lánh nạn, đông nhất là tại Ayuthya.

Lãnh thổ Panduranga như vậy chỉ còn lại 4 địa phận : Panră (Phan Rang), Krău (Long Hương), Parik (Phan Rí) và Pajai (Phố Hải). Kinh đô dời về Bal Canar (thôn Tịnh Mỹ, Phan Rí). Vương quốc Nam Chiêm Thành mất đi những hải cảng lớn, việc giao thương với các tàu buôn phương Tây giảm dần và mất hẳn vào giữa thế kỷ 18, người Champa trở thành một dân tộc lục địa, mất hẳn khả năng hàng hải và ngư nghiệp.

Năm 1653 Bà Thâm qua đời, hoàng thân Po Prik Tirai Pakhuoh được chúa Nguyễn cho lên thay. Po Prik Tirai là con trai vương phi người Rhadé (Po Bia Tanchan) của Po Romé. Năm 1657, Po Ja Tanuđ, rể vua Po Prik, được chúa Nguyễn phong vương (đề đốc đại tướng). Năm 1659, Po Saut (Bà Tranh) lên ngôi trị vì đến năm 1692.

Cũng nên biết từ 1620, vua Chân Lạp là Chey Chetta II tặng Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên đất Đồng Nai làm quà cưới công chúa Ngọc Vạn, nhưng vì bận đối phó với chú Trịnh nên chúa Nguyễn chưa thể đưa người vào khai phá ngoài những lưu dân phiêu lưu và tội phạm bị đày xa xứ. Từ sau ngày đó, vương quốc Nam Chiêm Thành nằm trong thế gọng kìm giữa hai thế lực, xứ Đàng Trong và Chân Lạp. Quân Việt có băng qua lãnh thổ Panduranga năm 1630 giúp Chey Chetta II nhưng rút về hết khi xong nhiệm vụ. Năm 1679 nhân có hai vị tướng nhà Minh xin tị nạn, chúa Nguyễn cho vào khai phá đất Đồng Nai. Phong trào di dân Việt từ Diên Khánh vào Đồng Nai trong giai đoạn này còn rất hạn chế vì không thể băng ngang lãnh thổ Chiêm Thành bằng đường bộ trong khi tàu thuyền thì quá hiểm hoi và chỉ dành cho nhu cầu triều chính và quân sự.

Năm 1691, Bà Tranh (Po Saut) xua quân đánh Diên Ninh với hy vọng chiếm lại Kauthara, rồi không chịu triều cống nữa. Năm 1692, Minh vương Nguyễn Phúc Chu sai Nguyễn Hữu Kính chiếm Panduranga, giết Bà Tranh và bắt theo một số cận thần gồm Kế Bà Tử (Po Saktiray Depatih), Tả Trà Viên (Po Thutirai Depatih), vương phi Bà Ân cùng rất nhiều binh sĩ đem về giam tại núi Ngọc Trản (Thừa Thiên). Hoàng thân Po Chongchan (Po Choncain) được đưa lên kế nghiệp và bị buộc phải triều cống nhiều phẩm vật quý hiếm cùng vàng bạc cho chúa Nguyễn, lúc đó ngân khố đang rất thiếu hụt. Không chịu nổi sự áp đặt này, năm 1692 Po Chongchan bỏ vương triều, dẫn theo khoảng 5.000 gia đình tín đồ đạo Bani chạy sang Chân Lạp tị nạn. Đây là đợt tị nạn thứ sáu (sau năm 986, 1285, 1318, 1471 và 1652) của người Chăm ra hải ngoại và là đợt tị nạn thứ hai sang Chân Lạp. Đoàn người di tản đã để lại nhiều tài sản quý báu cho người Churu và người Kaho cất giữ trên cao nguyên Đồng Nai thượng và Langbian. Tại Chân Lạp, nhóm người này hợp với nhóm "Mã Lai" (người Khmer gốc Chăm theo đạo Hồi) tạo thành nhóm Chăm Java, theo đạo Hồi chính thống. Một số sau đó về định cư tại Châu Đốc gọi là Chăm Islam (Chăm Islam khác với Chăm Bani, mặc dù cùng là đạo Hồi). Từ 1692 đến 1695, người Chăm tại Panduranga không có vua.

Quân Việt liền tiến chiếm Panduranga đang bị bỏ trống và đặt cho tên mới là trấn Thuận Thành. Những lãnh địa cũ của người Chăm cũng được đổi tên và giao cho các tướng Việt nắm giữ: Nguyễn Trí Thắng cai quản Phố Hải, Nguyễn Tấn Lễ địa phận Phan Rí, Chu Kiên Thắng lãnh thổ Phan Rang.

Tháng 8-1693, trấn Thuận Thành đổi thành phủ Bình Thuận (trấn là khu quân sự chưa ổn định, phủ là khu vực hành chính đã ổn định). Dân chúng Chăm không chấp nhận sự cai trị trực tiếp của người Việt đã nổi lên chống đối. Để trấn an, Minh vương Nguyễn Phúc Chu phong Kế Bà Tử, em vua Po Saut, làm khám lý (tỉnh trưởng) phủ Bình Thuận, ba người con của Bà Ân làm đề đốc (quận trưởng) thay mặt Minh vương cai trị và thu thuế. Những tù binh Chăm bị giam tại Huế cũng được trả về phủ Bình Thuận; tất cả buộc phải ăn mặc như người Việt: quan thì áo thụng, mũ cánh chuồn, đi hia; binh lính thì mặc áo cộc,

đội nón lá, không được vấn váy (sà rông), tóc bới ra sau. Người Chăm tại phủ Bình Thuận được hưởng qui chế giám hộ (tự trị về hành chính, kinh tế và tôn giáo) đã tỏ ra bất chống đối nhưng sự căng thẳng vẫn tồn tại.

Năm 1696, nhân có nạn đói, một người Hoa tên A Ban và một hoàng thân Chăm tên Ốc Nha Thất xúi giục dân chúng nổi loạn nhưng liền bị dập tắt. Sau biến cố này, qui chế bảo hộ bị hủy bỏ, phần đất đông người Chăm cư ngụ nhất tại phủ Bình Thuận đổi thành trấn Thuận Thành, Kế Bà Tử được phong làm "phiên vương" (vua), một tước ngang với vua Chăm cũ, và được giao lại ấn kiếm, yên mã. Kể từ cuối thế kỷ 17, người Chăm tuy mất độc lập nhưng vẫn còn hưởng qui chế tự trị.

Trấn Thuận Thành thật ra chỉ còn là một vùng đất nhỏ tại Phan Rang và Phan Rí, người Chăm gọi là Bal Prădară (Thuận Hải), gồm hai huyện An Phước (phía nam Phan Rang) và Hòa Đa (phía nam Phan Rí). Cung đình vua Chăm đặt tại Bal Canar (Tịnh Mỹ) về hình thức. Bên cạnh sự quản trị đó, phong trào di dân lập ấp của người Việt vào trấn Thuận Thành ngày càng gia tăng. Những làng Việt Nam, hơn 200 làng, tạo thành những khoảng da beo trong lãnh thổ Prădară. Những người Chăm bất mãn bỏ lên cao nguyên sống lẫn lộn với người Thượng (Churu, Kaho và Djarai) tại Djiring (Lâm Đồng), một số khác chạy sang Chân Lạp hòa nhập với nhóm Chăm Java đã có từ trước. Sự thù ghét người Việt tại Chân Lạp do những nhóm Chăm di cư gieo rắc bắt đầu manh nha trong lòng người Khmer.

Sự cộng cư giữa người Chăm và Việt rất là khó khăn, do bất đồng văn hóa, tôn giáo, hành chính và việc khai thác đất đai ngày càng gay gắt. Năm 1712, một quan lại và khoảng 30 binh lính Kinh được tăng cường để phụ giúp Kế Bà Tử về hành chính. Sự hiện diện của những Kinh binh này làm người Chăm bất mãn vì nhiều khu đất tốt lần lượt lọt vào tay nhóm người này. Từ đó người Chăm sống co cụm lại trong hai huyện An Phước và Hòa Đa để duy trì bản thể và phong tục tập quán riêng. Tại Phan Lý Châm, người Kinh thành lập bốn thôn giữa các làng Chăm: Xuân Quang (xóm Ổi), Xuân Hội (xóm Tầm), Tuân Giáo (xóm Rau Cá) và Tuân Mục. Về sau những di dân này lập gia đình với thiếu nữ Chăm, gọi là người Kinh Cựu (Cựu ở đây là người Chăm). Một số tù binh Việt Nam, bị bắt từ thế kỷ 18, chấp nhận ở lại Chiêm Thành lập gia đình với phụ nữ Chăm cũng được gọi là người Kinh Cựu (Chăm Yuôn, tức người Chăm lai Việt).

Để duy trì tốt sự tuân phục của các dòng vương tôn Chăm, các chúa Nguyễn lần lượt phong vương con cháu Kế Bà Tử và Tả Trà Viên. Kế Bà Tử trị vì đến năm 1727. Năm 1728, Nguyễn Phúc Chu phong Po Jinah Depatih, cháu Kế Bà Tử, làm vương trấn Thuận Thành. Năm 1731, Tả Trà Viên, con Po Saut, lên thay. Năm 1732, Po Rattirai Depatih, cháu Kế Bà Tử, làm vương trấn Thuận Thành. Con Rattirai, Po Tathun Demurai kế nghiệp năm 1763. Po Tithuntirai Rakhvoh (Rakhvâh), con Tả Trà Viên, được chúa Nguyễn tấn phong năm 1765, nhưng đến năm 1768 mới chính thức chấp chánh.

Giữa hai gọng kìm

Trong thời gian từ 1771 đến 1799, Đại Việt có nội chiến. Tây Sơn, nhà Lê và chúa Nguyễn đánh phá lẫn nhau. Tây Sơn là một làng ở phía tây Bình Định, gần An Khê, nơi có nhiều người Chăm Hroi (Hời) và người Thượng sinh sống. Phong trào Tây Sơn được rất đông người Chăm Hroi theo, về sau có thêm nhiều bộ lạc người Thượng gia nhập. Năm 1773, phong trào Tây Sơn phát triển mạnh trên cao nguyên Bình Định, một số người Chăm sống dưới quyền của nữ chúa Thị Hỏa tham gia phong trào. Tại Quảng Ngãi, một lãnh tụ Chăm tên Lúa (còn gọi là Doan) theo Tây Sơn khởi nghĩa. Lực lượng thủy binh của Tây Sơn cũng có rất nhiều người Chăm đồng bằng.

Từ 1776 đến 1798, người Chăm sống trong trấn Thuận Thành buộc phải ngả theo một trong hai thế lực, hoặc Tây Sơn hoặc chúa Nguyễn. Quân Tây Sơn chiếm giữ Thuận Thành năm 1776, chúa Nguyễn lấy lại năm 1779, Tây Sơn tái chiếm năm 1791, Nguyễn Ánh chiếm lại năm 1793. Quân Tây Sơn trở lại Thuận Thành năm 1794, Nguyễn đẩy lùi năm 1798. Sau những cuộc xung đột liên tục này, dân chúng không còn biết nghe ai.

Từ 1781 đến 1783, trấn Thuận Thành tuy có vua (do Tây Sơn đưa lên) nhưng không được chúa Nguyễn công nhận. Năm 1782, một vương tôn dòng Kế Bà Tử tên Po Tithuntirai Deparan (tên Việt là Tá) xin theo Nguyễn Huệ. Năm 1783, Tá chiếm cao nguyên Đồng Nai thượng chống lại Nguyễn Ánh. Cũng trong năm 1783, một lãnh tụ Chăm Bà La Môn tên Po Tolripho từ Ấn Độ về lập chiến khu chống lại người Việt nhưng bị Nguyễn Huệ đánh bại. Po Tolripho phải chạy lên Cheo Reo (Phú Bổn) ẩn lánh trong các buôn làng người Thượng.

Năm 1790 Nguyễn Ánh chiếm lại trấn Thuận Thành, cháu Kế Bà Tử là Môn Lai Phu Tử được phong làm chưởng cơ cai quản trấn Thuận Thành, sau đó bị bãi chức vì tình nghi theo Nguyễn Huệ. Po Ladhun Paghuh, hay Thôn Ba Hú, được phong làm chưởng cơ (tiểu vương) Thuận Thành. Tước Thuận Thành trấn phiên vương bị bãi bỏ.

Để tưởng thưởng các trung thần, Nguyễn Ánh ban họ Nguyễn cho những vương tôn Chăm trung thành. Môn Lai Phu Tử, cháu Kế Bà Tử, mang tên Nguyễn Văn Chiêu ; Po Ladhun Paghuh thành Nguyễn Văn Hào ; Po Sănuncăn là Nguyễn Văn Chấn... Năm 1793, Nguyễn Văn Hào (Po Ladhun Paghuh) được phong làm chánh trấn Thuận Thành, Nguyễn Văn Chấn (Po Sănuncăn) làm phó trấn.

Năm 1794, quân Tây Sơn tiến vào Thuận Thành, Nguyễn Văn Hào chạy vào Gia Định. Năm 1796, Po Thong Khang, một thủ lĩnh người Chăm Hồi giáo tại Dã Giang, pháp danh Tăng Ma, theo Tây Sơn bị đánh bại tại Phô Châm. Tháng 10-1796, tù trưởng hai huyện Phô Châm và Đồng Phú nổi lên đánh phá quân chúa Nguyễn nhưng liền bị đánh dẹp. Năm 1798 Nguyễn Ánh làm chủ Thuận Thành và giao cho Nguyễn Văn Hào cai trị. Năm 1799, Nguyễn Văn Hào mất, Nguyễn Ánh đưa Nguyễn Văn Chấn lên thay.

Người Chăm trong thời nhà Nguyễn

Dưới thời Gia Long (1802-1820), qui chế tự trị của người Chăm được duy trì trong chừng mực. Phong trào di dân và chính sách ban thưởng ruộng đất cho các công thần tại trấn Thuận Thành đã đẩy những người không chấp nhận sự cai trị của nhà Nguyễn vào chốn rừng sâu và đất cao. Dòng họ còn lại của vị vua cuối cùng là Po Chongchan không được Gia Long nhìn nhận, tất cả bỏ sang Chân Lạp tị nạn. Những vùng đất tốt quanh thành Đồ Bàn cũ trước kia, do người Chăm Hroi cư ngụ và bị kết tội theo Nguyễn Huệ, đều bị tịch thu. Thành Đồ Bàn bị đổi tên thành Bình Định, tức đã dẹp yên được loạn Tây Sơn.

Về hành chánh, Gia Long sát nhập trấn Thuận Thành (trước kia trực thuộc phủ Bình Thuận) vào Gia Định thành và phong Nguyễn Văn Chấn (Po Sănuncăn) làm chính vương, dưới quyền quản trị trực tiếp của tổng trấn Lê Văn Duyệt. Tước vương này tương đương với chức chưởng cơ của triều đình Huế và được người Chăm nhìn nhận như là vua (patau). Năm 1807, Nguyễn Văn Vĩnh (Po Klánthu) lên thay và được phong làm phó vương.

Lo sợ thế lực của Lê Văn Duyệt lấn át uy quyền của mình tại miền Nam, năm 1822 Minh Mạng đặt phủ Bình Thuận trực thuộc Phú Xuân. Phó vương Nguyễn Văn Vĩnh bị triệu về Huế giam lỏng vì tình nghi theo Lê Văn Duyệt. Phó tổng trấn Gia Định thành kiêm trấn thủ phủ Bình Thuận, Trương Văn Chánh, cũng bị triệu về kinh, một thân tín của Minh Mạng là Mai Gia Lương được đưa vào thay.

Năm 1823, khi chính vương Nguyễn Văn Chấn lâm bệnh qua đời, Mai Gia Lương đưa một người Chăm thân tín tên Bait Lan lên thay nhưng không được người Chăm công nhận. Minh Mạng buộc phải đưa Nguyễn Văn Vĩnh về làm vương để giữ yên nhân tâm và ban cho ấn đồng "Quản Lý Thuận Thành Quan Phòng". Với sự tin cậy này, Nguyễn Văn Vĩnh áp dụng chính sách cai trị khe khắt của Minh Mạng khiến dân chúng Chăm bất mãn và không nhìn nhận ông là truyền nhân đích tôn của dòng Kế Bà Tử. Nhiều nhân sĩ Chăm vào Gia Định cầu cứu Lê Văn Duyệt nhưng tả quân bắt lực vì Minh Mạng đã tước hết quyền. Các nghi lễ của người Chăm bị cấm cử hành ngoài trời và chốn đông người.

Năm 1829 Nguyễn Văn Vĩnh mất, không người kế vị. Lê Văn Duyệt đề nghị Nguyễn Văn Nguyên (hoàng tử Po Dhar Kauk), con Nguyễn Văn Vĩnh, lên làm phó vương Gia Định Thành kiêm trấn thủ trấn Thuận Thành, hiệu Po Kabait Thvac, lên thay. Minh Mạng, ngược lại, chọn Nguyễn Văn Thừa (Po Phauk Tha), con Nguyễn Văn Chấn, lên thay nhưng chỉ cho giữ chức tuần phủ (kham ma).

Nhiều phong trào chống đối nhà Nguyễn đã xảy ra nhưng đều bị dẹp tan trong biển máu như cuộc nổi dậy của Tà La Văn (Ja Lidon), một người Thượng ở Cam Tăng, Phan Thiết, năm 1823 ; của Nvait Kabait, một tướng người Thượng trên Đồng Nai thượng, năm 1826 ; của Katip Sumat, một tu sĩ Hồi giáo toàn nguyên, kêu gọi thánh chiến chống các đạo khác tại Ninh Thuận năm 1833 ; của Ja Thakva (Điền Sư), tại Bình Thuận năm 1834.

Minh Mạng buộc người Chăm phải lấy một trong sáu họ Việt do chính nhà vua ban : Nguyễn, Dụng, Lâm, Diệp, Hắc, Tôn. Về sau có thêm các họ : Thiên, Quảng, Bá, Đàng, Thiết, Thổ, Dương v.v... Người Bani có các họ Inh Khrit, Inh Gra, Yang Inh, Than Bra, Bãng Tay Bajang, Popat v.v... Tên thánh của người Chăm theo đạo Hồi tại Châu Đốc phải phiên âm ra tiếng Nôm thành một họ như Hosen thành Châu Sanh, Mahli thành Mạch Ly v.v...

Trong hai năm 1854 và 1858, nhiều người Chăm Islam sống sót sau những cuộc tàn sát của quân Khmer chạy qua Châu Đốc tị nạn, được Trương Minh Giảng cho định cư cùng với những người Chăm có mặt từ trước ở vùng biên giới dọc theo sông Hậu gần Châu Đốc (rạch Bình Giã) và Tây Ninh ; tất cả sinh sống bằng nghề trồng rau quả, lúa nước và thương mại. Người Chăm miền Tây thành lập được 7 làng (Châu Giang, Katambong, Phum Soài, Lama, Kakôi, Ka Còki và Sàbâu), dân số khoảng 5.000 người chia làm 9 đội đặt dưới sự cai quản của quan hiệp quản người Kinh tại Châu Giang.

Từ 1954 đến nay

Dưới thời Pháp thuộc (1884-1954), người Chăm được xếp hạng ngang với người Kinh nên không hưởng một qui chế đặc biệt nào. Họ được toàn quyền sinh hoạt tôn giáo. Chỉ sau năm 1946, khi phong trào Việt Minh xâm nhập vào các thôn làng Chăm, người Pháp mới chú tâm đào tạo thanh niên và phát triển những vùng dân cư gốc Chăm. Hậu duệ cuối cùng của Po Chongchan là một hoàng hậu, từ trần tại Huế năm 1927, không người thừa kế, chấm dứt dòng vương chính thức của Nam Chiêm Thành.

Sau năm 1954, người Chăm chịu sự quản trị trực tiếp của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Địa phận Thuận Thành xưa kia được chia thành hai tỉnh Ninh Thuận (thủ phủ là Phan Rang) và Bình Thuận (thủ phủ là Phan Thiết). Riêng tỉnh Bình Thuận, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập thêm quận Phan Lý Chàm, tách khỏi huyện Hòa Đa. Hai quận An Phước (Ninh Thuận) và Phan Lý Chàm (Bình Thuận) do chính người Chăm tự quản lý lấy vì có số đông. Ông Thanh Giác làm quận trưởng quận Phan Lý Chàm, sau là dân biểu quốc hội năm 1966 ; ông Quảng Đại Minh làm quận trưởng quận An Phước. Về chính trị, hai nhân vật này đại diện cho đảng cấp lãnh đạo người Chăm trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa, tranh đấu ôn hòa trong các định chế hợp pháp của chính quyền miền Nam để quyền sinh tồn và phát triển của cộng đồng người Chăm được tôn trọng.

Tại những nơi đông dân cư Chăm sinh sống, vì lý do an ninh kể từ sau 1965 vai trò lãnh đạo hành chánh địa phương do những sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa đảm nhiệm. Những nhân vật quản trị cộng đồng người Chăm là những sĩ quan quân đội gốc Kinh do vị tướng chỉ huy trưởng Vùng II Chiến Thuật chỉ định, năm 1968 quyền này được giao lại cho những sĩ quan gốc Chăm. Cho đến năm 1975, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã đào tạo được nhiều sĩ quan cao cấp : 1 trung tá và 7 thiếu tá.

Trong nội bộ cộng đồng người Chăm, những sĩ quan và

cán bộ hành chánh gốc Chăm hợp tác chặt chẽ với các lãnh tụ tôn giáo địa phương để quản trị, đặc biệt là việc cất đặt ngày giờ tế lễ giữa hai tôn giáo Bà La Môn và Bani tại Ninh Thuận và Bình Thuận. Những đòi hỏi của người Chăm tại Việt Nam ít được chính quyền miền Nam nâng đỡ hay chú ý tới vì không bị coi là kém phát triển, chính vì thế trong cuộc nổi dậy của phong trào FULRO năm 1964 có nhiều lãnh tụ Chăm tham dự.

Sau tháng 4-1975, không những cộng đồng người Chăm cũng không được chính quyền cộng sản nâng đỡ hơn mặc dù nhận được nhiều hứa hẹn trong chiến tranh mà còn bị nghi ngờ theo tàn quân FULRO chống lại nhà nước. Để loại trừ ảnh hưởng của các lãnh tụ tôn giáo, tháng 12-1981, chính quyền cộng sản ban hành chỉ thị số 121/BBT cải tạo phong tục, tập quán, mê tín, dị đoan của người Chăm (đả kích một số nghi lễ gây lãng phí tiền bạc, của cải, thời gian, không vệ sinh và duy trì các hình thức bóc lột bằng phẩm vật thông qua việc thực hiện các lễ cúng). Chỉ thị này gây chấn động trong giới tu sĩ và giáo dân Chăm, một phong trào chống đối rầm rộ nổi lên và chính quyền cộng sản đã nhượng bộ : cuối năm 1982, người Chăm được phép sinh hoạt tín ngưỡng theo tập tục riêng.

Hiện nay tất cả những lễ nghi lớn của người Chăm tại Thuận Hải đều do bà Nguyễn Thị Thềm chủ lễ. Thật ra bà Thềm - hiện cư ngụ tại làng Tịnh Mỹ (tên cũ là Bal Chanar), thị xã Phan Lý Chàm - chỉ là con cháu của một vị tướng (không rõ tên và cũng không biết thời nào), nhưng vì còn lưu giữ kiếm và áo mão của tổ tiên nên được công nhận là truyền nhân của dòng quan lại (chứ không phải vua) cuối cùng của trấn Thuận Thành. Tìm người kế thừa vai trò của bà Thềm trong việc tế lễ hiện nay đang được đặt ra vì bà Thềm không có con, em trai của bà là ông Dung Gạch không có vai trò trong chế độ mẫu hệ.

Về dân số, năm 1963 trên toàn quốc có 51.975 người Chăm, trong đó 33.600 cư trú tại Ninh Thuận và Bình Thuận, 3.000 tại Bình Định, 915 tại Bình Tuy, 1.760 tại Tây Ninh và 12.700 tại Châu Đốc. Năm 1970 toàn miền Nam có khoảng 75.000 người Chăm, 2/3 sống tại Ninh Thuận và Bình Thuận. Năm 1989, dân số Chăm tăng lên 99.000 người, hiện nay trên 110.000 người. Đa số sống bằng nghề nông và tiểu thủ công nghiệp, chỉ một số rất ít cộng tác với chính quyền trong các lãnh vực hành chánh, an ninh và giáo dục. Những đại biểu quốc hội và chức sắc "dân cử" địa phương không có uy tín trong cộng đồng.

Từ năm 1975 đến nay, có hơn 22.000 người Chăm tị nạn tại khắp nơi trên thế giới, trong số này hơn 4/5 là người Chăm tại Kampuchia (khoảng 2.000 người đã di tản ngay khi Phom Penh thất thủ), và được phân chia như sau : Pháp có hơn 1.000 người (hơn 30 người Chăm đi từ Việt Nam), Đan Mạch : 250, Canada : 400, Úc : 400, Hoa Kỳ khoảng 2.000, đông nhất là tại Malaysia : hơn 10.000. Những người Chăm di tản chỉ sinh hoạt riêng với nhau, không giao thiệp với người Việt di tản. Người Kampuchia gốc Chăm thường tỏ ra quá khích trong việc bài xích Việt Nam và vẫn tiếp tục xúi giục thành lập vương quốc Champa.

Nguyễn Văn Huy

Con Đường Tri Thức Của Tôi

Isaiah Berlin

(© 1998, The Isaiah Berlin Literary Trust and Henry Hardy)

Lời người dịch : Sau đây là bài thứ hai của Ông Isaiah Berlin trong quyển "The First and The Last" của nhà xuất bản Granta Books. Công trình của ông được tóm gọn trong bài tham luận này.

Đa nguyên chiếm một vị trí quan trọng ở cuối phần luận lý của ông. Xin mượn lời giới thiệu sau đây của ông Henry Hardy để giải thích :

"Tháng 2 năm 1996, khi 87 tuổi, Isaiah Berlin đã nhận một lá thư của Ouyang Kang, giáo sư Triết tại Đại Học Wuhan, Trung Quốc, mời ông viết một bài tóm lược về những tư tưởng của ông để chuyển ngữ sang tiếng Trung Hoa và lưu trữ trong một bộ sách nhằm mục đích giới thiệu môn triết học Anh-Mỹ cận đại cho các triết gia và sinh viên nghiên cứu triết của Trung Quốc.

"Ông Berlin không còn viết một bài nào có chất lượng kể từ năm 1988, khi tuyên ngôn tri thức của ông, "On the Pursuit of the Ideal" ("Theo đuổi một lý tưởng") được đăng trên The New York Review (một bài viết cảm ơn phần thưởng giải nhất Agnelli Prize cho những đóng góp của ông về vấn đề đạo lý nhân luân). Mặc dù trí tuệ của ông không hề giảm sút, và ông vẫn tiếp tục viết một số những sáng tác ngắn, nhưng quả thật ông đã gác bút sáng tác. Đó có lẽ là

một điều hiển nhiên - bởi vì xét cho cùng đã quá đủ cho số tuổi tám mươi của ông.

"Tuy nhiên dự án của giới trí thức Trung Quốc đã kích động óc sáng tác của ông : ông ghi nhận khối độc giả này là quan trọng, và cảm thấy có bổn phận phải trình bày cho họ. Ông nói với người giáo sư đó rằng ông sẽ cố gắng viết một ít dòng. Với duy nhất một trang giấy có ghi chú trước mặt, ông đọc một đoạn đầu vào máy ghi âm nhỏ. Khi chấp thuận bản in ghi chép lại của tôi, ông thêm vào đó một vài điểm và một vài sửa đổi cuối cùng. Với tính chán ghét cố hữu của mình khi duyệt lại bài vở, ông nói rằng ông không muốn nhìn lại bài của ông. Đây là bài tham luận cuối cùng mà ông viết.

"Những người cộng tác để thành lập tập biên khảo này được Isaiah Berlin yêu cầu nên hướng dẫn những độc giả muốn nghiên cứu thêm về các công trình của ông tìm đọc hai bài tham khảo : bài được giải Agnelli Prize và "Thời cực thịnh của ý lực lãng mạn" (The Apotheosis of the Romantic Will), 1975. Cả hai bài này có thể tìm thấy trong bộ sưu tập 1990 của ông, The Crooked Timber of Humanity (Bản mộc tội tệ của Nhân loại), do Princeton University Press tái bản năm 1998".

1. Khuynh hướng triết tại Oxford trước đệ nhị thế chiến

Tôi bắt đầu chú tâm đến những lãnh vực triết học khi tôi còn là sinh viên tại Oxford vào cuối thập niên 1920 và đầu thập niên 1930, vì môn triết học là một xu hướng của rất đông sinh viên vào thời đó. Nhờ chuyên cần liên tục bộ môn này, năm 1932 tôi được bổ nhiệm giảng dạy môn triết học. Và quan điểm của tôi vào thời đó đương nhiên là bị ảnh hưởng của những cuộc tranh luận mà các bạn đồng môn nghiên cứu triết cùng thời đưa ra. Có rất nhiều lãnh vực khác trong bộ môn triết học. Nhưng những tiêu đề, mà các bạn đồng nghiệp và tôi tập trung vào, liên quan đến những hệ lụy của sự trở lại của thực nghiệm luận, đã bắt đầu ngự trị trên khuynh hướng triết của Anh Quốc trước Đệ Nhất Thế Chiến, phần lớn do ảnh hưởng của hai triết gia nổi danh tại Cambridge, G.E. Moore và Bertrand Russell.

Kiểm chứng luận

Đề mục đầu tiên mà chúng tôi chú tâm đến vào giữa và cuối những thập niên 1930 là bản chất của ý nghĩa - mối liên hệ của nó với sự thật và sai lạc, hiểu biết và định kiến, và đặc biệt là việc chứng nghiệm ý nghĩa trong phạm vi kiểm nghiệm những mệnh đề đã được diễn giải. Động lực khiến mọi người chú ý đề mục này phát xuất từ các môn sinh của Học phái Vienna, đồng thời là đệ tử của Russell và cũng chịu ảnh hưởng nặng nề của các nhà tư tưởng như Carnap, Wittgenstein và Schlick. Quan điểm thời thượng

lúc đó cho rằng ý nghĩa của một mệnh đề tùy thuộc vào mệnh đề đó có được kiểm chứng hay không - nghĩa là nếu không có phương cách để kiểm chứng những gì đã được phát biểu thì đó không phải là mệnh đề hàm chứa sự thật hay sự sai lạc, không hiện thực, và vì vậy nó không có nghĩa lý gì. Cũng có một vài cách sử dụng khác của ngôn ngữ, chẳng hạn trong trường hợp ra lệnh hoặc diễn tả ý muốn, hoặc trong văn chương tượng hình, hoặc trong những hình thức diễn tả khác, mà không nhất thiết tùy thuộc vào sự thật đã được kiểm nghiệm.

Tôi bị ảnh hưởng của học phái này vì những vấn đề và những lý thuyết phát xuất từ phái này thu hút tôi. Nhưng chưa bao giờ tôi trở nên một môn đệ đích thực của phái này. Tôi luôn tâm niệm rằng những mệnh đề có thể đúng, có thể sai hoặc khả tín hoặc đáng nghi hoặc đáng chú ý. Đồng thời trên thực tế những mệnh đề này có tương quan đến thế giới mà chúng ta nhận thức qua phương pháp thực nghiệm (và từ đó cho đến ngày hôm nay, tôi chưa bao giờ nhận thức thế giới qua một phương pháp nào khác). Tuy nhiên những mệnh đề này không nhất thiết cần phải được kiểm chứng bởi một số tiêu chuẩn cố định đơn thuần, như Học phái Vienna và những môn sinh thuần lý chuyên cần đã từng xác quyết. Ngay từ ban đầu tôi cảm nhận rằng những mệnh đề tổng quát không thể nào kiểm chứng được theo phương pháp này. Những mệnh đề, được phát biểu trong môi trường bình thường hoặc trong môi trường khoa học vạn vật (đây là môi trường lý tưởng của Học phái

Vienna), có thể mang ý nghĩa một cách toàn vẹn mà không cần phải được triệt để kiểm chứng. Ví dụ tôi nói "Tất cả những con thiên nga đều trắng". Tôi sẽ không bao giờ biết hết tất cả những con thiên nga hiện hữu dù tôi xác quyết điều này. Vả lại dù con số những con thiên nga không thể vô tận - một con thiên nga đen lẽ đương nhiên phản bác lối tổng quát hóa này - nhưng việc kiểm chứng đích thực theo luận lý toàn bộ đối với tôi không thể nào thực hiện được. Vì vậy sẽ vô lý khi nói rằng điều này không có ý nghĩa gì cả. Sự kiện tương tự cũng được chứng nghiệm với những mệnh đề giả định, và còn cao hơn một bậc là mệnh đề giả định chưa hoàn tất. Thật là mâu thuẫn khi nhất quyết cho rằng chúng có thể được chứng minh là đúng hay sai.

Tôi nghĩ đến một số lượng to lớn những mệnh đề khác cũng vào loại này. Chúng có ý nghĩa hẫng hời theo như ý nghĩa trọn vẹn của từ ngữ. Nhưng ý nghĩa này vượt ra khỏi tiêu chuẩn hẹp hòi đã được ấn định, tiêu chuẩn của việc quan sát trực tiếp thực nghiệm - thế giới của giác quan. Do đó, mặc dù tôi đóng góp khá tích cực trong những cuộc thảo luận này nhưng dù sao đi nữa tôi vẫn là một người dị phái, mặc dù là một người dị phái thân thiện. (Nói cho đúng, nhóm mà tôi tích cực tham gia thảo luận này được gọi là Khuynh hướng Triết Oxford. Nhóm này khởi sự từ những nhóm thảo luận của tôi vào buổi tối. Trong những cuộc nhóm họp này có sự hiện diện của những triết gia nổi tiếng sau này như A.J. Ayer, J.L. Austin và Stuart Hampshire. Tất cả đều chịu ảnh hưởng của học phái thực nghiệm Oxford (Oxford empiricism), và trong một chừng mực nào đó cả của học phái thực tế luận Oxford (Oxford realism) - nghĩa là họ tin rằng thế giới bên ngoài độc lập với những con người quan sát. Tôi chưa bao giờ rời bỏ những quan điểm mà tôi vẫn giữ vào thời đó, và cho đến nay tôi vẫn tin rằng cho dù kinh nghiệm thực tiễn là tất cả những gì từ ngữ có thể diễn tả - và không thể có một thực tế nào khác - thì việc kiểm chứng không phải là tiêu chuẩn duy nhất, hay là thích đáng nhất để hiểu biết hoặc để tin tưởng hoặc để đặt giả thuyết. Điều này đã được định vị trong tâm trí của tôi cho đến tận cuộc đời của tôi, và đã tô nhuộm tất cả những gì tôi đã tư duy.

Một tiêu đề khác mà tôi muốn các đồng nghiệp trẻ của tôi chú ý là vị thế của những mệnh đề như là "Màu hồng (ánh hồng) này gần giống màu đỏ son này hơn là giống với màu đen này". Chúng ta có thể tổng quát hóa - vì rõ ràng đây là một sự thật mà không một sự kiểm nghiệm nào có thể từ khước - mối tương quan giữa những màu sắc mà mắt người cảm nhận được đã được xác định. Nhưng đồng thời mệnh đề tổng quát này không thể được coi như là tiền nghiệm vì nó không phát xuất một cách chính thức từ bất cứ một định nghĩa nào. Và vì vậy nó không nằm trong phạm vi những bộ môn khoa học thuần lý chính thức nào hoặc môn toán học nào, trong đó chỉ hàm chứa những mệnh đề tiền nghiệm mà vào lúc đó được xem là những mệnh đề tự nó đã là thật. Như vậy chúng ta đã tìm thấy một sự thật có tính cách hoàn vũ trong phạm vi của thế giới thực nghiệm. Định nghĩa của "hồng", của "đỏ son", của những màu khác là gì? Chúng không có định nghĩa. Màu

sắc chỉ có thể nhận biết bằng nhãn quan. Như vậy những câu định nghĩa chúng được xếp vào loại phổ diễn. Và từ những định nghĩa như vậy không có một tiếp diễn thuần lý nào cả. Điều này đưa chúng ta đến gần vấn đề xưa kia của Kant, vấn đề những mệnh đề tiền nghiệm giả định. Và chúng tôi thảo luận vấn đề này và những vấn đề tương tự trong rất nhiều tháng. Tôi đoán quyết rằng mệnh đề của tôi - nếu không là một mệnh đề triệt để tiền nghiệm - tự nó đã là thật vì điều trái nghịch lại nó không thể hiểu được. Các bạn đồng nghiệp của tôi có khơi dậy lại vấn đề này nữa hay không tôi không được biết. Nhưng tiêu đề này được chính thức đưa ra trong những cuộc thảo luận của chúng tôi vào thời đó. Nó phù hợp với quan điểm của Russell được ghi trong một tác phẩm tựa là *The Limits of Empiricism* (Những Giới Hạn của Thực Nghiệm Luận).

Hiện tượng luận

Một tiêu đề quan trọng khác mà các vị đồng nghiệp cùng thời với tôi đem ra thảo luận là hiện tượng luận - nghĩa là xem xét kinh nghiệm của con người có bị thu vén vào ngũ giác quan, như các triết gia Anh Berkeley và Hume đã dạy bảo (và trong một vài bút tích của họ được Mill và Russell ghi lại), hay là có một thực tế độc lập với kinh nghiệm của giác quan. Đối với một số triết gia, như Locke và các môn sinh, thực tế này hiện hữu - mặc dù chúng ta không trực tiếp cảm nhận điều này - một thực tế có tác động đến kinh nghiệm của giác quan. Và giác quan là điều duy nhất mà chúng ta trực tiếp hiểu biết. Các triết gia khác cho rằng thế giới bên ngoài là một thực tế vật chất mà chúng ta có thể trực tiếp cảm nhận hoặc cảm nhận một cách sai lạc tùy theo trường hợp: quan điểm này được gọi là thực tế luận. Nó đối nghịch với quan điểm cho rằng thế giới của chúng ta được tạo dựng hoàn toàn do năng khiếu của con người - lý trí, óc tưởng tượng và những điều tương tự. Phương pháp luận này được gọi là lý tưởng luận, một điều mà tôi không bao giờ tin vào. Tôi chưa bao giờ tin vào bất cứ chân lý siêu hình nào, dù là những chân lý có tính cách thuần lý, như đã được Descartes, Spinoza, Leibniz khai triển, và đã được Kant khai triển trong một kiểu mẫu đặc biệt hoàn toàn khác, hoặc là những chân lý của lý tưởng luận (khách quan) mà cha đẻ là Fichte, Friedrich Schelling và Hegel, mà cho đến nay họ vẫn còn đệ tử. Như vậy ý nghĩa, chân lý, và bản chất của thế giới bên ngoài là những tiêu đề mà tôi hằng liên tưởng tới và trong một chừng mực nào đó tôi viết ra - và một vài quan điểm của tôi về những tiêu đề này đã được ấn hành (1).

Một trong những hiện tượng tri thức đã gây một ấn tượng sâu đậm nơi tôi là việc nghiên cứu tính phổ cập hoàn vũ để tìm ra xác quyết tuyệt đối, tìm ra những câu trả lời bất khả nghi vấn, để tìm một sự an toàn tuyệt đối cho tâm trí. Ngay từ ban đầu, điều này đối với tôi là một việc tầm cứu hão huyền. Cho dù một kết luận hoặc một bằng cứ trực tiếp có căn bản vững chắc, được phổ cập, vô phương tránh thoát, và có "hiển nhiên" đi nữa, ta luôn có thể nhận thức có một điều gì đó có thể làm thay đổi hoặc cố nhiên làm đảo lộn kết luận đó, mặc dù ngay lúc ấy ta không thể

mường tượng ra đó là điều gì. Và tinh thần hoài nghi này - cho rằng một phần lớn bộ môn triết học được định hướng trên một con đường ảo tưởng - sau này đã chế ngự những cơ sở tư tưởng của tôi trên một bình diện khá mới và khác biệt.

Giữa lúc tôi đang lo giảng dạy và thảo luận loại triết học mà tôi đã phác họa, tôi được ủy nhiệm để viết về tiểu sử của Karl Marx. Những quan điểm triết của Marx đối với tôi chưa bao giờ là đặc biệt nổi bật hoặc đáng chú ý. Nhưng việc nghiên cứu quan điểm của ông dẫn đưa tôi tới việc tra cứu những triết gia tiên phong đi trước Marx, đặc biệt là những triết gia (nguyên văn : *philosophes*) Pháp của thế kỷ thứ 18 - những đối thủ đầu tiên có tổ chức chống lại tinh thần giáo điều, tinh thần truyền thống, tôn giáo, lòng mê tín dị đoan, sự ngu muội, sự đàn áp. Tôi thần phục trách vụ to lớn mà các nhà tư tưởng của học giới *Bách Khoa* (nguyên văn : *Encyclopédie*) đã tự ý thi hành, và công trình to lớn mà họ đã làm để giải thoát con người ra khỏi tăm tối - của giáo quyền, của siêu hình học, của chính trị và những lãnh vực đại loại như vậy. Mặc dù kết cuộc tôi không đồng ý với một vài cốt lõi tư tưởng căn bản của họ nhưng tôi không bao giờ đánh mất lòng kính phục và tinh thần liên đới của tôi đối với Thời Bùng Sáng đó. Ngoài quan điểm thiên cận trong thực nghiệm luận của họ - điều mà tôi bình phẩm là một vài hệ quả của nó, cả về phương pháp luận lý và xã hội - tôi còn khám phá ra rằng học thuyết của Marx, và của những đệ tử của ông một phần phát xuất từ những xác quyết của Thời Bùng Sáng của thế kỷ thứ 18.

2. Lịch sử các tư tưởng và lý thuyết chính trị

Trong thời kỳ chiến tranh tôi làm việc với tư cách một công chức của Anh quốc. Khi tôi trở về lại Oxford để giảng dạy môn triết, tôi ưu tư đến hai vấn đề trọng tâm. Điều thứ nhất là nhất nguyên luận - luận án trọng điểm của triết học Tây Phương từ Plato cho đến ngày nay - và điều thứ hai là ý nghĩa và việc áp dụng của ý niệm tự do. Tôi cố gắng hiến rất nhiều thời gian cho mỗi đề luận. Và chúng đã uốn nắn tư tưởng của tôi trong nhiều năm dài sau này.

Nhất nguyên luận

Say mê vì những thành công ngoạn mục của ngành khoa học vạn vật ngay trong thế kỷ của họ và của những vị tiên phong, những người như Helvetius, Holbach, d'Alembert, Condillac, và những nhà truyền thông đại chúng thiên tài như Voltaire và Rousseau, tin rằng nếu khám phá ra một phương pháp thích hợp thì có thể phát hiện được căn bản chân lý trong lãnh vực xã hội, chính trị, đạo đức, và đời sống cá nhân - loại chân lý đã đạt được nhiều thành quả vẻ vang trong những công trình tra cứu thế giới bên ngoài. Nhóm Bách Khoa tin tưởng chỉ có phương pháp khoa học là chìa khóa duy nhất để đạt đến sự hiểu biết trên. Rousseau và một số người khác tin tưởng vào những chân lý vĩnh cửu được mặc khải do những quan sát nội tâm. Nhưng cho dù họ khác nhau, họ thuộc vào một thể

hệ có tinh thần đoan quyết rằng họ đang trên con đường tìm kiếm ra giải đáp cho những vấn đề đã làm phiền toái nhân loại ngay từ thuở sơ khai.

Có một luận đề phổ cập hơn. Đó là nguyên do của xác tín này : để giải đáp cho tất cả những câu hỏi chân thực thì luôn có một câu trả lời chân thực và chỉ có một mà thôi, tất cả những câu trả lời khác đều sai bằng không thì những câu hỏi này không thể nào là những câu hỏi chân thực. Phải có một con đường dẫn hướng chỉ lối cho những nhà tư tưởng sáng suốt tìm ra những câu trả lời thích ứng trong môi trường đạo đức, xã hội và chính trị cũng như trong phạm vi khoa học vạn vật, cho dù sử dụng cùng một phương pháp hay không. Và khi tất cả những câu trả lời đích xác cho những câu hỏi có chiều sâu nhất về đạo đức, về xã hội và chính trị chi phối (hoặc sẽ chi phối) nhân loại được gom góp lại, sẽ có kết quả đại biểu cho lời giải đáp rốt ráo cho tất cả những vấn nạn của cuộc sống. Lẽ cố nhiên, chúng ta có lẽ sẽ chẳng bao giờ đạt đến những lời giải đáp đó. Bởi vì nhân thế có lẽ quá rối rắm vì những cảm tính của mình, hoặc quá ngu xuẩn, hoặc thiếu may mắn để có thể tìm ra những giải đáp hoặc những câu hỏi có lẽ quá khó, phương tiện có lẽ thiếu thốn, kỹ thuật quá phức tạp để tìm ra. Nhưng dù thế nào đi nữa, nếu các câu hỏi chân thực được đặt ra, những lời giải đáp chắc chắn phải có. Nếu chúng ta không biết, có lẽ con cháu chúng ta sẽ biết. Hoặc có thể những vị tiên hiền thời thượng cổ biết. Và nếu họ không biết, có thể ông Adam (A-dong) ở trên Thiên Đàng biết. Hoặc nếu ông không biết thì các thiên thần phải biết. Và nếu các thiên thần không biết, Thượng Đế phải biết những lời giải đáp phải nằm nơi đó.

Một khi khám phá được những giải đáp cho những vấn đề xã hội, đạo đức và chính trị thì, do bản chất của con người - chân lý, con người không thể nào không theo, vì họ không có chiều hướng làm khác đi. Và như vậy một cuộc sống toàn hảo có thể được mường tượng. Thế giới này có thể không đạt đến được, nhưng trên nguyên tắc ý niệm này có thể tạo dựng được. Khả năng khám phá những lời giải đáp duy nhất chân thực cho những câu hỏi cao xa, trên nguyên tắc, đáng được tin cậy.

Lòng tin cậy này chắc chắn không giới hạn nơi các nhà tư tưởng của Thời Bùng Sáng, mà còn ở nơi những nhà tư tưởng khác mặc dù phương pháp đề nghị của họ có phần khác biệt. Plato tin tưởng khoa toán học là con đường đi đến chân lý. Aristote có thể cho là sinh vật học. Người Do-thái và tín đồ Ki-tô-giáo tìm lời giải đáp trong những sách thánh, chiếu theo những lời giảng dạy của các bậc thầy được ơn trên soi sáng và dựa theo viễn kiến của các huyền sư. Những người khác tin rằng những phương pháp trong phòng thí nghiệm và phương pháp toán học có thể giải đáp một số điều. Và cũng có người khác tin, giống như Rousseau, rằng chỉ có tâm hồn vô tư của con người, đứa bé không nhiễm tội lỗi, người nông dân đơn sơ mới đạt được chân lý - hơn là những nhóm dân đông trụy của những xã hội tàn phá bởi nền văn minh. Nhưng có một điều mà mọi người đồng ý, cũng như các người kế vị của họ sau Cách Mạng Pháp - nhưng có lẽ họ nghĩ rằng chân lý khó đạt được

hơn là các vị tiền bối (2) đã ngâm thơ và lạc quan nghĩ trước đây là các định luật phát triển lịch sử có thể được / cho đến nay đã được khám phá. Và tất cả các lời giải đáp cho những câu hỏi làm thế nào để sống và làm cái gì - vấn đề đạo đức, đời sống xã hội, tổ chức chính trị, những mối liên hệ cá nhân - thì cho dù nó có thể nào đi nữa cũng có thể được sắp đặt tổ chức theo sự soi sáng của các chân lý được khám phá do những phương pháp đúng đắn.

Đây là một lưu truyền triết học (*philosophia perennis*) - những gì con người, các nhà tư tưởng, đã tin nhận kể từ thời tiền Socrate cho đến tất cả những nhà cải cách và nhà cách mạng vào thời đại của chúng ta. Đó là một xác tín trọng tâm mà tư tưởng con người đã trụ lại từ hai thiên niên kỷ nay. Vì nếu không có những giải đáp chân thực cho những câu hỏi, làm sao sự hiểu biết có thể truyền đến các tỉnh lý được? Đây là trọng điểm của luận lý và tâm linh Âu Châu đã được tư duy từ nhiều thế hệ. Cho dù con người có khác biệt nhau bao nhiêu đi nữa - dù văn hóa có khác biệt, dù quan điểm đạo đức và chính trị có khác biệt - và cho dù có một số khác biệt to lớn về tín điều, về tôn giáo, về quan điểm đạo đức, về tư tưởng thì chung quy phải có ở đâu đó một giải đáp chân thực cho những câu hỏi thâm sâu nhất đã làm nhân loại ưu tư.

Tôi không hiểu tại sao tôi luôn hoài nghi lòng xác tín hầu như phổ cập hoàn vũ này, nhưng đó là sự thực. Có thể là một vấn đề thuộc về tính khí, nhưng tính tôi là như vậy.

Giambattista Vico

Điều làm cho tôi ngạc nhiên trước tiên là việc tôi khám phá ra những tác phẩm của một nhà tư tưởng Ý-đại-lợi trong thế kỷ 18 : ông Giambattista Vico. Ông là triết gia đầu tiên, theo nhận xét của tôi, đã nhận thức được ý niệm của những nền văn hóa. Ông Vico muốn tìm hiểu bản chất của kiến thức lịch sử, của chính lịch sử : quả thật quá là tiện lợi khi ta trông cậy vào khoa học vạn vật để giải thích thế giới bên ngoài. Nhưng tất cả những gì khoa học này cung cấp cho chúng ta chỉ là một bản tường trình về thể cách của cục đá hoặc của cái bàn hoặc thể cách của những vì sao hoặc của những phân tử. Chúng ta mong hiểu biết con người sống như thế nào, và điều này có nghĩa là chúng ta mong hiểu biết những động lực, những nỗi ưu tư và niềm hy vọng, những khát vọng, lòng yêu thương và lòng thù ghét của họ - họ nguyện cầu ai, họ phô diễn như thế nào qua thi văn, qua nghệ thuật, qua tôn giáo. Chúng ta có khả năng làm được điều này vì chính chúng ta là người, và thâm hiểu cuộc sống nội tâm của chính bản thân ta trong những trạng huống đó. Chúng ta biết cục đá hoặc cái bàn phản ứng ra sao vì chúng ta biết quan sát nó và chúng ta đặt ra những ước đoán và chúng ta kiểm chứng. Nhưng chúng ta không thể biết tại sao cục đá mong được hiện hữu như nó đang hiện hữu - thực ra chúng ta nghĩ rằng nó không có khả năng để mong ước, để ý thức bất cứ điều gì. Chúng ta biết rõ tại sao chúng ta hiện hữu, những gì chúng ta tìm, những gì làm cho chúng ta ấm ức, những gì diễn tả những cảm xúc và lòng tin thầm kín nhất của chúng ta. Chúng ta hiểu biết rõ bản thân của chúng ta hơn là hiểu biết về những cục đá

hoặc những giòng nước.

Kiến thức chân chính là kiến thức hiểu biết lý do tại sao vật thể hiện hữu như đang hiện hữu, không chỉ đơn thuần chúng là cái gì. Và càng đào sâu chúng ta càng ý thức được rằng những câu hỏi do những người Hy-lạp thời Homer đặt ra khác biệt với những câu hỏi của người La-mã. Và những câu hỏi do người La-mã đặt ra khác biệt với những câu hỏi vào thời Trung Cổ Thiên Chúa Giáo hoặc vào thời kỳ văn hoá khoa học của thế kỷ thứ mười bảy hoặc vào chính thế kỷ thứ mười tám của ông Vico. Những câu hỏi khác biệt. Những lời giải đáp khác biệt. Những khát vọng khác biệt. Việc sử dụng ngôn ngữ, biểu tượng khác biệt. Và những lời giải đáp cho một loạt những câu hỏi không thể giải đáp và không thích ứng với những câu hỏi của những nền văn hoá khác. Lẽ cố nhiên ông Vico là một tín đồ Công Giáo La-mã ngoan đạo, và ông tin rằng chỉ có Giáo Hội (Công Giáo) mới có thể đưa ra những lời giải đáp. Nhưng cho dù thế nào đi nữa, việc này không cấm cản ông phát biểu ý tưởng độc đáo là những nền văn hóa khác biệt nhau. Những gì quan hệ đối với người Hy-lạp của thế kỷ thứ năm rất khác với những gì quan hệ với người Da Đỏ hoặc với người Trung Hoa hoặc với một nhà khoa học gia trong phòng thí nghiệm của thế kỷ thứ mười tám. Và do đó viễn kiến của họ khác biệt, và không thể có những giải đáp phổ cập hoàn vũ cho tất cả những câu hỏi của họ. Lẽ dĩ nhiên con người có một bản chất chung. Nếu không thì người của một thời đại này không thể nào hiểu được văn chương hay nghệ thuật của người thời đại khác hoặc, nhất là, những luật lệ của họ, mà ông Vico hiểu biết hơn hết vì chính ông là luật gia. Nhưng điều này không ngăn cấm tính cách đa dạng của nghiệm lý văn hóa. Nhờ vậy một loại sinh hoạt nào đó thích hợp với một loại sinh hoạt nào khác trong cùng một nền văn hóa, nhưng không thể nào chia sẻ những mối liên kết chặt chẽ với sinh hoạt song song của một nền văn hoá khác.

J.G. Herder

Sau đó tôi được đọc một nhà tư tưởng xác đáng hơn nữa, đó là triết gia và thi sĩ Đức Johann Gottfried Herder. Herder không phải là người đầu tiên (bậc thầy của ông là ông Johann Georg Hamann được vinh dự đó) phản bác học thuyết của các triết gia Pháp cùng thời cho rằng có những chân lý phổ cập hoàn vũ, vượt thời gian, bất khả nghi vấn, có giá trị cho tất cả mọi người, mọi nơi và mọi thời gian. Và những khác biệt xuất hiện chỉ tại vì sai lầm và ảo tưởng, bởi vì chân lý chỉ có một và phổ cập hoàn vũ - "*quod ubique, quod semper, quod ab omnibus creditum est*" (3).

Herder tin rằng văn hóa khác cung cấp lời giải đáp khác cho những câu hỏi quan trọng của họ. Ông ta chú tâm để ý đến nhân phẩm, đến đời sống tâm linh nhiều hơn là đến thế giới bên ngoài. Và ông xác quyết rằng những gì là chân lý đối với người Bồ-đào-nha (Portugal) không hẳn là chân lý đối với người Ba-tư (Perse). Ông Montesquieu đã khởi sự đề cập đến điều này. Nhưng rồi chính ông, mặc dù tin rằng con người được nhào nặn bởi môi trường, bởi cái mà ông gọi là "khí hậu", cuối cùng cũng trở thành một

nhà chủ trương phổ cập hoàn vũ tính (universalist) bởi vì ông tin rằng những chân lý đích thực luôn vĩnh cửu, cho dù những lời giải đáp cho những câu hỏi cục bộ và phù phiếm có thể khác nhau. Ông Herder minh xác rằng tất cả mọi nền văn hóa đều có "trung tâm trọng lực" của nó (4). Mỗi một nền văn hoá đều có những điểm quy chiếu của nó. Không có lý do gì mà những văn hóa này lại tìm cách đánh phá lẫn nhau. Lòng bao dung phổ cập có thể khả dĩ thể hiện. Và việc thống nhất lại là một sự tàn phá. Không gì tệ hại hơn là chủ nghĩa đế quốc. La-mã, vì đã đè bẹp các nền văn hóa bản xứ tại Tiểu Á nhằm mục đích tạo dựng một nền văn hoá La-mã đồng nhất, đã phạm một tội ác. Thế giới là một vườn hoa rộng lớn trong đó đủ thứ hoa và cây cỏ tăng trưởng, mỗi một thứ theo đường hướng của nó, mỗi một thứ có khát vọng và quyền của nó, có quá khứ và tương lai của nó. Từ đó chúng ta có thể kết luận được rằng cho dù con người có những điểm chung - và lẽ dĩ nhiên, thêm một lần nữa, có cùng một bản chất ở một mức độ nào đó - không thể có những câu giải đáp xác thực mang tính phổ cập hoàn vũ.

Ông Herder là cha đẻ của chủ nghĩa văn hóa quốc gia. Ông không phải là người theo chủ nghĩa chính trị quốc gia (loại chủ nghĩa quốc gia này không được khai triển vào thời của ông). Nhưng ông tin vào sự độc lập của những nền văn hóa và nhu cầu bảo tồn từng nền văn hóa vì tính cách duy nhất của nó. Ông tin rằng khát vọng thể nhập vào một nền văn hóa, điều tạo nên sự đoàn kết của một nhóm, của một tỉnh lý hoặc của một quốc gia, là một nhu cầu căn bản của con người. Nó sâu đậm như khát vọng muốn ăn, muốn uống, muốn tự do. Và nhu cầu này - nhu cầu thể nhập vào một cộng đồng trong đó quý vị hiểu người khác nói gì, nơi đó quý vị có thể đi lại tự do, nơi đó quý vị có những mối liên kết tình cảm cũng như liên kết kinh tế, xã hội và chính trị - là căn bản của cuộc sống phát triển và trưởng thành của con người. Ông Herder không phải là người theo học thuyết tương đối, mặc dù ông thường bị mô tả như vậy. Ông tin rằng có những mục tiêu căn bản của con người và những nguyên tắc hành xử. Nhưng chúng có những hình thái hoàn toàn khác biệt cho mỗi nền văn hóa. Và vì vậy, có thể có nhiều suy loại, nhiều đồng dạng, khiến cho một văn hóa nọ thông hiểu văn hóa kia. Nhưng những nền văn hóa không thể nào hòa nhập với nhau được. Nhân loại không phải là nhất diện mà là đa diện. Và những lời giải đáp cho những câu hỏi cũng đa dạng mặc dù có thể có một cốt lõi trọng tâm cho tất cả những giải đáp đó và chỉ là một mà thôi.

Trường phái Lãng Mạn và những hậu duệ

Ý niệm này được các vị theo học phái Lãng Mạn khai triển thêm. Họ phát kiến một điều hoàn toàn mới lạ và trái khoáy. Họ cho rằng lý tưởng không phải là những chân lý đã được ghi sẵn trên thiên đình và con người cần phải hiểu biết và sao chép, thực hiện. Nhưng những chân lý đó do con người tạo dựng. Giá trị không phải tự nhiên tìm thấy được, nhưng được xây dựng. Không phải được khám phá ra, nhưng được cấu tạo. Đây là những điều mà một vài vị theo

học phái Lãng Mạn Đức tin tưởng vững chắc. Nó trái ngược với khuynh hướng khách quan chủ nghĩa, khuynh hướng phổ cập hoàn vũ luận của học phái hồi hợt Pháp. Duy nhất tính là quan trọng. Một thi sĩ Đức trước tác một thi văn bằng tiếng Đức. Trong môi trường ngôn ngữ này, khi biên soạn, đương sự sáng tạo ở một mức độ nào : đương sự không chỉ đơn thuần là một người viết thi văn. Người nghệ sĩ Đức là người sáng tác những bức họa, những thi văn, những vũ điệu Đức. Và trong các nền văn hóa khác cũng tương tự như vậy. Một nhà tư tưởng Nga, ông Alexander Herzen, có một lần kia tự hỏi : "Bài hát ở đâu trước khi nó được hát ?" (5). Ở đâu vậy ? "Không ở đâu cả" là câu trả lời - một cá nhân sáng tạo bài hát khi hát nó, khi biên soạn ra nó. Và cũng như vậy đời sống được sáng tạo bởi những ai sống nó, từng giai đoạn một. Đây là một lối diễn giải mỹ thuật của vấn đề đạo đức và cuộc sống. Đây không phải là một việc áp dụng những khuôn mẫu muôn thuở. Sáng tạo là tất cả.

Từ nhận thức này đã nảy sinh ra đủ loại phong trào - chủ nghĩa vô cơ cấu, chủ nghĩa Lãng mạn, chủ nghĩa quốc gia, chủ nghĩa phát-xít, chủ nghĩa tôn thờ anh hùng. Tôi tự tạo cho tôi những giá trị, có thể một cách vô ý. Và mặt khác, ai là "Tôi ?". Đối với trường phái Lãng mạn của Byron, "Tôi" là một cá nhân, một kẻ ngoại biên, một kẻ phiêu lưu, một kẻ sống ngoài vòng pháp luật, kẻ muốn thách thức xã hội, chấp nhận giá trị và theo những giá trị riêng của mình - có thể đưa y đến sự hủy diệt, nhưng còn hơn là sự tòng thuận, nô lệ cho sự tồi dở. Nhưng đối với những nhà tư tưởng khác, "Tôi" trở nên một thực thể vượt qua cả siêu hình tính. Đó là một tập thể - một quốc gia, một giáo hội, một đảng, một giai cấp, một cấu trúc trong đó tôi chỉ là một viên đá, một cơ chế mà tôi chỉ là một phần tử nhỏ sinh động. Đó là đáng sáng tạo. Bản thân tôi chỉ có giá trị trong chừng mực tôi thể nhập vào phong trào, vào chủng tộc, vào quốc gia, vào giai cấp, vào giáo hội. Cá nhân đích thực của tôi không có nghĩa lý gì trong phạm vi siêu cá thể đó mà mạng sống của tôi gắn liền với nó một cách hữu cơ.

Từ đó phát sinh ra chủ nghĩa quốc gia Đức : tôi thực hiện điều này không phải vì nó đúng hay nó sai hoặc là vì tôi thích nó - tôi làm điều này vì tôi là người Đức và đây là cách sống của người Đức. Và chủ thuyết hiện sinh tân thời cũng y như vậy - tôi làm như vậy vì, tự bản thân tôi, tôi chấp nhận lối sống như vậy. Không có gì ép buộc tôi. Tôi không làm điều đó vì điều đó là một mệnh lệnh khách quan mà tôi phải tuân theo, hoặc đó là những nguyên tắc phổ cập hoàn vũ mà tôi phải tuân phục. Tôi làm điều đó vì tôi tự tạo cuộc sống của tôi. Hiện hữu như tôi hiện hữu, tôi điều khiển cuộc sống của tôi và tôi đảm nhiệm cuộc sống đó. Việc khước từ những giá trị phổ cập, tinh thần thái quá tự nhận, đứng trên hết mọi yếu tố, mình là một thành tố của một siêu bản ngã và trung thành với một siêu bản ngã này, là một giai đoạn nguy hiểm trong lịch sử Âu Châu. Và nó đã dẫn đến một sự cố quan trọng đã đem lại điều tàn và rùng rợn cho thời buổi hiện đại. Đây là đầu giây mối nợ của những nghiên ngầm và chủ thuyết chính trị của thời kỳ sơ khai học phái Lãng Mạn Đức và những

môn đệ tại Pháp và những nơi khác (6).

Tôi chưa hề bao giờ chấp nhận ý niệm về những siêu ngã này. Nhưng tôi phải công nhận tầm quan trọng của ý niệm này trong tư duy và hành động hiện đại. Những khẩu hiệu như "Không vì tôi nhưng vì Đảng", "Không vì tôi nhưng vì Giáo Hội", "Nước tôi dù phải hay trái vẫn là nước tôi" đã gây tổn thương cho lòng thâm tín của tư tưởng con người như tôi đã phác thảo những đường nét chính ở trên - lòng tin rằng chân lý có tính cách phổ cập hoàn vũ, có tính cách hằng cửu cho mọi người và ở mọi nơi. Thế nhân không phải là một món vật nhưng là một chủ thể, một thân khí luôn chuyển động, tự tạo, một vở bi kịch tự diễn qua nhiều màn. Và theo Marx, thế nhân này rốt cùng đạt đến một sự toàn hảo nào đó. Tất cả những luận điểm này đều phát xuất từ cách mạng Lãng Mạn. Cùng lúc tôi phủ nhận hoàn toàn lý giải siêu hình vĩ đại này về cuộc sống con người. Tôi vẫn là con người của thực nghiệm. Và tôi chỉ hiểu biết những gì tôi có thể cảm nhận qua kinh nghiệm, hay là tôi nghĩ rằng tôi cảm nhận. Và tôi không thể nào tin sự hiện hữu của những bản thể siêu ngã. Tuy nhiên tôi phải ghi nhận rằng vấn đề này đã tạo nên một ấn tượng nào đó trong tâm não của tôi, theo diễn cảnh sau đây.

(Còn tiếp một kỳ).

Isaiah Berlin

Nguyễn Gia Trường chuyển ngữ (Brussels)

Ghi chú của tác giả :

(1) Tham khảo sách *Concepts and Categories : Philosophical Essays* (Ý niệm và Phân loại : Tham luận Triết học), Viking, 1979.

(2) Fourier, một người tiên phong chủ trương chủ nghĩa xã hội, và Saint-Simon đều tin tưởng vào một xã hội có mô hình tổ chức khoa học. Đối với Saint-Simon, xã hội này được lãnh đạo bởi các chuyên viên ngân hàng và các nhà khoa học, và được thúc đẩy bởi các nghệ sĩ và các nhà thơ. Những người kế vị của họ là đảng viên xã hội Pháp, như là Cabet, Pecqueur, Louis Blanc, và tên khùng bố Blanqui và cuối cùng là Marx và Engels cùng những môn sinh.

(3) "Những điều được mọi người luôn tin ở mọi nơi", (Vincent of Lérins, *Commonitorium* 2.3.).

(4) Herders, *Sämmlliche Werke*, do Bernhard Suphan xuất bản, Berlin, 1877-1913, Vol. 5, tr. 509.

(5) Xem A .I. Gersten, *Sobranie sochinenii v tridsati tomakh*, Moscov, 1954-1966, Vol. 6, tr. 33 và 335.

(6) Học phái Lãng Mạn nhận định rằng ý niệm về những trung tâm tự vận hành của sinh hoạt lịch sử, tiến hành theo nhịp độ vận chuyển của chính nó. Ý niệm này hoàn toàn khách quan. Đây là những bản thể tự quyết - dù đó là những biểu tượng kiểu Byron, có tính quỷ quái khai chiến với xã hội, hay là những anh hùng quy tụ xung quanh mình những nhóm môn đệ (bọn trộm cướp, trong vở kịch của Schiller) hoặc là cả nước (Lycurgus, Mũi-se, những vị khai lập quốc mà Machiavelli ngưỡng mộ vô cùng và đối với ông chắc chắn có những tương ứng với thế giới hiện đại) - được tự tạo để thích hợp với những khuôn mẫu tạo

dựng một cách tự do. Quan điểm này hoàn toàn trái ngược với quan điểm của các nhà tư tưởng như Hegel và Marx. Vì những vị này dạy rằng - mỗi người theo kiểu của mình - tiến bộ phải phù hợp với những nguyên tắc sắt thép của phát triển lịch sử - cho dù là phát triển về vật chất đối với Marx, hay là phát triển về tinh thần đối với Hegel. Chỉ với điều kiện này, việc khai phóng những năng lực của con người để thoát khỏi những khuynh hướng vô luận lý tính mới được thực hiện. Và một thể chế được xây dựng trên sự công bằng toàn diện, trên tự do, trên đạo đức, trên hạnh phúc và trên sự tự phát hài hoà. Ý niệm về bước tiến không thể suy xuyển này thừa hưởng của truyền thống Do-thái và Ky-tô-giáo nhưng đã vứt bỏ đi những ý niệm về ý lực của đảng linh thiêng đã được ghi khắc hoặc là Ngày Phán Xét Cuối Cùng của nhân loại - việc phân loại giữa những con chiên ngoan và những con dê ghê - được thực hiện sau khi chết.

Thành công Thế kỷ 21

Dự án chính trị dân chủ đa nguyên 2001

của

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Tài liệu này là một dự án xã hội, một lập trường dựng nước, một chương trình hành động và là một lời kêu gọi. Nó cũng chứa đựng một giấc mơ Việt Nam mà trên thêm thế kỷ 21 Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên muốn chia sẻ với đồng bào trong và ngoài nước.

" Nước Việt Nam sẽ là một nước lớn.

Làm người Việt Nam trong thế kỷ 20 đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong thế kỷ 21 sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hạnh diện.

Thế giới đã biết đến Việt Nam như là nạn nhân của hận thù và chia rẽ, của óe đốe quyền lực phải thì thế giới sẽ phải biết đến Việt Nam sau này như là vùng đất của sự bao dung, như là một mẫu mực thành công của tình anh em tìm lại, của sự hồi sinh từ hoang tàn và đổ nát".

Tài liệu dày 143 trang, bìa màu.

Giá bán (đã tính cước phí bưu điện) tại Châu Âu :
10 EUR, Mỹ : 10 USD, Úc : 15AUD.

Chi phiếu xin đề : **Vietnam Fraternité** và gửi về
tòa soạn : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau,
77600 Bussy-Saint-Georges -France.

TẶNG GIÁ BÁO

Do bưu phí gửi báo tại Pháp tăng, ban biên tập xin thông báo cùng quý độc giả giá báo Thông Luận được tăng lên kể từ số 173 tháng 9-2003 là **35 EUROS/NĂM** (thay vì 33 euros như trước). Giá báo Thông Luận ngoài Châu Âu là **45 USD/NĂM**. Các nơi khác : Canada 55 CAD/năm, Úc 65 AUD/năm.

Ôài suy nghĩ

VỀ ĐÔI LẬP DÂN CHỦ VIỆT NAM

Cuộc đấu tranh vì chính nghĩa cho một nước Việt Nam có dân chủ, đa nguyên, đa đảng đã trải qua một quá trình dài gần 30 năm. Về cái được cũng đã có nhiều thành công, đặc biệt là trong thời gian gần đây, cùng với phong trào đấu tranh của những nhà dân chủ trong nước lên cao, những người Việt Nam ở hải ngoại đã kịp thời tiếp sức cho họ như: chia sẻ và đăng tải các thông tin mà họ cung cấp, cổ vũ, động viên tinh thần... đặc biệt là theo dõi tình hình của họ và kịp thời thông báo hoàn cảnh bị giam cầm, tù tội một cách dã man và tùy tiện của chính quyền cho đồng bào Việt Nam ở khắp nơi trên thế giới được biết, cũng như cộng đồng quốc tế để họ có biện pháp bảo vệ cần thiết.

Cái chưa được của chúng ta là: vẫn chưa đoàn kết, sự đấu tranh còn rời rạc và lẻ tẻ... mục tiêu thì chỉ có một nhưng phân tán, mỗi người mỗi kiểu, chúng ta chưa có được một đối trọng thật sự để đương đầu với cộng sản. Điều này cũng dễ hiểu thôi vì người Việt Nam hải ngoại sống rải rác khắp nơi trên thế giới, trong các nước dân chủ, giàu có... họ tự do và có thu nhập ổn định. Cho nên đa số có thành lập đảng này, đảng nọ... nhiều khi cũng để nói, đả kích lẫn nhau cho hả giận mà thôi. Chứ để vạch ra đường đi nước bước cho tương lai thì vẫn không có! Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta đã đứng về phía cộng sản, chúng ta vẫn coi cộng sản là không đội trời chung. Chúng ta vẫn là người Việt, Việt Nam mãi mãi vẫn là quê hương yêu dấu của tất cả chúng ta... Vì vậy đã đến lúc **tất cả chúng ta cần ngồi lại với nhau** vì một mục tiêu chung, vì một nước Việt Nam **dân chủ và tự do** thật sự. Chúng ta hãy tạm thời gác qua một bên tất cả những hiềm khích, bất đồng nhỏ... Mỗi một khi chúng ta có được tự do dân chủ thật sự, khi đó nếu có khả năng chúng ta sẽ tách ra, mỗi đảng sẽ có một con đường riêng, tư tưởng riêng... và thông qua lá phiếu người dân sẽ đặt cho mỗi người, mỗi đảng.. một chỗ đứng thích hợp.

Đã đến lúc chúng ta cần đoàn kết một lòng, chúng ta nên tổ chức một đại hội lớn gồm tất cả những người đấu tranh cho dân chủ trên toàn thế giới, tất cả các đảng phái chính trị... Chúng ta hãy tổ chức và thống nhất lại thành một vài đảng lớn mà thôi, khoảng từ hai, đến ba đảng là vừa. Khi đó chúng ta mới có được danh chính ngôn thuận, mới có sự thống nhất từ trên xuống dưới. Cùng với sự hình thành của các đảng lớn chúng ta hãy sáng suốt lựa chọn cho mình một thủ lĩnh, một lãnh tụ. Một khi đã có rồi thì chúng ta hãy tin tưởng ở họ, nghe theo lời của họ (chúng ta không nhất thiết phải ca tụng, thêu dệt họ như hình tượng Hồ Chí Minh, nhưng chúng ta phải kính trọng và nghe theo họ, tin tưởng vào họ) có thể chúng ta mới tạo được uy tín và thuyết phục được mọi người trong cũng như ngoài nước. Chúng ta phải lấy lại uy tín cho những hành động cao cả.

Điều này không phải dễ nhưng cũng không khó đến mức không làm được, chất keo để kết dính tất cả chúng ta là vì **một nước Việt Nam dân chủ và tự do**, và tất cả

những gì chúng ta đang làm là **để cho tương lai** chứ không phải vì quá khứ. Cộng đồng người Việt đông đảo và hùng mạnh nhất ở hải ngoại là cộng đồng người Việt ở Mỹ nhưng chính họ cũng là chia rẽ nhất! Chúng ta phải khắc phục điểm này, chúng ta hiểu rằng cộng đồng người Việt ở Mỹ chịu nhiều đau thương nhất do cộng sản gây ra. Nhưng chẳng lẽ chúng ta cứ mãi mãi hận thù nhau hay sao? Chỉ có hận thù thì có giải quyết được gì không? Vừa rồi tôi có nghe BBC phỏng vấn Nguyễn Cao Kỳ và tôi tin rằng ông ta nói thật lòng mình, ông kêu gọi mọi người Việt Nam từ cả hai phía hãy bỏ qua quá khứ để nhìn về tương lai. Ông nói rất đúng **tất cả chúng ta đều là con là anh em trong một nhà**, cho dù có giận hờn đến bao nhiêu đi nữa rồi cũng đến lúc phải hóa giải, để bắt tay nhau. Chúng ta là anh em trong một nhà, làm sao mà bỏ nhau được? Trừ khi chúng ta không còn mang trong mình dòng máu Việt Nam, Việt Nam không còn là quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn nhau nữa. Tôi biết nhiều người ở Mỹ sẽ trút giận lên đầu ông! Tôi thì tin ông nói thật lòng với tất cả trách nhiệm của mình đối với quê hương, đất nước. Nguyễn Cao Kỳ đã trải qua bao nhiêu thăng trầm của một đời người, từng ngồi trên đỉnh cao của quyền lực rồi từng phải bỏ chạy như những người thua cuộc... Bây giờ là một ông già hơn 70 tuổi, ham muốn gì nữa, chính trị, chính em gì nữa. Ông nói từ trái tim, từ đáy lòng, từ bản phận và trách nhiệm của người công dân. Ông là người dũng cảm khi nói ra những điều này, vì như ông giải thích ông là người lính mà người lính ở bất cứ chế độ nào cũng cao thượng và dũng cảm cả. Họ bắn giết nhau xong họ cũng có thể ngồi lại với nhau, bắt tay nhau... Đúng thế, chỉ có những kẻ cơ hội và ác độc mới khư khư giữ lấy ý kiến của mình dù rằng biết là vô lý và lạc hậu.

Thế giới đang thay đổi một cách nhanh chóng, chúng ta không thể chờ đợi được nữa, thế kỉ 21 rồi mà người Việt Nam vẫn còn sống cơ cực như thế kỉ 19, nhiều cái chúng ta còn thua cả thời Pháp thuộc! Tại vì sao? Chúng ta có mục đích nhưng chưa có người dẫn đường, người chỉ huy... chúng ta phải thống nhất lại và bầu ra thủ lĩnh, phải hết lòng phù trợ cho mình chủ.

Về tư tưởng chúng ta đã có dự án Thành Công Thế Kỷ 21, đây là cương lĩnh, là kim chỉ nam cho tất cả chúng ta. Bởi tư tưởng của dự án trong sáng, tôn trọng tuyệt đối mọi quyền lợi của con người, tất cả mọi người quan tâm đến chính trị nên đọc kĩ dự án này trên web sai của báo *Thông Luận* (www.thongluan.org).

Về tổ chức chúng ta nên chọn Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, vì đây là một tổ chức tập hợp được rất nhiều nhà trí thức lớn trong và ngoài nước, hành động chín chắn và có bài bản. Là một địa chỉ tin cậy của các nhà dân chủ trong nước, để họ gửi gắm và hy vọng

Đã đến lúc chúng ta cần bầu ra một lãnh tụ tối cao, bằng một sự nhất trí đầy thuyết phục của tất cả các thành viên của lực lượng dân chủ.

Thời gian không chờ đợi chúng ta. Chúng ta hãy nhanh lên kéo chậm.

Uông Toàn Phong (Mátcôva, tháng 9-2003)

Đức

đòi ghế thường trực trong Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc

Đại Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc khai mạc cuối tháng 9 vừa qua đã là dịp để Pháp một lần nữa đả kích cuộc tấn công của liên quân Anh Mỹ vào Iraq. Tuy không đặt lại vấn đề chính đáng hay không của cuộc tiến công này, tổng thống Pháp Jacques Chirac đã một lần nữa nhắc lại rằng Liên Hiệp Quốc là định chế duy nhất có đủ thẩm quyền để lấy những quyết định nghiêm trọng như thế. Pháp cũng đòi cho Liên Hiệp Quốc một "vai trò quan trọng hàng đầu" trong tiến trình bình thường hóa Iraq. Điểm hòa hoãn duy nhất của Pháp là Pháp hứa sẽ không biểu quyết chống nghị quyết mà Hoa Kỳ đưa ra về Iraq.

Tổng thống Nga, Vladimir Putin, cũng đả kích quyết định tấn công Iraq của Anh và Mỹ, bất chấp Liên Hiệp Quốc. Cũng một lập trường với Pháp và Nga, nhưng một cách ôn hòa hơn, thủ tướng Đức, Gerhard Schroder tuyên bố Đức sẽ yểm trợ về mặt kỹ thuật và kinh tế cho cố gắng tái thiết. Đức cũng đòi một vai trò quan trọng cho Liên Hiệp Quốc tại Iraq và đồng thời lên tiếng mong đợi một "vai trò quan trọng hơn cho Đức" trong Liên Hiệp Quốc. Nói một cách khác, một ghế thường trực trong Hội Đồng Bảo An. Đây là lần đầu tiên Đức đưa ra đòi hỏi này.

Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc hiện có năm thành viên thường trực : Mỹ, Anh, Nga, Trung Quốc và Pháp. Đây là một sắp xếp theo kết quả của Thế chiến II. Càng ngày càng có những tiếng nói yêu cầu cải tổ lại cơ cấu của Liên Hiệp Quốc và Hội Đồng Bảo An để dành một chỗ quan trọng hơn cho Nhật, Đức và Ấn Độ.

Điểm quan trọng nhất trong đại hội lần này là Mỹ đưa ra một dự thảo nghị quyết về Iraq, theo đó việc tái thiết Iraq được đặt dưới danh hiệu Liên Hiệp Quốc mặc dầu Mỹ vẫn giữ vai trò lãnh đạo. Có lẽ nghị quyết sẽ được thông qua nhưng sẽ không đem lại lợi ích cụ thể nào cho Mỹ bởi vì điều Mỹ muốn là các nước Châu Âu đóng góp về mặt quân sự và kinh tế, trong khi hầu hết các nước Châu Âu từ chối gửi quân đội và Liên Hiệp Châu Âu cho biết chỉ có thể đóng góp 200 triệu USD trong tổng số 87 tỷ USD mà Mỹ cần.

Việt Nam

GỬI QUÂN BẢO VỆ CHẾ ĐỘ N'GUESSO

Tin từ chính phủ lưu vong của cựu tổng thống Congo, Lissouba, cho hay là Việt Nam đã gửi một số huấn luyện viên quân sự sang Brazzaville để huấn luyện cho quân đội của chế độ N'Guesso. Tuy gọi là "huấn luyện viên" nhưng

thực ra là một đạo quân bởi vì tại Congo một đạo quân tinh nhuệ khoảng 100 người có đủ khả năng để bảo vệ hay lật đổ một chính phủ.

Congo là nước ở bờ biển phía tây lục địa châu Phi với diện tích 342.000 km², gần bằng Việt Nam, nhưng chỉ có gần ba triệu dân. Đất đai rất phì nhiêu, sông lạch nhiều và đầy cá, lại có mỏ dầu.

Denis Sassou N'Guesso là một cựu hạ sĩ quan quân đội Pháp, được thăng dân lên đến cấp đại tá sau khi tham dự nhiều cuộc đảo chính. Năm 1979 N'Guesso đảo chính và tự phong làm tổng thống. Trước áp lực thế giới năm 1992, N'Guesso tổ chức bầu cử tổng thống và bị thảm

bại. Pascal Lissouba, một giáo sư đại học tại Pháp về sinh vật, đắc cử với đa số gần 70%. Biến cố này được cả thế giới chào mừng như một bước tiến của dân chủ tại châu Phi. Tuy nhiên Lissouba đã đại dột khiêu khích công ty Total của Pháp đang

được độc quyền khai thác dầu khí tại đây. Đòi hỏi của Lissouba rất chính đáng và thật ra cũng rất khiêm nhượng, ông chỉ đòi Total chia 50% lợi tức dầu khí cho Congo trong khi quyền của các quốc gia sở hữu các mỏ dầu lục địa và dễ khai thác như Congo cao hơn nhiều. Chính đáng và hợp lý nhưng không hợp với lòng tham của Total. Công ty này đã tài trợ cho N'Guesso để qui tụ một đạo quân toàn lính đánh thuê và bọn côn đồ để nổi loạn và tấn công chính quyền hợp pháp Lissouba. Đạo quân này có một danh xưng rất gợi ý là "Rắn hổ" (Cobra). Cuối cùng Lissouba bị đánh bại và sống lưu vong tại London, trong khi các bộ trưởng của ông phần lớn lưu vong tại Pháp. Các vị bộ trưởng này cho *Thông Luận* hay là còn một lý do khác khiến Lissouba phải lưu vong là ông đã tìm cách bắt liên lạc với Anh và Mỹ, làm chính phủ Pháp lo ngại cho quyền lợi dầu khí của mình.

Tháng 7-2003 vừa qua, một phái đoàn quân sự Việt Nam do trung tướng Nguyễn Hữu Hiệu, thứ trưởng quốc phòng, cầm đầu đến Brazzaville ký một hiệp ước hợp tác quân sự với chế độ của N'Guesso. Một cựu bộ trưởng chính phủ Lissouba cho hay là quan hệ giữa Việt Nam và Congo đã qua trung gian của Pháp. Thực ra quân Việt Nam sang Congo chủ yếu để bảo vệ quyền lợi của Pháp, đổi lại Việt Nam sẽ nhận được những trợ giúp của Pháp.

Chắc chắn cũng vì sự hợp tác này mà Pháp đã hoàn toàn im lặng trong đợt đàn áp những người dân chủ Việt Nam đang diễn ra, mặc dầu vợ của Phạm Hồng Sơn là Vũ Thúy Hà hiện là công nhân viên của Cơ quan Pháp thoại, thuộc tòa đại sứ Pháp, ở Hà Nội. Đầu năm 2003 vừa qua chính phủ Pháp đã gửi bộ trưởng tư pháp là Dominique Perben sang dự lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập "Tòa Nhà Luật Pháp" mà Pháp xây tặng Việt Nam để đánh dấu việc giúp Việt Nam thành lập hệ thống luật pháp, một hệ thống đang được dùng làm dụng cụ khủng bố những người khác chính kiến. Bộ trưởng Perben đã đến Hà Nội dự lễ giữa lúc Phạm Quế Dương bị bắt, Lê Chí Quang và Nguyễn Khắc Toàn vừa bị xử án tù.

MỘT HY VỌNG CHO LIBERIA

Trước đòi hỏi quả quyết của Mỹ, sau cùng tên bạo chúa Charles Taylor đã phải từ chức tổng thống Liberia và đi lưu vong tại Nigeria. Cuộc nội chiến đẫm máu tại Liberia tuy có tạm ngưng nhưng hy vọng hòa bình cho Liberia có thành sự thực hay không, đó là một câu hỏi chưa ai dám trả lời. Liberia có quá nhiều lực lượng võ trang chống đối lẫn nhau, có quá nhiều hận thù, nhưng không có một lực lượng dân chủ hay một lãnh tụ dân chủ đích thực nào. Charles Taylor đã chỉ rời chính quyền, sau mười năm cai trị hung bạo, gây nội chiến đẫm máu và cuối cùng hoàn toàn cô lập và tuyệt vọng vì các đám loạn quân đã tiến vào ngay thủ đô Monrovia.

Liberia được biết tới như là một quốc gia do Mỹ thành lập ra năm 1822 cho những người nô lệ da đen Mỹ được giải phóng và muốn trở lại đất cũ. Thực ra con cháu những người da đen trở về từ Mỹ chỉ chiếm 1% dân số, 99% còn lại là người bản xứ hầu như không có một quyền lợi nào.

Thảm kịch nội chiến của Liberia đã bắt đầu năm 1980 khi Samuel Doe, một trung sĩ, đảo chính, tàn sát toàn bộ chính phủ và tự xưng là đại tướng và tổng thống. Nội chiến xảy ra nhanh chóng sau đó. Một trong những thủ lĩnh phiến loạn là Charles Taylor, một cựu công chức nhờ được Doe cất nhắc nhưng sau đó đã phản lại Doe. Năm 1990, lực lượng của Taylor chiếm được thủ đô Monrovia, Doe bị chặt thành từng khúc. Taylor còn tỏ ra ác độc hơn cả Doe. Hắn không những tàn bạo với dân chúng Liberia mà còn gieo tang tóc sang cả nước láng giềng Sierra Leone. Phương pháp của Taylor là chặt tay những trẻ em thuộc những bộ lạc chống lại hắn để các em bé này khi lớn lên sẽ không thể là chiến binh. Taylor đang bị tòa án hình sự quốc tế truy tố vì tội ác đối với loài người.

Một bạo chúa hết thời khác của châu Phi là Idi Amin Dada vừa qua đời ngày 16-8-2003. Amin lên làm tổng thống Uganda sau một cuộc đảo chính năm 1971. Trong gần 8 năm cầm quyền hắn đã tàn sát khoảng 300.000 người. Hung hăng nhưng ngu ngốc, Amin khiêu chiến với nước láng giềng Tanzania, huênh hoang là có thể đánh bại Tanzania trong vài ngày. Nhưng khi cuộc chiến thực sự xảy ra thì chính chế độ của hắn đã bị đánh bại nhanh chóng, Amin bị truất phế ngày 11-4-1979 và sống lưu vong tại Saudi Arabia cho đến khi chết.

Giai đoạn mới VỀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

Hai công ty vận tải hàng không Air France của Pháp và KLM của Hòa lan sẽ sáp nhập với nhau để cho ra đời hãng hàng không có số thương vụ lớn nhất thế giới : 19,2 tỷ USD mỗi năm.

Một thời đại đã qua. Cho đến nay nước nào cũng muốn

có một đường hàng không để chứng tỏ sự hiện hữu của mình, coi đó như là một vấn đề thể diện quốc gia. Có những công ty hàng không chỉ có mặt để có mặt, vì chỉ có một vài máy bay và rất lỗ (đặc điểm của một công ty hàng không là chi phí cố định rất cao, chiếm hơn 60% tổng số chi). Tâm lý này đã thay đổi, các quốc gia không còn thấy thực sự cần có một công ty hàng không nữa nếu công ty lỗ.

Năm trước Thụy Sĩ, một nước rất giàu, đã để mặc cho công ty Swiss Air phá sản. Năm nay Hòa Lan, một nước giàu có hàng đầu thế giới, đã bình thần để cho công ty KLM sáp nhập vào với Air France. Nói chung trên thế giới đang có phong trào tập trung các công ty hàng không thành những công ty lớn có khả năng cạnh tranh và kiếm lợi.

Một thống kê cho biết, dù số công ty hàng không đã giảm đi rất nhiều, mức độ tập trung vẫn còn ở rất dưới mức độ đúng về mặt kinh tế. Thế giới hiện có 130 công ty hàng không, trong đó công ty lớn nhất American Airlines chỉ chiếm 5% dịch vụ. Giao thông giữa Mỹ và châu Âu, qua Đại Tây Dương, chiếm 60% tổng số vận tải hàng không của thế giới.

TRUNG QUỐC có bằng nhưng không có việc

Những tiến bộ về giáo dục được quảng cáo rầm rộ tại Trung Quốc có thể làm người ta nghĩ rằng giáo dục rất khả quan tại Trung Quốc. Thực ra thì chỉ một thiểu số được đi học. Theo một tài liệu được đăng trên tuần báo Newsweek thì, với một dân số 1.300 triệu người, Trung Quốc chỉ có 2 triệu thanh niên vào đại học và 1,5 triệu người tốt nghiệp đại học mỗi năm. Để so sánh, Việt Nam có 80 triệu dân, hơn nửa triệu người vào đại học và gần một nửa triệu tốt nghiệp hàng năm.

Tuy số người tốt nghiệp đại học ít như vậy, nhưng quá phân nửa vẫn không tìm được việc làm, và tỷ lệ những người tốt nghiệp đại học không có việc làm ngày càng tăng lên theo lời ông Yang Yi-yong, thuộc Hội Đồng Nhà Nước Trung Quốc, và đây là vấn đề ngày càng nhức nhối cho các nhà lãnh đạo Trung Quốc.

Vẫn theo tài liệu này thì hệ thống giáo dục Trung Quốc quả có tiến bộ nhanh, nhưng khởi hành từ mức quá thấp. Năm 1995 chỉ có 7% thanh niên ở tuổi sinh viên theo học đại học. Năm nay, 2003, tỷ lệ này là 14%. Theo dự trù thì vào năm 2080, nghĩa là 13 năm nữa, tỷ lệ này có thể đạt tới 25% hoặc 30%. Tại các nước phát triển hiện nay, tỷ lệ trung bình thanh niên ở tuổi sinh viên đại học là 50% và đang gia tăng.

Tuy chậm trễ về giáo dục như vậy, những quan tâm của Bắc Kinh hiện nay không phải là gia tăng tỷ lệ sinh viên đại học mà là sợ rằng sự gia tăng này không đi đôi với sự gia tăng công ăn việc làm và có thể làm xã hội Trung Quốc bất ổn vì bất mãn.

Một lộ trình dân chủ hóa cho MIẾN ĐIỆN

Tháng 8 năm nay, tướng Khin Nyunt sau khi nhận chức thủ tướng Miến Điện (Myanmar) đã làm thế giới ngạc nhiên khi ông tuyên bố đã có một lộ trình dân chủ cho Miến Điện. Việc bổ nhiệm một thủ tướng mới và lời tuyên bố về một lộ trình dân chủ hóa được coi như là hành động nhượng bộ và hòa dịu của tập đoàn tướng lĩnh cầm quyền tại Miến từ 1988, sau những phản ứng mãnh liệt của dư luận thế giới về việc bắt giam lãnh tụ đối lập Aung San Suu Kyi.

Tuy vậy bà Suu Kyi vẫn bị câu lưu tại nhà riêng.

Ngày 30-9-2003, Liên Hiệp Quốc đã cử đặc phái viên Razali Ismael tới Ngưỡng Quảng (Rangoon) để can thiệp cho bà Suu Kyi được trả tự do. Ông này đã được thủ tướng Khin Nyunt tiếp và sau đó được cho phép gặp bà Suu Kyi tại tư gia nơi bà bị câu lưu. Ông trả lời ngắn gọn với các ký giả hỏi ông là có kết quả gì không như sau : "Không, không có gì hết !".

Nhắc lại, sau những cuộc biểu tình lớn năm 1988, chế độ quân phiệt cộng sản của tướng Newin bị lật đổ và một giai đoạn sinh hoạt chính trị tương đối dân chủ được mở ra. Năm 1990 Liên Minh Dân Chủ của bà Suu Kyi thắng lớn, đạt hơn 80% và gần như toàn bộ số ghế dân biểu trong cuộc bầu cử tự do đầu tiên tại Miến Điện. Tập đoàn tướng lĩnh đã đảo chính, bắt giam bà Suu Kyi và thiết lập một chế độ quân phiệt từ đó đến nay.

Bà Aung San Suu Kyi là con gái của tướng Aung San, người được coi là anh hùng dân tộc đã giải phóng Miến Điện. Bà du học tại Anh, lấy chồng người Anh và sinh sống tại Anh cho tới năm 1987. Tuy chỉ về nước thăm gia đình và bị hoàn cảnh tình cờ biến thành biểu tượng của cuộc đấu tranh vì dân chủ, bà tỏ ra khá khôn khéo. Dung nhan khả ái của bà cũng là một lợi điểm khác. Bà được giải Nobel về hòa bình năm 1991.

Tuy chưa có hành động cụ thể nào theo chiều hướng dân chủ nhưng ít nhất tập đoàn cầm quyền Miến Điện cũng đã cam kết sẽ dân chủ hóa, các nhân vật đối lập chỉ còn bị quản chế. không tệt bằng Việt Nam, nhiều người dân chủ đang bị giam giữ và đòi hỏi dân chủ vẫn còn là một tội lớn.

12 vị được giải Nobel yêu cầu trả tự do cho NGUYỄN ĐAN QUẾ

"Chúng tôi, những người được giải Nobel ký tên dưới đây, bày tỏ sự quan ngại sâu xa về tình trạng an sinh và sức khỏe của người bạn khoa học của chúng tôi là bác sĩ Nguyễn Đan Quế, [◻] một người đã trả giá cá nhân lớn để làm thăng tiến nhân quyền tại Việt Nam và vì thế đã được kính trọng trên thế giới.

Chúng tôi hy vọng bác sĩ Quế sớm được trả tự do, và trong khi chờ đợi được gặp thân nhân và chọn luật sư bào

chữa cho mình".

Đó là những điểm chính trong thư của 12 vị được giải thưởng Nobel gửi cho ông Nông Đức Mạnh, tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam. Trong thư các vị này cũng nói tới tình trạng sức khỏe của Nguyễn Đan Quế và điều kiện bắt giam vô nhân đạo hiện nay của Nguyễn Đan Quế bằng những lời lẽ từ tốn.

Bản sao thư này cũng được gửi tới bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Di Niên, bộ trưởng công an Lê Hồng Anh, bộ trưởng tư pháp Ưông Chu Lưu và đại sứ Hà Nội tại Hoa Kỳ Nguyễn Tâm Chiến. Những người cao cả thường bày tỏ quan điểm của mình một cách tế nhị : thư này đã không được gửi tới chủ tịch nhà nước Trần Đức Lương và thủ tướng Phan Văn Khải. Đây là một cách gián tiếp cho rằng hai ông này không quan trọng, nhà nước Việt Nam không chính đáng và chỉ là một bộ phận của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Mười hai vị ký tên là : Kenneth J. Arrow (Kinh tế, 1972), Claude Cohen-Tannoudji (Vật lý, 1997), Robert F. Curl (Hóa, 1996), Milton Friedman (Kinh tế, 1976), François Jacob (Y khoa, 1965), Sir Harold W. Kroto (Hóa, 1996), Yuan T. Lee (Hóa, 1986), Douglas D. Osheroff (Vật lý, 1996), John C. Polanyi (Hóa, 1986), Joseph Totblat (Hòa bình, 1995), Charles Townes (Vật lý, 1964), Torsten N. Wiesel (Y khoa, 1981).

Ba người cháu của linh mục Nguyễn Văn Lý bị kết án tù

Ngày 10-9-2003, tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên án ba người cháu của linh mục Nguyễn Văn Lý. Ông Nguyễn Vũ Việt bị 5 năm tù, ông Nguyễn Trục Cường 4 năm và bà Nguyễn Thị Hoa, người chị cả, 3 năm.

Hai ông Nguyễn Vũ Việt và Nguyễn Trục Cường bị bắt giam từ tháng 5-2001, sau linh mục Nguyễn Văn Lý không lâu. Họ bị bắt vì đã thông tin cho thân hữu ở nước ngoài, đặc biệt là Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo do bà Ngô Thị Hiền làm chủ tịch, về tình trạng người chú của họ. Bà Nguyễn Thị Hoa vẫn được tại ngoại chờ ra tòa. Cả ba mới đầu bị buộc tội gián điệp. Phiên tòa đình hoãn nhiều lần và sau cùng họ bị đem xử với một tội danh khác : "lợi dụng tự do dân chủ gây thiệt hại cho quyền lợi hợp pháp của nhà nước, tổ chức và công dân". Bản cáo trạng không nói quyền lợi hợp pháp của ai bị thiệt hại như thế nào.

Đây là một bản án cực kỳ vô lý bởi vì họ chỉ thông tin về tình trạng người chú của họ đang bị bắt giam, như mọi người có thân nhân bị giam giữ đều làm. Đối với bà Nguyễn Thị Hoa thì sự vô lý lại còn đi kèm với sự ác độc vì bà Hoa hoàn toàn không liên lạc và thông tin cho bất cứ ai. Các bản án tù này chỉ nhằm mục đích bịt miệng gia đình linh mục Lý để bung bít mọi tin tức về ông.

Nhắc lại, linh mục Lý bị bắt tháng 5-2001 sau khi vận động giáo dân và dư luận phản đối việc trưng dụng một

miếng đất ruộng của giáo xứ Nguyệt Biều do ông cai quản. Vì sự phản đối này ông Lý bị xử hai năm quản chế. Ông phản đối quyết định quản chế này và bị xử 15 năm tù. Bản án sau đó được giảm xuống còn 10 năm. Nguyễn Văn Lý nguyên là thư ký riêng của giám mục Nguyễn Kim Điền và đã từng bị bắt giam trong vòng 9 năm, từ 1984 đến 1993.

Dư luận thế giới lên án vụ bắt cóc thượng tọa Thích Trí Lực

Tiếp theo các hội đoàn người Việt hải ngoại, các tổ chức nhân quyền uy tín như Human Rights Watch và Amnesty International đã lên tiếng phản đối mạnh mẽ việc nhà cầm quyền Hà Nội bắt cóc thượng tọa Thích Trí Lực và đem về Sài Gòn giam giữ với ý định giải tòa về tội trốn ra nước ngoài để tổ chức chống lại nhà nước, chiếu theo điều 91 bộ luật hình sự. với tội danh này thượng tọa Trí Lực có thể bị tù chung thân.

Thượng tọa Trí Lực (tên đời là Phạm Văn Trương) thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đã trốn sang Cam-bốt tháng 4-2002, sau khi bị giam giữ và quản chế nhiều năm. Ông được Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc chấp nhận tư cách tị nạn ngay sau đó. Đang chờ để được định cư tại một nước khác thì ông bị bắt cóc và giải về Việt Nam. Dư luận đã xôn xao ngay sau đó vì vụ bắt cóc này có sự đồng lõa của chính quyền Phnom Penh. Chính quyền cộng sản Việt Nam đã tuyên bố không biết gì về vụ này. Sau nhiều tiết lộ từ phía công an cho hay, thượng tọa Trí Lực đang bị giam giữ, phát ngôn viên bộ ngoại giao Phan Thúy Thanh đã nhìn nhận là thượng tọa Trí Lực quả nhiên đang bị giam giữ sau khi đã bị bắt tại biên giới Việt Nam-Cam-bốt.

Tổ chức Human Rights Watch tuyên bố : "hành động bắt cóc này cho thấy chính quyền Việt Nam coi thường luật pháp quốc tế đến mức nào".

Sinh viên Việt Nam tới Pháp ngày càng đông

Theo một ước lượng của giới thạo tin về du học sinh thì trong một năm qua đã có khoảng 5.000 du học sinh Việt Nam tới Pháp và con số này sẽ còn gia tăng nhiều trong thời gian sắp tới. Lý do chính khiến đa số sinh viên Việt Nam chọn tới Pháp là các trường đại học Pháp phần lớn đều miễn phí và hơn nữa sinh viên còn được tài trợ một phần tiền thuê nhà. Một lý do không nói ra là Pháp có thể nhận cho sinh viên Việt Nam ở lại sau khi tốt nghiệp. Chính quyền Việt Nam, mặt khác, cũng cấp dễ dàng hộ chiếu du học sang Pháp vì Pháp đang có quan hệ tốt đối với chính quyền Việt Nam.

Phong trào đi du học Pháp đã bắt đầu từ hơn 10 năm nay nhưng mới chỉ trở nên rầm rộ từ khoảng vài năm nay. Cũng theo một ước lượng thì số sinh viên và thực tập sinh trở về Việt Nam sau khi học xong rất ít.

Thư độc giả

Dự án chính trị Thành Công Thế Kỷ 21

Tôi là độc giả thường xuyên của Website thongluan. Trong tất cả các mục của quý báo, có lẽ tôi thích và tâm đắc nhất là mục Dự Án Chính Trị, đặc biệt là dự án Thành Công Thế Kỷ 21. Có lẽ đây là một tài liệu có giá trị và quý nhất đối với người Việt Nam trong thời đại này. Đây là dự án của ngày hôm nay nhưng nó sẽ là hiện thực của ngày mai. Nó như là cương lĩnh, phải là sự lựa chọn tất yếu cho bất cứ một chế độ nào trong tương lai.

Là một người rất ưu tư với vận mệnh của đất nước, tôi đã tìm đọc rất nhiều tài liệu và báo chí hải ngoại (vì trong nước những báo như thế này không có) để tìm xem tương lai nào sẽ chờ đón chúng ta ? Mô hình chính trị nào phù hợp với chúng ta ? ... và quả thật chỉ có dự án Thành Công Thế Kỷ 21 mới trả lời cho tôi biết một cách rõ ràng và mạch lạc, đầy đủ, dễ hiểu... Nhờ đó tôi biết được bao nhiêu điều mới. Tôi đọc dự án này với tất cả hân hoan và vui sướng. Tôi tin rằng rồi dự án này sẽ thành công trong hiện thực, và tất cả nhà hoạt động chính trị nào cũng nên thông suốt dự án này, hay lấy nó làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Bởi tư tưởng của dự án này hoàn toàn là vì dân, đặt quyền lợi của nhân dân lên trên hết.

Tôi không thể nói hết lời của mình được, tôi chỉ biết gửi lời cảm ơn, lời chúc sức khỏe đến tất cả những người đã tham gia soạn thảo dự án chính trị Thành Công Thế Kỷ 21. Đối với tôi, họ là những chính trị gia đáng kính phục và tài giỏi. Tư tưởng của họ qua dự án này đã toát lên tinh thần dân tộc cao độ, tất cả vì tương lai đất nước Việt Nam yêu quý của tất cả chúng ta.

Một tư tưởng trong dự án của nhóm Thông Luận khiến tôi tâm đắc, đó là tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc. Đúng vậy, chúng ta tất cả phải vì đất nước, vì dân tộc mà bỏ qua hận thù, hiềm khích của quá khứ... Như Đức Phật dạy : nếu lấy Ân mà trả Oán thì Oán sẽ hóa giải, nếu lấy Oán trả Oán thì Oán đó sẽ chồng chất. Tôi rất hiểu nhiều lúc vì ý muốn tốt đẹp này mà Thông Luận bị chỉ trích kịch liệt, nhất là những người ở Mỹ, có lẽ lòng hận thù trong họ còn quá lớn, không muốn nghe bất cứ điều hay lẽ thiệt nào. Tuy vậy, những người thật tâm muốn Việt Nam phát triển, có cái đầu tỉnh táo để suy nghĩ... thì ai cũng phải đồng tình với quan điểm của Thông Luận.

Tôi mong rằng Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên luôn phát huy tinh thần của dân tộc mình, để trở thành một lực lượng hùng mạnh về chất lượng cũng như số lượng, và nếu có thể thì trở thành một Đảng đối lập chính trong tương lai.

Vũ Hoàng (Moscova, tháng 9-2003)

Tìm đọc Thông Luận và nhiều tiết mục khác trên internet :
<http://www.thongluan.org>

TUYÊN BỐ

của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên trước tình trạng sức khỏe nguy ngập của Lê Chí Quang

Người trí thức trẻ Lê Chí Quang đã bị bắt giam từ ngày 21-02-2002 và bị kết án bốn năm tù chỉ vì đã phát biểu một cách ôn hòa ý kiến của mình trên những vấn đề quan trọng của đất nước. Theo bản cáo trạng, một tội của Lê Chí Quang là đã hưởng ứng lời kêu gọi của chính quyền viết bài đóng góp về sửa đổi hiến pháp, một tội khác là đã phê phán chính quyền cộng sản Việt Nam dùng nhà tù để đàn áp những người khác chính kiến.

Việc bắt giam và bỏ tù tùy tiện Lê Chí Quang đã gây phản ứng phẫn nộ trong dư luận Việt Nam và thế giới. Hành động thô bạo này còn tàn nhẫn ở chỗ Lê Chí Quang bị bệnh thận rất nặng.

Hiện nay tình trạng sức khỏe của Lê Chí Quang đang cực kỳ nguy ngập. Không một tính toán chính trị nào, dù đen tối tới đâu, có thể biện minh cho việc tiếp tục giam giữ Lê Chí Quang.

Nhà cầm quyền Việt Nam phải khẩn cấp trả Lê Chí Quang cho gia đình để được săn sóc và chữa chạy. Ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam, và trước hết là những người trực tiếp liên hệ, sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp có chuyện chẳng lành xảy ra cho Lê Chí Quang.

Ngày 20-9-2003
Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Nguyệt san **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Giá một năm báo là 35 Euros. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Giá một năm báo là 35 Euros. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 0077708294 - Bankleitzahl : 50190000.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Giá một năm báo là 35 Euros. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Hoa Kỳ : Thong Luan, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Quan My Lan*. E-mail : *qml@thongluan.org*.

Tại Úc : Sơn Dương, 36 Clarence Street, Condell Park, NSW 2200. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (Báo Thông Luận).

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG THÔNG LUẬN

Mục lục

1. *Lê Chí Quang trong tình trạng nguy kịch*
Thông Luận
2. *Cứu nguy phong trào toàn cầu hóa*
Nguyễn Gia Kiểng
4. *Pháp và Mỹ tiếp tục kinh địch ?*
Nguyễn Sơn Bà
5. *Nguyễn Vũ Bình tròn một năm biệt giam !*
Lâm Thu Vân
8. *Cái nhìn từ Hà Nội*
Bùi Tín
11. *Thơ : Mẹ*
Sông Lô
12. *Độc quyền và hủ bại*
Hà Thanh Liên
14. *Báo công an bêu riếu Đảng và Chế Độ !*
Hà Linh
16. *Cố gắng tồn tại trong khó khăn*
Nguyễn Văn Huy
21. *Con đường tri thức của tôi*
Isaiiah Berlin
27. *Vài suy nghĩ về đối lập dân chủ Việt Nam*
Uông Toàn Phong
28. *Thời sự quốc tế và Việt Nam*
31. *Thư độc giả : Dự án Thành Công Thế Kỷ 21*
Vũ Hoàng
32. *Tuyên bố*
Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên